



TÁC PHẨM CHỌN LỌC DÀNH CHO THIẾU NHI



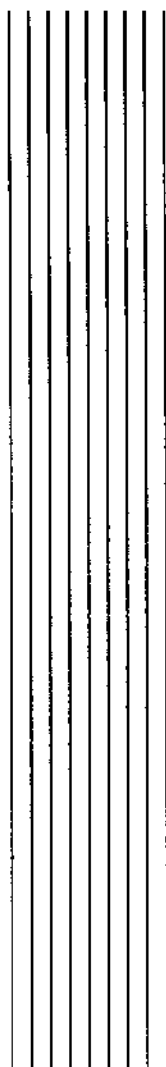
VŨ QUỲNH - KIỀU PHÚ
NGUYỄN DŨ

Lĩnh Nam
chích quái
Truyện kỳ mạn lục





TÁC PHẨM CHỌN LỌC
DÀNH CHO THIẾU NHI



LĨNH NAM CHÍCH QUÁI TRUYỀN KỲ MẠN LỤC

VŨ QUỲNH - KIỀU PHÚ
NGUYỄN DŨ

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

VŨ QUỲNH - KIỀU PHÚ

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

(CHUYỆN LẠ SƯU TẦM Ở LĨNH NAM)

ĐÌNH GIA KHÁNH - NGUYỄN NGỌC SAN dịch

In lần thứ ba



1. TRUYỆN HỌ HỒNG BÀNG

Đế Minh cháu ba đời họ Viêm Đế Thần Nông sinh ra Đế Nghi, sau nhân đi tuần về phía Nam đến núi Ngũ Lĩnh lấy được con gái bà Vụ Tiên rồi trở về, sinh ra Lộc Tục. Tục dung mạo đoan chính, thông minh phúc hậu, Đế Minh lấy làm lạ, muốn cho nối ngôi mình. Lộc Tục cố từ, xin nhường cho anh. Đế Minh liền lập Nghi làm kẻ nối ngôi. Lại phong Lộc Tục là Kinh Dương Vương để trị đất Nam, lấy hiệu nước là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương có tài đi dưới Thủy Phủ, lấy con gái Long Vương ở hồ Động Đình, sinh ra Sùng Lãm hiệu là Lạc Long Quân, cho nối ngôi trị nước. Kinh Dương Vương không biết đi đâu mất. Lạc Long Quân dạy dân việc cày cấy nông tang, đặt ra các đẳng quân, thần, tôn ti, các đạo cha con, vợ chồng, đôi khi trở về Thủy Phủ mà trăm họ vẫn yên vui vô sự, không biết do đâu được thế. Hễ dân có việc lại lớn tiếng gọi Long Quân rằng: “Bố ơi! Sao không cứu chúng tôi”. Long

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

Quân tới ngay, sự linh hiển của Long Quân, người đời không ai lường nổi.

Đế Nghi truyền ngôi cho con là Đế Lai, cai trị Bắc phương. Nhân khi thiên hạ vô sự bèn sai quần thần là bọn Xuy Vưu thay mình trông coi quốc sự rồi đi tuần xuống nước Xích Quỷ ở phía Nam. Khi đó, Long Quân đã về Thủy Phủ, trong nước không có chúa. Đế Lai bèn để ái nữ là Âu Cơ và các thị tỳ ở lại nơi hành tại rồi đi chu du thiên hạ, ngắm các nơi danh lam thắng cảnh. Thấy hoa kỳ cỏ lạ, trân cầm dị thú, ngọc ngà vàng bạc... các thứ đá quý, các cây trâm, đàn cùng các sơn hào hải vật không thiếu thứ gì, khí hậu bốn mùa không lạnh không nóng. Đế Lai rất ái mộ, vui quên trở về. Dân phương Nam khổ vì bị người Bắc phương quấy nhiễu, không được yên sống như xưa mới cùng gọi Long Quân rằng: “Bố ơi ở đâu mà để cho dân Bắc xâm nhiễu phương dân”. Long Quân đột nhiên trở về, thấy Âu Cơ có dung mạo đẹp dễ kỳ lạ, trong lòng vui mừng, bèn hóa thành một trang thiếu niên phong tư tú lệ, tả hữu kẻ hầu người hạ đông đúc, vừa đi vừa ca hát đánh trống. Cung điện tự nhiên dựng lên. Âu Cơ vui lòng theo Long Quân. Long Quân giấu Âu Cơ ở Long Đài. Nham Đế Lai trở về, không thấy Âu Cơ, sai quần thần đi tìm khắp thiên hạ. Long Quân có phép thần thông biến hóa thành trăm hình vạn trạng yêu tinh, quỷ sứ, rồng, rắn, hổ, voi... làm cho bọn đi tìm đều sợ hãi không dám



sục sạo, Đế Lai bèn phải trở về. Truyền ngôi đến đời Du Vông, thì Xuy Vưu làm loạn. Vua nước Hữu hùng là Hiên Viên đem chư hầu tới đánh nhưng không được. Xuy Vưu mình thú mà nói tiếng người, có sức khoẻ dũng mãnh. Có người dạy Hiên Viên dùng trống da thú làm lệnh, Xuy Vưu sợ hãi chạy về đất Trác Lộc. Đế Du Vông xâm lăng chư hầu, cùng Hiên Viên giao binh ở Phấn Tuyền đánh ba trận đều bị thua, bị giáng phong ở đất Lạc Ấp rồi chết ở đó. Giòng họ Thần Nông tới đây thì hết. Long Quân lấy Âu Cơ rồi đẻ ra một bọc, cho là điềm bất thường, vớt ra cánh đồng; qua sáu bảy ngày, bọc trứng vỡ ra một trăm quả trứng, mỗi trứng nở ra một con trai, mới đem về nhà nuôi. Không phải bú mớm, các con tự lớn lên, trông đẹp đẽ kỳ dị, người nào cũng trí dũng song toàn, người người đều kính trọng cho là triệu phi thường. Long Quân ở lâu dưới Thủy Quốc vợ con thường muốn về đất Bắc. Về tới biên giới, hoàng đế nghe nói rất sợ hãi cho binh ra giữ cửa ải, mẹ con Âu Cơ không thể về được bèn quay về nước Nam mà gọi Long Quân rằng: “Bố ở nơi nào mà để mẹ con tôi cô độc, ngày đêm buồn khổ thế này”. Long Quân bỗng trở về, gặp nhau ở đất Tương. Âu Cơ nói: “Thiếp vốn là người nước Bắc, ở với vua, sinh hạ được trăm con trai, vua bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi con, làm người vô phụ vô phụ, chỉ biết thương mình”. Long Quân nói:

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

“Ta là nòi rồng, đứng đầu thủy tộc, nàng là giống tiên, sống ở trên đất, tuy khí âm dương hợp lại mà sinh ra con, nhưng thủy hỏa tương khắc, giòng giống bất đồng, khó ở lâu với nhau được, nay phải chia ly. Ta đem năm mươi con về Thủy Phủ chia trị các xứ, năm mươi con theo nàng về ở trên đất, chia nước mà trị. Lên núi, xuống bể, hữu sự báo cho nhau biết, đừng quên”. Trăm con vâng theo, sau đó từ biệt mà đi.

Âu Cơ và năm mươi con lên ở đất Phong Châu suy phục lẫn nhau, cùng tôn người con cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, lấy tên nước là Văn Lang, đông giáp Nam Hải, tây tới Ba Thục, bắc tới Động Đình Hồ, nam tới nước Hồ Tôn (nay là Chiêm Thành). Chia nước làm 15 bộ (còn gọi là quận) là Việt Thường, Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Hoài Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Chân Định, Văn Lang, Quế Lâm, Tượng Quận. Chia các em ra cai trị, lại đặt các em làm tướng văn tướng võ, văn là lạc hầu, võ là lạc tướng. Con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mỹ nương, trăm quan gọi là bộ chính, thân tộc, nữ lệ gọi là xảo xứng (còn gọi là nô tỳ). Bề tôi gọi là hần, đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo. Vua đời đời thế tập gọi là Hùng Vương, không hề thay đổi. Lúc ấy, dân sống ở ven rừng, xuống nước đánh cá thường bị giống giao long làm hại, bèn nói với vua. Đáp:



“Giống sơn man và giống thủy tộc có thù với nhau, thường ghét nhau cho nên hại nhau đó”. Khiến người đời lấy mực xăm vào mình theo hình Long Quân, theo dạng thủy quái. Từ đó, dân không bị tai họa giao long làm hại nữa. Tục xăm hình của dân Bách Việt cũng bắt đầu từ đây. Hôi quốc sơ, dân không đủ đồ dùng, phải lấy vỏ cây làm áo, dệt cỏ gianh làm chiếu, lấy cốt gạo làm rượu, lấy cây quang lang, cây tung lư làm cơm (có chỗ viết là uống), lấy cầm thú, cá, ba ba làm mắm, lấy rễ gừng làm muối, cây bằng dao, trồng bằng lửa. Đất sản xuất được nhiều gạo nếp, lấy ống tre mà thổi cơm. Bức gỗ làm nhà để tránh hổ sói. Cắt tóc ngắn để dễ đi lại trong rừng rú. Để con ra lấy lá chuối lót cho nằm, có người chết thì giã cối làm lệnh, người lân cận nghe tiếng đến cứu. Chưa có trâu cày, việc hôn thú giữa nam nữ lấy gói đất làm đầu, sau đó mới giết trâu, dê làm đồ lễ, lấy cơm nếp để nhập phòng cùng ăn, sau đó mới thành thân. Đó trăm người con trai chính là tổ tiên của người Bách Việt vậy.

TRUYỆN NGƯ TINH

Ở biển Đông có con tinh ngư xà (còn gọi là Ngư Tinh) dài hơn năm mươi trượng, chân nhiều như chân rết, biến hóa vạn trạng, linh dị khôn lường, khi đi thì âm âm như mưa, lại ăn được thịt người nên ai cũng sợ. Đời thượng cổ có con cá dung mạo như người đi tới bờ Đông Hải, sau biến thành người, biết nói năng, dần dần lớn lên, sinh ra nhiều con trai con gái, hay bắt cá, tôm, sò, hến mà ăn. Lại có giống Đản Nhân sống ở một cái gò dưới bể, chuyên nghề bắt cá, sau cũng biến thành người, giao dịch với man dân đổi lấy thóc gạo, dao, búa, thường qua lại ở Đông Hải. Có hòn đá Ngư Tinh, rằng đá lởm chởm cắt ngang bờ bể, ở dưới đá có hang, Ngư Tinh sống ở trong đó. Vì sóng gió hiểm trở, không có lối thông, dân muốn mở một đường đi khác nhưng đá rắn khó đẽo. Thuyền của nhân dân đi qua chỗ này thường hay bị Ngư Tinh làm hại. Đêm kia có bọn người tiên đục đá làm đường đi để cho hành nhân có chỗ qua lại. Ngư Tinh bèn hóa làm con gà trắng



gáy ở trên núi. Quần tiên nghe tiếng ngỡ rằng đã rạng đông bèn cùng bay lên trời. Tới nay người ta gọi lối đi ấy là Phật Đào Hạng (ngõ Phật đào).

Long Quân thương dân bị hại bèn hóa thành một chiếc thuyền của thường dân, hạ lệnh cho quý Dạ Thoa ở Thủy Phủ cấm hải thần nổi sóng, rồi chèo thuyền đến bờ hang đá Ngư Tinh, giả cách cầm một người sắp ném vào cho nó ăn. Ngư Tinh há miệng định nuốt. Long Quân cầm một khối sắt nung đỏ ném vào miệng cá. Ngư Tinh chồm lên quấy mình quật vào thuyền. Long Quân cắt đứt đuôi cá, lột da phủ lên trên núi nay chỗ đó gọi là Bạch Long Vĩ còn cái đầu trôi ra ngoài bể biến thành con chó. Long Quân bèn lấy đá ngăn bể rồi chém nó. Nó biến thành cái đầu chó, nay gọi là Cầu Đầu Sơn. Thân trôi ra ngoài Mạn Cầu, chỗ đó nay gọi là Mạn Cầu Thủy (còn gọi là Cầu Đầu Thủy).

TRUYỆN HỒ TINH

Thành Thăng Long xưa hiệu là Long Biên, hồi thượng cổ không có người ở. Vua Thái Tổ nhà Lý chèo thuyền ở bến sông Nhĩ Hà, có hai con rồng dẫn thuyền đi, cho nên đặt tên là Thăng Long rồi đóng đô ở đấy, ngày nay tức là thành Kinh Hoa vậy.

Xưa ở phía tây thành có hòn núi đá nhỏ, phía đông gối lên sông Lô Giang. Trong hang, dưới chân núi, có con cáo trắng chín đuôi sống hơn ngàn năm, có thể hóa thành yêu quái, thành người hoặc thành quỷ đi khắp nhân gian.

Thời đó, dưới chân núi Tản Viên, người Mán chôn gỗ kết cỏ làm nhà. Trên núi có vị thần rất linh thiêng, người Mán thường thờ phụng. Thần dạy người Mán trồng lúa, dệt vải làm áo trắng mà mặc cho nên gọi là Bạch Y Man (mán áo trắng). Con cáo chín đuôi biến thành người áo trắng nhập vào giữa đám dân Mán cùng ca hát rồi dụ dỗ trai gái trốn vào trong hang núi. Người Mán rất khổ sở. Long Quân bèn ra lệnh



cho lục bộ thủy phủ dâng nước lên công phá hang đá. Cáo chín đuôi bỏ chạy, quân thủy phủ đuổi theo, phá hang bắt cáo mà nuốt ăn. Nơi này trở thành một cái vũng sâu gọi là “đầm xác cáo” (tức Tây Hồ ngày nay). Sau lập miếu (tức Kim Ngưu Tự) để trấn áp yêu quái. Cánh đồng phía Tây Hồ rất bằng phẳng, dân địa phương trồng trọt làm ăn, nay gọi là Hồ Đồng (hang cáo). Đất ở đây cao ráo, dân làm nhà mà ở nay gọi là Hồ Thôn (thôn Cáo). Chỗ hang cáo xưa, nay gọi là Lỗ Khước Thôn.

TRUYỆN ĐÔNG THIÊN VƯƠNG

Hùng Vương cậy nước mình giàu mạnh, mà chênh mảng việc triều cận Bắc phương. Vua nhà Ân mượn cơ tuần thú sang xâm lược. Hùng Vương nghe tin, triệu tập quần thần hỏi kế công thủ. Có người phương sĩ tâu rằng sao không cầu Long Vương đưa quân âm lên giúp! Vua nghe lời, bèn lập đàn, bày vàng bạc lụa là lên trên, ăn chay, thắp hương, cầu đảo ba ngày. Trời nổi mưa to gió lớn, bỗng thấy một cụ già cao hơn chín thước, mặt vàng bụng lớn, mày râu bạc trắng, ngồi ở ngã ba đường mà cười nói ca múa. Những người trông thấy biết là kẻ phi thường, mới vào tâu vua. Vua thân hành ra vái chào, rước vào trong đàn. Cụ già không ăn uống cũng không nói năng. Vua nhân hỏi: “Nghe tin quân Bắc sang xâm lược, ta thua được thế nào, ngài có kiến văn xin bảo giúp”. Cụ già ngồi im một lúc, rút thẻ ra bồi, bảo vua rằng: “Ba năm nữa giặc Bắc sẽ sang, phải nghiêm chỉnh khí giới, tinh luyện sĩ binh mà giữ nước, lại phải đi tìm bạc kỳ tài trong



thiên hạ, kẻ nào phá được giấc thì phân phong tước ấp, truyền hưởng lâu dài. Nếu được người giỏi, có thể dẹp được giấc vậy”. Dứt lời, bay lên không mà đi, mới biết đó là Long Quân.

Ba năm sau, người biên giới cấp báo có giấc Ân tối. Vua làm theo lời cụ già dặn, sai sứ đi khắp các nơi cầu hiền tài. Tối làng Phù Đồng, huyện Tiên Du, Bắc Ninh, có một phú ông tuổi hơn sáu mươi, sinh được một người con trai vào giữa ngày mồng 7 tháng giêng, ba tuổi còn không biết nói, nằm ngửa không ngồi dậy được. Người mẹ nghe tin sứ giả tới mới nói giỡn rằng: “Sinh được thằng con trai này chỉ biết ăn, không biết đánh giấc để lấy thưởng của triều đình, báo đáp công bú mớm”. Người con nghe thấy mẹ nói, đột nhiên bảo: “Mẹ gọi sứ giả tới đây”. Người mẹ rất lấy làm kinh ngạc, kể lại với hàng xóm. Hàng xóm cả mừng, tức tốc gọi sứ giả tới. Sứ giả hỏi: “Mày là đứa trẻ mới biết nói, mời ta đến làm gì?”. Đứa trẻ nhồm dậy bảo sứ giả rằng: “Mau về tâu với vua rèn một con ngựa sắt cao mười tám thước, một thanh kiếm sắt dài bảy thước, một roi sắt và một non sắt. Ta cưỡi ngựa đội nón ra đánh, giấc tất phải kinh bại, vua phải lo gì nữa?”. Sứ giả mừng rỡ vội về tâu vua. Vua vừa kinh vừa mừng nói rằng: “Ta không lo nữa”. Quần thần tâu: “Một người thì làm sao mà đánh bại được giấc?”. Vua nổi giận nói: “Lời nói của Long Quân ngày trước không phải là ngoa, các quan

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

chớ nghi ngờ gì nữa! Mau đi tìm năm mươi cân sắt luyện thành ngựa, kiếm, roi và nón". Sứ giả tới gặp, người mẹ sợ hãi cho rằng tai hoạ đã đến, bèn bảo người con. Con cả cười bảo rằng: "Mẹ hãy đưa nhiều cơm rượu cho tôi ăn, việc đánh giặc mẹ chớ có lo". Người con lớn lên rất nhanh, ăn uống tốn rất nhiều, người mẹ cung đốn không đủ. Hàng xóm sửa soạn trâu rượu bánh quả rất nhiều mà người con ăn vẫn không no bụng. Vải lụa gấm vóc rất nhiều mà mặc vẫn không kín thân, phải đi lấy hoa lau buộc thêm vào cho kín người. Kịp đến lúc quân nhà Ân tới chân núi Trâu Sơn ở Vũ Ninh, người con đuổi chân đứng dậy cao hơn mười thước (có chỗ nói là trượng) ngựa mũi hất hơi liền hơn mười tiếng, rút kiếm thét lớn: "Ta là thiên tướng đây!" rồi đội nón cười ngựa. Ngựa chồm lên, hí dài một tiếng mà phi như bay, nháy mắt đã tới trước quân vua, võ kiếm đi trước, quan quân đều theo sau, tiến sát đồn giặc. Quân giặc bỏ chạy, còn lại tên nào đều la báí kêu lay thiên tướng rồi cùng đến hàng phục. Ân vương bị chết ở trong trận. Đi đến đất Sóc Sơn huyện Kim Hoa, thiên tướng cởi áo cưỡi ngựa mà lên trời, hôm đó là ngày mồng 9 tháng 4, còn để vết tích ở hòn đá trên núi. Hùng Vương nhớ công ơn đó mới tôn là Phù Đổng Thiên Vương, lập miếu thờ ở nhà cũ trong làng, lại ban cho một ngàn mẫu ruộng, sớm hôm hương lửa. Nhà Ân đời đời, 644 năm



không dám ra quân. Sau Lý Thái Tổ phong làm Xung Thiên Thần Vương, lập miếu ở làng Phù Đồng cạnh chùa Kiến Sơ, lại tạc tượng ở núi Vệ Linh, xuân thu hai mùa tế lễ.

Tối đời vua Thuần Đế nhà Lê, ở xã Phù Lỗ có người con gái tên là Ngô Chi Lan chăm đọc sách, rành văn chương, thơ ca điêu luyện, nhân đi dạo chơi tới núi này có đề bài thơ rằng:

*Vệ Linh cây cỏ lẫn mây ngàn,
Vạn tía muôn hồng rõ thế gian.
Ngựa sắt bay rồi tên vẫn đó,
Anh hùng sống mãi với giang san.*

(Dịch ý)

TRUYỆN NHẤT DẠ TRẠCH

Hùng Vương truyền tới đời thứ ba thì sinh hạ được người con gái tên là Tiên Dung my nương đến tuổi 18 dung mạo đẹp đẽ, không muốn lấy chồng mà chỉ vui chơi, chu du khắp thiên hạ. Vua cũng không cấm đoán nàng. Mỗi năm vào khoảng tháng hai tháng ba lại sắm sửa thuyền bè chèo chơi ở ngoài bể, vui quên trở về.

Hồi đó ở làng Chử Xá cạnh sông lớn có người dân tên là Chử Vi Vân sinh hạ được Chử Đồng Tử, cha từ con hiếu, nhà gặp hỏa hoạn, của cải sạch không, còn lại một khối vải cha con ra vào thay nhau mà mặc. Kịp tới lúc cha lâm bệnh, bảo con rằng: “Cha chết cứ để trần mà chôn, giữ khối lại cho con”. Con không nỡ làm theo, dùng khối mà liệm bố. Đồng Tử thân thể trần truồng đói rét khổ sở, đứng ở bên sông hề nhìn thấy có thuyền buôn qua lại thì đứng ở dưới nước mà ăn xin, khi thì câu cá độ thân không ngờ thuyền Tiên Dung xóc tới, chiêm trống nhã nhạc, kẻ hầu người hạ rất đông. Đồng Tử



rất kinh sợ. Trên bãi cát có khóm lau sậy, lúa thưa dăm ba cây, Đồng Tử bèn nấp trong đó, bồi cát thành lỗ nằm xuống mà phủ cát lên mình. Thoắt sau, Tiên Dung cầm thuyền dạo chơi trên bãi cát, ra lệnh vây màn ở khóm lau mà tắm. Tiên Dung vào màn, cởi áo đội nước, cát trôi mất, trông thấy Đồng Tử. Tiên Dung kinh sợ hồi lâu, thấy là con trai bèn nói: “Ta vốn không muốn lấy chồng, nay lại gặp người này, cùng ở trần với nhau trong một hố, đó chính là do trời xui nên vậy. Người hãy đứng dậy tắm rửa, ta ban cho quần áo mặc rồi cùng ta xuống thuyền mở tiệc ăn mừng”. Người trong thuyền đều cho đó là cuộc giai ngộ xưa nay chưa từng có. Đồng Tử bảo: “Đâu dám như vậy!”, Tiên Dung ta thán, ép làm vợ chồng. Đồng Tử cố từ, Tiên Dung nói: “Đây do trời chấp nối, sao cứ chối từ?”. Người theo hầu vội về tâu lại với vua. Hùng Vương nói: “Tiên Dung không thiết tới danh tiết, không màng tới của cải của ta, ngao du bên ngoài, hạ mình lấy kẻ bần nhân, còn mặt mũi nào trông thấy ta nữa”. Tiên Dung nghe thấy, sợ không dám về, bèn cùng Đồng Tử mở bến chợ, lập phố xá, cùng dân buôn bán, dần dần trở thành cái chợ lớn (nay là chợ Thám, còn gọi là chợ Hà Lương). Phú thương ngoại quốc tới buôn bán tấp nập, thờ Tiên Dung, Đồng Tử làm chúa. Có người lái buôn giàu nói rằng: “Quý nhân bỏ một dật vàng ra ngoài bể mua vật quý, sang

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

năm có thể thành mười dật". Tiên Dung cả mừng bảo Đồng Tử: "Vợ chồng chúng ta do trời tác thành, đồ ăn thức mặc do trời phú cho, nay hãy đem vàng cùng phú thương ra bể buôn bán". Có núi Quỳnh Viên, trên núi có am nhỏ, bọn lái buôn thường ghé lại đó uống nước. Đồng Tử lên am chơi, có tiểu tăng tên gọi Ngưỡng Quang truyền phép cho Đồng Tử. Đồng Tử lưu học ở đó, giao tiền cho lái buôn mua hàng. Sau lái buôn quay lại am chở Đồng Tử về. Sư tăng Đồng Tử một cây trượng và một chiếc nón mà nói rằng: "Linh thiêng ở những vật này đây". Đồng Tử trở về, giảng lại đạo Phật. Tiên Dung bèn gác ngô, bỏ phố phường, chợ búa, cơ nghiệp, rồi cả hai đều tìm thầy học đạo. Trên đường viễn hành, trời tối mà chưa thấy thôn xá, hai người tạm nghỉ ở giữa đường, cắm trượng che nón mà trú thân. Đến canh ba, thấy hiện ra thành quách, lầu ngọc, điện vàng, đền đài dinh thự, vàng bạc châu báu, giường chiếu chăn màn, tiên đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ, la liệt trước mắt. Sáng hôm sau, ai trông thấy cũng kinh lạ, đem hương hoa, ngọc thực tới dâng mà xin làm bề tôi. Có văn võ bách quan chia quân túc vệ, lập thành nước riêng. Hùng Vương nghe tin, cho rằng con gái làm loạn bèn sai quân tới đánh. Quân thần xin đem quân ra phân nhau chống giữ. Tiên Dung cười mà bảo: "Điều đó ta không muốn làm, do trời định đó thôi, sinh tử tại trời, há đâu dám



chống lại cha, chỉ xin thuận theo lẽ chính, mặc cho đao kiếm chém giết”. Lúc đó, dân mới tới đều kinh sợ tản đi, chỉ có dân cũ ở lại. Quan quân tới, đóng trại ở châu Tự Nhiên, còn cách sông lớn thì trời tối không kịp tiến quân. Nửa đêm, gió lớn thổi bay cát nhỏ cây, quan quân hỗn loạn. Tiên Dung cùng thủ hạ, thành quách phút chốc bay tán lên trời, đất chỗ đó sụt xuống thành cái chằm lớn. Về sau, dân lập miếu thờ, bốn mùa cúng tế, gọi chằm là chằm Nhất Dạ Trạch (nghĩa là chằm một đêm), gọi bãi là bãi Mạn Trù, gọi chợ là chợ Thám còn gọi là chợ Hà Lương. Sau vua Hậu Lương là Diên sai Trần Bá Tiên đem quân xâm lược phương Nam. Lý Nam Đế sai Triệu Quang Phục làm tướng cự địch. Quang Phục đem quân nấp ở chằm. Chằm sâu mà rộng, quân địch vướng mắc, tiến binh rất khó, Quang Phục dùng thuyền độc mộc đột xuất ra đánh cướp lương thực, cầm cự lâu ngày làm cho quân giặc mệt mỏi, trong ba bốn năm không hề đổi diện chiến đấu. Bá Tiên than rằng: “Ngày xưa nơi đây là chằm một đêm bay về trời, nay lại là chằm một đêm cướp đoạt người”. Nhân gặp loạn Hưu Cảnh, vua nhà Lương bèn gọi Bá Tiên về, ủy cho tì tướng là Dương Sằn thống lĩnh sĩ tốt, Quang Phục ăn chay lập đàn ở giữa đầm, đốt hương mà cầu đảo, bỗng thấy thần nhân cười rỗng bay vào trong đàn mà bảo Quang Phục rằng: “Hiển linh còn đó, người có thể cầu tới

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

cứu trợ để dẹp bằng hoạ loạn". Dứt lời, tháo vuốt rồng trao cho Quang Phục, bảo: "Dem vật này đeo lên mũ đầu mâu có thể khiến giặc bị diệt". Đoạn bay lên trời mà đi. Quang Phục được vật đó, reo mừng vang động, xông ra đột chiến, quân Lương thua to. Chém Dương Săn ở trước trận, giặc Lương phải lùi. Quang Phục nghe tin Nam Đế mất, bèn tự lập làm Triệu Việt Vương, xây thành ở Trâu Sơn, huyện Vũ Ninh.



TRUYỆN MỘC TINH

Đất Phong Châu thời thượng cổ có một cây lớn gọi là cây chiên đàn cao hơn ngàn trượng cành lá xum xuê, không biết che rợp tới mấy ngàn dặm. Có chim hạc bay đến đậu nên đất chỗ đó gọi là đất Bạch Hạc. Cây trải qua hàng mấy ngàn năm khô héo mà biến thành yêu tinh, thường thay đổi hình dạng, rất dũng mãnh, có thể giết người hại vật. Kinh Dương Vương dùng nhạc mà đánh thắng yêu, yêu hơi chịu nhún nhưng vẫn nay đây mai đó. Biến hóa khôn lường, thường ăn thịt người. Dân phải lập đền thờ, hàng năm tới ngày 30 tháng chạp, theo lệ phải mang người sống tới nộp, dân mới được yên ổn. Dân thường gọi yêu là thần Xương Cuồng. Biên giới tây nam giáp liền với nước Mi Hầu, vua Hùng Vương sai dân man Bà Lô (nay là phủ Diên Châu) hàng năm bắt giống người lão tử sống ở khe núi tới tiến, không thể thay đổi được lệ ấy. Kịp tới khi Tần Thủy Hoàng bỏ Nhâm Hiêu làm quan lệnh ở Long Xuyên, muốn bỏ tệ ấy đi. Thần Xương

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

Cuồng tức giận vật chết Hiêu, vì thế về sau lại phải phụng thờ cẩn thận. Đến đời vua Đinh Tiên Hoàng có pháp sư Văn Du Tường vốn người phương bắc, đức hạnh thanh cao, đã từng đi qua nhiều nước, biết được tiếng các dân man, học được thuật làm nanh vàng và răng đồng, năm hơn 80 tuổi sang nước Nam ta. Tiên Hoàng lấy lễ thầy trò mà tiếp, pháp sư bèn dạy cho nghề tạp kỹ để làm trò vui cho thần Xương Cuồng xem mà giết y. Đoàn tạp kỹ này có Thượng Kỳ, Thượng Can, Thượng Hiểm, Thượng Đát, Thượng Toái, Thượng Câu. Hàng năm tới tháng 11 lại dựng lầu Phi Vân cao 20 thước, dựng một cây đứng ở trong, tết vỏ gai làm dây chèo dài 136 thước, đường kính rộng 2 tấc, lấy mây mà quấn ngoài rồi chôn hai đầu dây xuống đất, giữa gác lên cây. Thượng Kỳ đứng lên trên dây mà chạy nhanh ba, bốn lần. Đi đi lại lại mà không ngã. Kỳ đầu đội khăn đen, mình mặc quần đen. Dây của Thượng Can dài 150 thước, có một chỗ mắc chạc ba. Can hai tay cầm hai cán cờ. Hai người đi trên dây, gặp nhau ở chỗ chạc ba thì lại tránh, lên xuống mà không ngã. Khi thì Thượng Đát lấy một tấm gỗ lớn rộng 1 thước 3 tấc, dày 7 tấc đặt lên trên cây cao 17 thước 3 tấc, Đát đứng ở trên nhảy hai, ba cái, tiến tiến lùi lùi điên đảo. Khi thì Thượng Toái lấy tre đan thành lồng hình như cái lờ bắt cá, dài 5 thước, tròn 4 thước rồi chui vào đứng thẳng mình mà lặn. Khi thì Thượng



Câu vỗ tay nhảy nhót, la hét kêu gào, chuyển động chân tay, vô đùi vỗ bụng, tiến lùi lên xuống, hoặc cưỡi ngựa bôn tẩu, cúi mình xuống lấy vật ở dưới đất mà không ngã. Khi thì Thượng Hiểm ngả mình nằm ngửa lấy thân đỡ một cái gậy dài rồi cho đứa trẻ trèo lên mà không rớt xuống. Khi thì cho bọn ca hát gõ trống khua chiêng, ca múa rầm rĩ. Lại giết súc vật mà tế. Thần Xương Cuồng tới, thấy thế bèn đến xem, pháp sư đọc mật chú rồi lấy kiếm mà chém. Thần Xương Cuồng cùng bộ hạ đều chết hết, không thể trở lại thành yêu nữa. Lệ tiến lễ hàng năm bèn bỏ, dân lại sống yên lành như xưa.

TRUYỆN CÂY CAU

Thời thượng cổ có một vị quan lang sức vóc cao lớn, nhà vua ban tên là Cao cho nên lấy Cao làm họ. Cao sinh hạ được hai người con trai, con cả tên là Tân, con thứ tên là Lang. Hai anh em giống nhau như đúc, trông không thể phân biệt nổi. Đến năm 17, 18 tuổi, cha mẹ đều từ trần, hai anh em đến theo học đạo sĩ Lưu Huyền. Nhà họ Lưu có người con gái tên là Liên, tuổi cũng khoảng 17, 18. Hai anh em thấy nàng thì rất vừa ý, muốn kết làm vợ chồng. Nàng chưa biết người nào là anh, mới bày một chậu cháo và một đôi đũa, cho hai anh em cùng ăn. Người em nhường anh ăn trước. Nàng về nói với cha mẹ xin làm vợ người anh. Khi cùng ở với nhau, người anh thường lật lẻo với em. Người em tự lấy làm tủi hổ, cho rằng anh lấy vợ rồi thì quên mình, bèn không cáo biệt mà bỏ đi về quê nhà. Đi tới giữa rừng gặp một dòng suối sâu mà không có thuyền để qua, đau đớn khóc lóc mà chết, hóa thành một cây mọc ở cửa sông. Người anh ở nhà không thấy



em bèn đi tìm. Tới chỗ đó, gieo mình chết ở bên gốc cây, hóa thành phiến đá nằm ôm lấy gốc cây. Người vợ đi tìm chồng, tới chỗ này cũng gieo mình ôm lấy phiến đá mà chết, hóa thành một cây leo cuốn quanh thân cây và phiến đá, lá có mùi thơm cay. Cha mẹ nàng họ Lưu đi tìm con tới đây, đau xót vô cùng, bèn lập miếu thờ. Người trong vùng hương hỏa thờ cúng, ca tụng anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa. Khoảng tháng bảy tháng tám, khi nóng chưa tan, Hùng Vương đi tuần thú, nhân dừng chân nghỉ mát ở trước miếu, thấy cây lá xum xuê, giây leo chằng chịt, tự đưa lên miệng nhai, nhổ bọt lên phiến đá, thấy có sắc đỏ, mùi vị thơm tho. Vương bèn sai đốt đá lấy vôi mà ăn cùng với quả và lá dây leo, thấy mùi vị thơm ngon, môi đỏ má hồng, biết là vật quý, bèn lấy mang về. Ngày nay cây thường trồng ở khắp nơi, đó chính là cây cau, cây trầu không và vôi vẩy. Về sau, người nước Nam ta phàm cưới vợ gả chồng hay lễ tết lớn nhỏ đều lấy trầu cau làm đầu. Nguồn gốc cây cau là như thế đó.

TRUYỆN BÁNH CHUNG

Sau khi vua Hùng Vương phá được giặc Ân, nhân quốc gia vô sự, muốn truyền ngôi cho con, bèn triệu hai mươi hai vị quan lang và công chúa lại mà phán rằng: “Ta muốn truyền ngôi cho kẻ nào làm ta vừa ý, cuối năm nay mang trân cam mỹ vị đến để tiến cúng tiên vương cho ta được tròn đạo hiếu thì sẽ được ta truyền ngôi”. Các con đều đua nhau đi tìm của ngon vật lạ khắp trên cạn dưới bể, nhiều không sao kể xiết. Duy có vị công tử thứ 18 là Lang Liêu, bà mẹ trước kia vốn bị vua ghẻ lạnh, vì cô đơn mà chết, tả hữu ít người giúp đỡ, khó xoay sở nên đêm ngày lo lắng, mộng mị mất an. Một đêm kia, mộng thấy có thần nhân tới nói rằng: “Các vật trên trời đất và mọi của quý của người không gì bằng gạo. Gạo có thể nuôi người khỏe mạnh mà ăn không bao giờ chán, các vật khác không thể hơn được. Nay đem gạo nếp làm bánh, cái hình vuông, cái hình tròn để tượng trưng hình trời đất rồi dùng lá bọc ngoài, ở trong cho mỹ vị để ngụ ý



công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ”. Lang Liêu tỉnh dậy, mừng rỡ mà nói rằng: “Thần nhân giúp ta vậy!”. Nói rồi bèn theo lời dặn trong mộng mà làm, chọn thứ gạo nếp trắng tinh, lật lấy những hạt tròn mẩy không bị vỡ, vo cho thật sạch, lấy lá xanh bọc xung quanh thành hình vuông, cho trân cam mỹ vị vào bên trong để tượng trưng cho trời đất, vụn vặt rồi nấu chín, gọi là bánh chưng. Lại lấy gạo nếp nấu chín, giã cho nát, nặn thành hình tròn, tượng trưng cho trời gọi là bánh dày. Đến kỳ vua vui vẻ truyền các con bày vật tiến lên. Xem qua khắp lượt, thấy không thiếu thức gì. Duy có Lang Liêu chỉ tiến dâng bánh chưng và bánh dày. Vua kinh ngạc mà hỏi, Lang Liêu đem giấc mộng thuật lại. Vua đem nếm, thấy ngon miệng không chán, hơn hẳn các thức của các con khác, tấm tắc khen hồi lâu rồi cho Lang Liêu được nhất. Đến ngày Tết, vua thường lấy bánh này dâng cúng cha mẹ. Thiên hạ bắt chước, đến nay đổi tên Lang Liêu thành Tiết Liệu. Vua bèn truyền ngôi cho Liêu, anh em 21 người đều được chia giữ các nơi phiên trấn, tụ tập bộ đảng mà thành phiên quốc. Về sau, các tướng tranh giành nhau thường dựng mộc sách (hàng rào bằng gỗ) để phòng ngự; cho nên từ đó mới có sách, thôn, trang, phường.

TRUYỆN DƯA HẦU

Về đời Hùng Vương có viên quan tên là Mai Tiêm vốn người ngoại quốc, khi lên bảy, tám tuổi, vua mua từ thương thuyền về làm nô bộc. Kịp tới khi lớn lên diện mạo đoan chính, nhớ thuộc sự vật, vua ban tên cho là Mai Yễn, hiệu An Tiêm, lại ban cho một người thiếp. Tiêm sinh hạ được một trai một gái. Vua rất tin yêu, giao cho công việc, dần dần trở nên phú quý, bổng lộc rất nhiều. Sau Tiêm đâm ra kiêu căng ngạo mạn, thường nói rằng: “Đó đều do tiền thân của ta, không phải do ơn chúa”. Vua nghe nói cả giận, phán: “Làm thần tử của người mà kiêu căng ngạo mạn, không biết ơn chúa, lại nói là do tiền thân! Nay đưa nhà người ra một nơi không có người ở giữa bể xem có còn tiền thân không?”. Bèn đày ra ngoài cửa bể huyện Nga Sơn (còn gọi là Giáp Sơn), bốn bề toàn cát và nước không có vết chân người qua lại, ban cho một số lương thực đủ ăn bốn năm tháng để cho ăn hết thì chết. Vợ Tiêm than khóc, Tiêm cười mà bảo: “Trời sinh ta tất nuôi nổi ta, sống



chết bởi trời, ta đâu lo lắng”. Bỗng thấy một con bạch trĩ từ phương Tây bay lại đậu ở đầu núi, kêu lên ba, bốn tiếng sáu, bảy hạt dưa theo tiếng kêu mà rơi xuống cát, mọc lên xanh rì rồi kết thành quả. An Tiêm mừng rỡ mà nói: “Đây không phải là dị vật mà là trời cho để nuôi ta đó”. Bèn bở ra mà ăn, thấy vị thơm ngon, tinh thần sảng khoái, mới giữ lấy hạt, năm sau đem trồng. Ăn không hết, lại đem đổi lấy gạo nuôi vợ con. Tiêm không biết gọi là quả gì, nhân vì chim trĩ ngâm hạt từ phương Tây bay tới nên gọi là quả Tây Qua. Phường chài phường buôn ăn đều cho là ngon. Những người ở thôn xóm xa gần đều mua để lấy giống. Sau vua nghĩ tới Tiêm, cho người đến xem còn sống hay đã chết. Người đó về tâu lại với vua, vua thở dài mà than rằng: “Hắn nói là do ở tiên thân, điều đó thực không ngoa”. Bèn ra chiếu gọi về cho phục chức cũ, lại cấp cho nô tỳ. Bãi cát Tiêm ở gọi là bãi An Tiêm, làng đó gọi là Mai thôn. Có người lại suy tôn nơi tổ tiên An Tiêm ở mà cho rằng nơi đó là châu An Tiêm thuộc tỉnh Thanh Hóa.

TRUYỆN CHIM BẠC TRĨ

Về đời vua Thành Vương nhà Chu, Hùng Vương sai bề tôi tự xưng là họ Việt Thường đem chim bạch trĩ sang tiến cống. Vì ngôn ngữ bất đồng, Chu Công phải sai sứ qua nhiều lần dịch mới hiểu nhau được. Chu Công hỏi: “tại sao tới đây?”. Họ Việt Thường đáp: “Đời nay không có mưa dầm gió dữ, ngoài bể không nổi sóng lớn đã ba năm nay, ý chừng là Trung Quốc có thánh nhân xuất thế, nhân vậy tới đây”. Chu Công than rằng: “Chính lệnh không thi hành thì người quân tử không bắt được kẻ khác thuần phục mình, đức trạch không mở rộng thì người quân tử không hưởng lễ của người. Còn nhớ Hoàng Đế có câu thề rằng: phương Việt Thường không thể xâm phạm được”. Bèn ban thưởng cho phẩm vật địa phương, dạy răn mà cho về. Họ Việt Thường quên đường về, Chu Công bèn ban cho năm cỗ thuyền xa đều chế cho hướng về phương Nam. Họ Việt Thường nhận lấy rồi theo bờ biển Phù Nam, Lâm Ấp đi một năm thì về tới nước. Cho



nên, xe chỉ nam thường dùng để đi trước đưa đường. Về sau, Khổng Tử viết kinh Xuân Thu cho nước Văn Lang là một nơi hoang vu, văn vật chưa có bèn bỏ trống mà không chép. Theo bản cũ chép thì Chu Công có hỏi: “Người Giao Chỉ cắt tóc ngắn, xăm mình, để đầu trần, đi chân đất, nhuộm răng đen là có làm sao?”. Đáp: “Cắt tóc ngắn để tiện đi trong rừng rú. Xăm mình để giống hình Long Quân bơi lội dưới sông loài giao long không phạm tới. Đi chân đất để tiện leo cây. Cày bằng dao, trồng bằng lửa. Để đầu trần để tránh lửa bén. Ăn trầu cau để trừ uế cho nên răng đen vậy”.

TRUYỆN LÝ ÔNG TRỌNG

Cuối đời Hùng Vương có người ở xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, đất Giao Chỉ họ Lý tên Thân. Khi đẻ ra rất to lớn, rồi cao đến 2 trượng 3 thước, tính tình hung hãn, hay giết người, tội ác đáng chết. Hùng Vương tiếc mà không nỡ giết.

Đời An Dương Vương, Tần Thủy Hoàng muốn cất binh đánh ta, An Dương Vương bèn đem Lý Thân tiến nhà Tần. Thủy Hoàng mừng lắm, phong cho làm chức tư lệ hiệu úy. Khi Thủy Hoàng đã lấy được cả thiên hạ, sai Lý đem quân giữ đất Lâm Thao, uy danh vang dội đến Hung Nô, Hung Nô không dám xâm phạm của ải. Thủy Hoàng phong Lý làm phụ tìn hầu, lại gả công chúa cho Lý. Sau tuổi già trở về nước. Hung Nô lại xâm phạm của ải. Thủy Hoàng nhớ tới Lý Thân, sai người sang triệu. Lý thân không chịu đi, trốn vào rừng núi. Vua Tần trách quở, An Dương Vương tìm không được, nói dối là Lý đã chết. Vua Tần hỏi vì sao mà chết. Trả lời: vì đi tả. Tần sai sứ sang



khám. An Dương Vương bèn nấu cháo đổ xuống đất để làm thực tích. Vua Tần đòi mang xác sang, Lý Thân bắt đắc dĩ phải tự vẫn (hôm đó là ngày mồng 2 tháng 2). An Dương Vương sai lấy thủy ngân rắc lên xác rồi đem nộp vua Tần. Thủy Hoàng lấy làm lạ, mới đúc đồng làm tượng, đặt hiệu là ông Trọng, đem dựng ở cửa Kim Mã đất Hàm Dương. Trong bụng tượng chứa mấy chục người để lay cho tượng cử động. Hung Nô trông thấy tượng là quan hiệu úy sống, không dám động tới cửa ải. Tới đời đường, Triệu Xương sang làm quan đô hộ đất Giao Châu, đêm mộng thấy cùng Lý Thân giảng sách Xuân Thu, Tả Truyện, nhân hỏi thăm nhà cũ, lập đền thờ cúng. Sau Cao Biền dẹp giặc Nam Chiếu, Lý hiển linh cứu trợ. Cao Biền bèn sửa sang lại miếu đền, tạc gỗ làm tượng, gọi là đền Lý hiệu úy nay thuộc xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm (xưa gọi là xã Thụy Hàm, nay gọi là xã Thụy Hương) ở bên bờ sông Cái cách kinh thành 15 dặm.

TRUYỆN GIẾNG VIỆT

Giếng Việt ở miền Trâu Sơn huyện Vũ Ninh. Đời vua Hùng Vương thứ ba, nhà Ân cử binh sang xâm chiếm nước Nam, đóng quân ở dưới núi Trâu Sơn. Hùng Vương cầu cứu Long Quân, Long Quân truyền đi tìm bậc kỳ tài trong thiên hạ thì sẽ dẹp được giặc. Sóc Thiên Vương ứng kỳ mà sinh, cưỡi ngựa sắt đánh giặc, tướng sĩ nhà Ân đều bỏ chạy. Ân Vương chết ở dưới núi, biến thành vua ở địa phủ, dân phải lập miếu thờ, lâu năm suy dân, đền miếu bỏ hoang. Qua đời Chu, tới đời Tần, có người nước ta là Thôi Lượng làm quan cho nhà Tần đến chức ngự sử đại phu, thường qua vùng này, thấy cảnh suy tàn, trạnh lòng thương cảm, bèn sửa sang lại đền miếu.

Sau các tướng Nhâm Hiêu, Triệu Đà đem quân xâm chiếm phương Nam (đời An Dương Vương) trú quân ở dưới núi, sai tu sửa lại miếu mạo, nghiêm cẩn khấn thờ.

Ân Vương cảm cái đức của Lượng xưa, muốn đền ơn, bèn sai tiên nữ Ma Cô ra ngoài cõi tìm kiếm. Khi ấy Lượng đã chết ở đất Tần, duy có



con là Vỹ hãy còn du học. Khoảng đầu tháng giêng, dân chúng tới thăm đền này, có người cúng một đôi bình pha lê, tiên nữ Ma Cô cầm lên tay ngấm nghĩa, lỡ rơi xuống đất vỡ khuyết một mảnh, bị người ta bắt đền. Ma Cô mặc áo rách, mọi người không biết là tiên nên đánh đập tàn nhẫn. Thôi Vỹ thấy vậy động lòng thương, bèn cởi áo đền cho Ma Cô được tha. Ma Cô hỏi Vỹ ở đâu, Vỹ kể lại lai lịch của cha. Ma Cô lúc ấy mới biết là con quan Thôi ngự sử, mừng rỡ mà nói với Vỹ rằng: “nay ta không có gì báo đáp, sau này tất sẽ tạ ơn”. Nhân đưa cho Vỹ một bó lá ngải mà nói: “Giữ cẩn thận vật này, đừng để rời khỏi mình, sau này thấy ai có bấu trên đầu, đem cứu cho tan tất sẽ được phú quý to”. Vỹ nhận lấy, chưa biết đó là thuốc tiên. Đi đến nhà người bạn thân là Ứng Huyền. Huyền là một vị đạo sĩ có cái bấu trên đầu. Vỹ nói: “Tôi có lá ngải có thể trị được tật này”. Huyền nhờ chữa cho. Vỹ bèn dùng lá ngải mà cứu, bấu lập tức tan, Huyền nói: “Đó là thuốc tiên, ta nay không có vật gì báo đáp, xin lấy ơn khác đền lại. Ta quen một vị quý nhân mắc tật này, thường nói rằng ai chữa được thì sẽ chia sẻ gia tài mà không tiếc, ông hãy tới đó chữa”. Huyền đưa Vỹ tới nhà Nhâm Hiêu chữa, bấu tự khắc tan. Hiêu cả mừng, nuôi Vỹ làm nghĩa tử, mở trường cho Vỹ học để chờ khi hữu dụng. Vỹ là người thông minh, hay đọc sách, gầy đàn. Con gái Hiêu là Phương Dung thấy Vỹ thì phải lòng, bèn cùng tư thông.

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

Con giai Hiêu là Nhâm Phu biết chuyện, muốn giết, đem Vỹ tế thần Xương Cuồng, bèn dỗ rằng: “Cuối năm phải lễ thần Xương Cuồng mà chưa có người làm đồ lễ nay không nên đi ra ngoài, e rằng bị bắt sống, phải ẩn vào phòng kín để tránh”. Vỹ vô tình nghe theo, Nhâm Phu bèn khóa cửa buồng. Phương Dung biết ý, ngầm lấy dao đưa cho Vỹ, Vỹ đào ngạch mà ra. Ban đêm, Vỹ lên đi, muốn tới nương tựa nhà Ứng Huyền. Đi gấp lên trên núi, núi có hang sâu. Vỹ lỡ chân rơi xuống hang. Đương lúc canh một thì rơi tới đáy, Vỹ đau quá, hơn một khắc mới ngồi dậy được. Đến lúc đứng ngo, mặt trời chiếu thẳng xuống hang, thấy xung quanh đều là vách đá, không có bậc lên. Ở trên có một hòn đá, thạch nhũ rủ xuống bàn đá. Có một con rắn trắng mình dài trăm trượng, mào vàng, miệng đỏ, râu xanh, vẩy trắng, dưới cổ có cái bướu, trên trán có dòng chữ vàng đề “Vương Kinh Tử”. Rắn ra ăn thạch nhũ rồi lại chui vào trong hang. Vỹ ở trong hang ba ngày, đói lắm phải ăn vụng thạch nhũ. Rắn ra thấy trên bàn đá hết cả thạch nhũ, ngừng đầu thấy Vỹ thì định nuốt. Vỹ kinh sợ, sụp lạy mà nói: “tôi tị nạn rơi xuống dưới này, không có gì ăn, đói dạ nên phải ăn vụng, thực là đắc tội. Nay thấy dưới cổ ngài có cái bướu thịt, tôi có lá ngải để đã ba năm, xin khoan tha cho tôi để tôi thi thố chút tài mọn”. Rắn ngừng đầu xin cứu. Bỗng thấy ánh lửa sáng, một mảnh than rơi xuống hang. Vỹ lấy lửa mà cứu, bướu lập tức



tiêu tan. Rắn quảy mình tới trước mặt Vỹ như có ý bảo Vỹ cười lên lưng. Vỹ cười lên, rắn bèn tức thì đưa Vỹ ra khỏi hang. Đúng canh hai thì lên tới cửa hang, nhìn không thấy ai qua lại, rắn bèn vẩy đuôi bảo Vỹ xuống, sau đó rắn lại trở vào trong hang. Vỹ đi lạc đường, chợt thấy trước mặt có một tòa thành, trên cổng thành có lầu cao lợp ngói đỏ lộng lẫy, ánh sáng mờ mờ chiếu tỏa. Trên cổng treo biển đỏ viết chữ “Ân Vương Thành” bằng vàng. Vỹ ngồi bên cạnh cổng nhìn thấy trong sân có ao, giữa ao có sen ngũ sắc, cạnh ao có hồ, liễu mấy hàng. Thấy đường gạch phẳng lỳ, điện ngọc cung châu, lầu cao gác rộng. Trên điện kê giường kim quy, trải chiếu hoa bạc, có hai cây đàn cầm, sắt, vắng lặng không thấy người. Vỹ bèn vào đánh đàn, bỗng thấy kim ngọc nữ hàng trăm người theo hầu Ân hậu mở cửa mà ra. Vỹ cả kinh, xuống điện phục lạy. Hậu cười phán rằng: “Thôi quan nhân ở đâu tới đây?” Rồi lại mời lên điện mà nói: “Xưa kia điện Ân Vương bỏ hoang đổ nát, không người thờ cúng, nhờ có Thôi ngự sử sửa chữa, người đời mới theo gương mà cúng thờ mãi mãi. Ta đã sai tiêng nữ Ma Cô đi tìm để báo ơn, không gặp ngự sử mà chỉ gặp công tử. Vẫn chưa có gì báo đáp, nay may được trông thấy mặt công tử, nhưng hiểm vì có sắc gọi cho nên Vương lên châu trời hiện không ở nhà”. Bèn ban tiệc rượu, chuốc cho ăn uống no say. Xong tiệc, bỗng thấy có một người râu dài bụng to tiếng lên dâng biểu, quỳ xuống mà tâu

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

rằng: “Ngày 13 tháng giêng, người phương Bắc là Nhâm Hiêu đã bị thần Xương Cuồng đánh chết”. Tâu xong, Hậu bèn nói: “Dương quan nhân hãy đưa Thôi công tử trở về trần thế”. Hậu quay vào. Dương quan nhân bèn bảo Vỹ nhắm mắt ngồi lên vai mình. Hơn một khắc sau lại xuống tới đỉnh núi. Dương quan nhân biến thành một con dê đá mà đứng ở trong núi, nay con dê ấy còn ở sau chùa Triệu Việt Vương trên núi Trâu Sơn. Vỹ trở về nhà Ứng Huyền kể lại đầu đuôi câu chuyện. Đêm ngày mồng 1 tháng 8, đương lúc xế bóng, Vỹ và Huyền cùng đi dạo bên ngoài, thấy tiên nữ Ma Cô dắt một người con gái tới cho Vỹ để kết làm vợ chồng, lại cho cả viên ngọc Long Tụ. Vốn xưa ngọc đó có hai viên thư, hùng, suốt từ đời vua Hoàng Đế tới triều nhà Ân vẫn được lưu truyền là vật quý ở đời. Trong cuộc chiến trận ở Trâu Sơn, vua Ân đeo ngọc đó mà chết, ngọc bị vùi xuống đất mà hào quang của nó vẫn chiếu tỏa đến tận trời. Thời bình hòa đời Tần, báu ngọc đều cháy hết, người ta xem linh khí mà biết rằng viên ngọc quý Long Tụ vẫn còn ở nước Nam, mới từ xa tới tìm. Đến nay Ân Vương lấy ngọc quý này báo đáp ơn Vỹ. Người thời ấy đem vàng bạc lụa là đáng giá trăm nghìn quan tới mua, Vỹ do đó mà giàu lớn. Sau tiên nữ Ma Cô tới đón vợ chồng Vỹ đi đâu không biết, có lẽ đã hóa thành tiên vậy. Nay giếng đã lở thành cái huyệt rộng, gọi là Việt Tĩnh Cương.



TRUYỆN RỪA VÀNG

Vua An Dương Vương nước Âu Lạc là người Ba Thục, họ Thục tên Phán. Nhân vì tổ phụ ngày trước cầu hôn lấy My nương là con gái vua Hùng Vương, Hùng Vương không gả cho, bèn mang oán. Phán muốn hoàn thành chí người trước, cử binh đi đánh Hùng Vương, diệt nước Văn Lang, cải tên nước thành Âu Lạc, rồi lên làm vua, xây thành ở đất Việt Thường, hễ đắp tới đâu lại lở tới đấy. Vua bèn lập đàn trai giới, cầu đảo bách thần. Ngày mồng 7 tháng 3 bỗng thấy cụ già từ phương đông tới trước cửa thành mà than rằng: “Xây dựng thành này biết bao giờ cho xong được!” Vua mừng rỡ đón vào trong điện, thi lễ, hỏi rằng: “Ta đắp thành này đã nhiều lần bằng lở, tốn nhiều công sức mà không thành, thế là có làm sao?” Cụ già đáp: “Sẽ có sứ Thanh Giang tới cùng nhà vua xây dựng mới thành công”, nói xong từ biệt ra về. Hôm sau vua ra cửa đông chờ đợi, chợt thấy một con rùa vàng từ phương đông lại, nổi lên mặt nước, nói sõi tiếng người, tự xưng là sứ

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

Thanh Giang, thông tỏ việc trời đất, âm dương, quỷ thần. Vua mừng rỡ nói: “Điều đó chính cụ già đã báo cho ta biết trước”. Bèn rước vào trong thành, mời ngồi trên điện, hỏi vì sao xây thành không được. Rùa vàng đáp: “Cái tinh khí ở núi này là con vua đời trước, muốn báo thù cho nước. Lại có con gà trống sống ngàn năm, hóa thành yêu tinh ẩn ở núi Thất Diệu. Trong núi có ma, đó là hồn người nhạc công triều đại trước chôn ở đây. Ở bên cạnh, có một quán trọ cho khách vắng lai, chủ quán tên là Ngô Không, có một người con gái và một con gà vốn là dư khí của quỷ tinh, phàm có khách qua đường nghỉ đêm ở quán thì quỷ lại biến hóa muôn hình vạn trạng để làm hại. Người chết vì thế rất nhiều. Nay con gà trống trắng lại lấy con gái chủ quán, nếu giết được con gà trống thì trấn áp được quỷ tinh, quỷ tinh sẽ tụ âm khí thành yêu, hóa ra con chim cú ngậm lá thư bay lên trên cây chiên đàn tâu cùng thượng đế xin phá thành. Thần sẽ xin cắn rơi lá thư, nhà vua tức tốc lật lẩy, thành sẽ xây được”.

Rùa vàng bảo vua giả làm kẻ hành nhân nghỉ trọ ở quán, để rùa vàng ở phía trên khung cửa. Ngô Không nói: “Quán này có yêu tinh, đêm thường giết người. Hôm nay trời chưa tối, xin ngài đi mau chỗ nghỉ lại”. Vua cười, nói: “Sống chết có mệnh, ma quỷ làm gì được, ta không sợ”. Bèn cứ nghỉ lại. Đến đêm, quỷ ở ngoài vào, thét lớn: “Kẻ nào ở đây, sao chẳng



mở cửa?” Rùa vàng hét: “Cứ đóng cửa thì mày làm gì?”. Quỷ bèn biến hóa trăm hình vạn trạng, muôn kể nghìn phương để hồng đoạ nạt, sau cùng cũng chẳng nổi. Đến lúc gà gáy sáng, quỷ tinh tẩu tán. Rùa vàng cùng vua đuổi theo, tới núi Thất Diệu, quỷ tinh thu hình biến mất. Vua bèn quay về quán. Sáng hôm sau, chủ quán sai người đến lượm xác khách trọ để chôn, thấy vua vẫn cười nói hớn hở, bèn cùng chạy tới lạy mà nói rằng: “Ngài được như thế tất là thánh nhân, vậy xin ban thuốc thần để cứu sinh dân”. Vua nói: “Nhà người giết con gà trắng mà tế thần, quỷ tinh sẽ tan hết”. Ngộ Không y lời, đem gà trắng ra giết, người con gái lập tức quay ra chết. Vua bèn sai đào ở núi Thất Diệu, lấy được nhiều nhạc khí cổ và xương cốt, đốt tan thành tro đem đổ xuống dòng sông. Trời gần tối, vua và rùa vàng lên núi Việt Thường thấy quỷ tinh đã biến thành con chim cú sáu chân, ngậm lá thư bay lên cây chiên đàn, rùa vàng biến thành con chuột đen theo sau, cắn vào chân cú, lá thư rơi xuống đất, vua vội nhặt lấy, lá thư đã bị nhấm rách quá nửa. Từ đó quỷ tinh bị diệt. Thành xây nửa tháng thì xong. Thành đó rộng hơn ngàn trượng, xoắn như hình trôn ốc, cho nên gọi là Loa Thành, còn gọi là Tư Long thành, người đời Đường gọi là Côn Lôn thành, lấy lẽ rằng nó cao lắm. Rùa vàng ở lại ba năm, rồi từ biệt ra về. Vua cảm tạ nói: “Nhờ ơn của thần, thành đã xây được. Nay nếu có giặc ngoài thì lấy gì

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

mà chống?”. Rùa vàng đáp: “Vận nước suy thịnh, xã tắc an nguy đều do mệnh trời, vua có thể tu đức mà kéo dài thời vận. Song vua ước muốn, ta có tiếc chi”. Bèn tháo vuốt đưa cho nhà vua mà nói: “Dem vật này làm nấy nỏ, nhằm quân giặc mà bắn thì sẽ không lo gì nữa”. Dứt lời, trở về biển đông. Vua sai Cao Lỗ làm nỏ, lấy vuốt làm nấy. Gọi là Linh Quang Kim Quy thần cơ. Về sau Triệu Vương là Đà cử binh nam xâm, cùng vua giao chiến. Vua lấy nỏ thần ra bắn, quân Đà thua lớn, chạy về Trâu Sơn cầm cự với nhà vua, không dám đối chiến, bèn xin hòa. Vua cả mừng, hẹn rằng phía bắc sông Tiểu Giang thuộc Triệu Đà cai trị, phía nam thì vua cai trị. Không bao lâu, Đà cầu hôn. Vua vô tình gả con gái là Mị Châu cho con trai Đà là Trọng Thủy. Trọng Thủy dỗ Mị Châu cho xem trộm nỏ thần rồi ngầm làm một cái lẫy nỏ khác thay vuốt rùa vàng, nói dối là về phương bắc thăm cha. Nói rằng: “Tình vợ chồng không thể lãng quên, nghĩa cha mẹ không thể dứt bỏ. Ta nay trở về thăm cha, nếu như đến lúc hai nước thất hòa, bắc nam cách biệt, ta lại tìm nàng, lấy gì làm dấu?”. Đáp: “Thiếp phận nữ nhi, nếu gặp cảnh biệt ly thì đau đớn khôn xiết, thiếp có áo gấm lông ngỗng thương mặc trên mình, đi đến đâu sẽ rút lông mà rắc ở ngã ba đường để làm dấu, như vậy sẽ có thể cứu được nhau”. Trọng Thủy mang lẫy thần về nước. Đà được lẫy cả mừng, bèn cử binh sang đánh. Vua cậy có nỏ thần, vẫn điem



nhiên đánh cờ, cười mà nói rằng: “Đà không sợ
 nổ thần sao?”. Quân Đà tiến sát, vua cầm lấy
 nổ, thấy lấy thần đã mất bèn bỏ chạy. Vua đặt
 Mị Châu ngồi đằng sau ngựa rồi cùng nhau
 chạy về phương Nam. Trọng Thủy nhận dấu
 lông ngỗng mà đuổi. Vua chạy tới bờ bể, cùng
 đường, không có thuyền qua bèn kêu rằng:
 “Trời hại ta, sứ Thanh Giang ở đâu mau mau
 lại cứu”. Rùa vàng hiện lên mặt nước, thét lớn:
 “Kẻ ngồi sau ngựa chính là giặc đó!”. Vua bèn
 tuốt kiếm chém Mị Châu, Mị Châu khẩn rằng:
 “Thiếp là phận gái, nếu có lòng phản nghịch
 mưu hại lại cha, chết đi sẽ biến thành hạt bụi.
 Nếu một lòng trung hiếu mà bị người ta lừa dối
 thì chết đi sẽ biến thành châu ngọc để tẩy sạch
 mối nhục thù”. Mị Châu chết ở bờ bể, máu chảy
 xuống nước, trai sò ăn phải đều biến thành hạt
 châu. Vua cầm sừng tê bảy tấc, Rùa vàng rẽ
 nước dẫn vua đi xuống bể. Đời truyền rằng nơi
 đó là đất Dạ Sơn, tổng Cao Xá, phủ Diễn Châu.
 Quân Đà kéo tới đấy không thấy bóng vết gì,
 chỉ còn lại xác Mị Châu. Trọng Thủy ôm xác
 vợ đem về táng ở Loa Thành, xác biến thành
 ngọc thạch. Mị Châu đã chết, Trọng Thủy
 thương tiếc khôn cùng, khi đi tắm tưởng như
 thấy bóng dáng Mị Châu, bèn lao đầu xuống
 giếng mà chết. Người đời sau mò ngọc ở biển
 đông lấy nước giếng này mà rửa thì thấy trong
 sáng, nhân kiêng tên Mị Châu cho nên gọi
 ngọc minh châu là đại cữu và tiểu cữu.

TRUYỆN HAI BÀ TRINH LINH PHU NHÂN HỌ TRƯNG

Theo sách Sử Ký thì hai bà Trưng vốn dòng họ Hùng, chị tên là Trắc, em tên là Nhị, người ở huyện Mê Linh, đất Phong Châu, con gái quan Hùng tướng đất Giao Châu. Xưa Trắc lấy Thi Sách người huyện Chu Diên. Bà rất có tiết nghĩa, tính khí hùng dũng, có chí quyết đoán sáng suốt.

Thời ấy, Tô Định ở Giao Châu rất tham bạo, nhân dân rất khổ sở. Trắc thù Định giết chồng mình, bèn cùng em là Nhị dấy binh đánh Định, vây hãm Giao Châu; các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, hai chị em bèn bình định được sáu mươi lăm thành ở Lĩnh Ngoại tự lập làm vua, xưng hiệu là Trưng Vương, đóng đô ở thành Ô Diên.

Tô Định chạy về Nam Hải, Hán Quang Vũ nghe tin, biếm Tô Định về quận Đan Nhĩ sai tướng là bọn Mã Viện và Lưu Long sang thay. Quân địch đến Lãng Bạc, bà chống cự. Qua năm, bà thấy binh thế Mã Viện cường thịnh, tự



lượng sức quân mình ô hợp, sợ không chống nổi, bèn lui về giữ đất Cẩm Khê. Viện đem quân đến đánh, bộ hạ bà Trưng đều bỏ chạy. Bà thế cô, bị hại trong trận. Có chỗ nói rằng bà lên núi Hy Sơn rồi không biết đi đâu mất.

Người trong châu thương cảm, lập miếu ở cửa sông Hát Giang để phụng thờ. Phàm những người gặp tai họa tới cầu đảo đều ứng nghiệm. Thời Lý Anh Tông gặp đại hạn, vua sai Cẩm Tĩnh thiền sư cầu mưa. Một hôm mưa xuống mát lạnh thấu người. Vua mừng, ra xem, tự nhiên ngủ thiếp đi, mộng thấy hai người con gái đội mũ phù dung, mặc áo xanh, thắt lưng đỏ, cưỡi ngựa sắt theo gió lướt qua. Vua lấy làm lạ bèn hỏi. Hai người trả lời rằng: “Chúng ta là chị em họ Trưng vâng mệnh thượng đế làm ra mưa”. Vua muốn hỏi thêm cặn kẽ. Hai người bèn giơ tay ngăn lại. Vua tỉnh mộng, cảm kích, ra lệnh tu sửa đền, đem lễ đến dâng. Về sau hai bà lại thác mộng cho vua xin lập đền ở bãi Đồng Nhân. Vua nghe theo, sách phong làm trịnh linh nhị phu nhân. Triều Trần lại gia phong cho mỹ tự là Hiển liệt chế thắng thuần bảo thuận. Cho đến nay vẫn được bao phong đời đời, lửa hương không dứt.

TRUYỆN MAN NƯƠNG

Thời Hiến Đế nhà Hán, quan thái thú là Sĩ Nhiếp đóng đô thành ở bờ phía nam sông Bình Giang (nay là Thiên Đức Giang). Phía Nam thành đó có chùa thờ Phật, có vị sư từ phương Tây tới, hiệu là Già-la-đồ-lê trụ trì ở đấy, có phép đứng một chân, mọi người đều kính phục gọi là tôn sư, kéo nhau tới học đạo.

Hồi ấy có người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều đã mất, nghèo khổ vô cùng, cũng tới đó dốc lòng theo học đạo Phật, nhưng vì ả có tật nói lắp, không thể cùng chúng tụng kinh, thường ở dưới bếp, vo gạo, nhặt rau, nấu nướng cho các vị tăng trong chùa và khách tứ phương tới học. Một đêm vào tháng năm, đêm ngắn, tăng đồ tụng kinh đến lúc gà gáy. Man Nương nấu cháo đã chín mà tăng đồ tụng kinh chưa xong, chưa tới ăn cháo. Man Nương bèn nằm tựa ở trong cửa bếp, không ngờ ngủ quên đi mất. Tăng đồ tụng kinh xong đều về phòng riêng. Man Nương ngủ ở giữa cửa, sư Già-la bước qua mình Man Nương. Man Nương tự



nhiên động thai. Có thai được ba bốn tháng, Man Nương xấu hổ bỏ về. Sư Già-la cũng thẹn mà bỏ đi. Man Nương về tới một ngôi chùa ở ngã ba sông thì ở lại đó. Đây tháng sinh ra một đứa con gái, tìm sư Già-la mà trả. Đêm đến, sư Già-la bế đứa con gái tới ngã ba đường thấy một cây phù dung cành lá xum xuê, có một cái hốc sâu mà sạch sẽ, sư đặt đứa trẻ vào mà nói: “Ta gửi con Phật, mi giữ lấy sẽ thành Phật đạo”. Già-la, Man Nương từ giã ra về, Già-la cho Man Nương một cây trượng mà bảo: “Ta cho nàng vật này, nàng về nhà nếu gặp năm đại hạn thì lấy trượng cắm xuống đất, lấy nước cứu sinh dân”. Man Nương cung kính bái lĩnh mà về ở trong chùa. Gặp năm đại hạn, nàng lấy trượng cắm xuống đất, tự nhiên nước cuộn cuộn chảy ra, dân được nhờ ơn. Khi Man Nương ngoài chín mươi tuổi là lúc cây phù dung bị đổ, trôi ra ở bến sông trước cửa chùa, quanh quẩn ở đấy mà không trôi đi. Dân thấy thế, định bỏ làm củi nhưng rìu nào cũng đều bị gãy, bèn đưa hơn ba trăm người trong làng ra kéo cây gỗ lên mà không chuyển. Gặp lúc Man Nương xuống bến rửa tay, thử kéo chơi thì cây chuyển động. Chúng đều ngạc nhiên, bảo Man Nương kéo lên bờ sai thợ tạc bốn pho tượng Phật. Khi xẻ cây gỗ đến chỗ đặt đứa con gái thì thấy đã hóa thành một tảng đá rất rắn. Thợ lấy rìu đập tảng đá, rìu đều bị mẻ. Họ liền vút đá xuống vực sông, một tia sáng chói lên,

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

hồi lâu đá mới chìm xuống nước. Bọn thợ đều chết cả. Dân mời Man Nương bái lễ, thuê dân chài lặn xuống nước vớt lên, rước vào tự điện, đặt vào bên trong tượng Phật, tượng Phật tự nhiên trông như mạ vàng. Sư Già-la đặt Phật hiệu là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Long, tứ phương cầu đảo không điều gì không ứng. Dân làng đều gọi Man Nương là Phật mẫu. Ngày 4 tháng 4, Man Nương không bệnh mà chết, táng ở trong chùa. Người đời lấy ngày này làm ngày sinh của Phật. Hàng năm, tới ngày ấy, nam nữ bốn phương thường tụ hội ở chùa này vui chơi ca múa, người đời gọi là hội Tắm Phật.



TRUYỆN NAM CHIẾU

Người Nam Chiếu là con cháu Vũ Đế Triệu Đà vậy.

Thời Hán Vũ Đế, thừa tướng nước Nam Việt là Lữ Gia không phục, giết sứ Hán là bọn An Quốc, Thiệu Quý. Hán Vũ Đế sai tướng là bọn Lộ Bác Đức, Dương Phác đem quân chinh phạt, bắt Vệ Dương Vương Kiến Đức và Lữ Gia, thôn tính cả nước, phân đất cho các quan cai trị. Con cháu họ Triệu tản mát bốn phương, sau trở về Thần Phù, Hoành Sơn là những xứ vắng vẻ không có người. Khi bộ hạ đông đúc, họ bèn đóng tàu thuyền thỉnh thoảng ra bể đột nhập vào nội địa cướp người ven bể, giết các quan lệnh của nhà Hán. Dân đều sợ phục, gọi là Nam Triệu, sau gọi là Nam Chiếu, cho nên họ mang danh hiệu ấy. Đến đời Ngô, Tôn Quyền sai Đái Lương, Lữ Đại làm thú mục để đánh dẹp. Quân Nam Chiếu ở cả một vùng từ núi Thiên Cầm tới Hà Hoa, Vao Vọng, Hoành Sơn, Ô Tung, Hải Ngạn, Sử Bộ, Trường Sa, Quế Hải, Vọng Cái, Lỗi Lôi, núi cao bể rộng,

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

sóng gió hiểm trở, không có một vết chân người. Quân Nam Chiếu ở đây thường lấy việc cướp bóc để sinh sống, đánh giết thú mồi, không thể ngăn cản nổi. Đồ đảng của chúng khá nhiều, hay đem hàng hóa châu ngọc dút lột cho nước Tây Bà Dạ cầu làm thân thuộc, cùng giúp đỡ nhau. Cuối đời Tần thiên hạ rối loạn, có người thổ tù là Triệu Ông Lý cũng là con cháu của Triệu Vũ Đế, anh em đông đúc, thấy đều dũng lược hơn người, ai nấy đều phục, cùng với quân Nam Chiếu hợp lại, được hơn hai vạn người, lại đem châu ngọc tiến nước Tây Bà Dạ, xin chỗ đất không ngay cạnh đó để ở.

Khi ấy, Tây Bà Dạ quốc chia đều bãi bể và đồng nội ra thành hai lộ. Một lộ trên từ Quý Châu, dưới tới Diên Châu gọi là lộ Gia Viễn, giết trâu ăn thề rồi giao cho nước Nam Chiếu và Triệu Ông Lý thống lĩnh. Sau đó, Ông Lý xây thành ở tổng Cao Xá, đất Diên Châu, đông tới Giáp Hải, tây tới nước Bà Dạ, nam tới Hoành Sơn, tự xưng làm chúa. Nhà Đông Tấn sai tướng quân là Tào Nhĩ đem quân sang đánh. Ông Lý phục tượng binh ở chỗ hiểm trở nơi đầu nguồn sông mà đánh, rồi lại tới tập ở Mê Sơn và Mạt Sơn ngoài bể, địch tụ thì mình tán, địch tán thì mình tụ, sáng ra tới vào, cầm cự trong bốn, năm năm trời. Quân Tấn không chịu nổi khí núi, tử vong quá nửa, bèn rút quân về. Quân Nam Chiếu thường tới cướp các



xứ Nam Thành, Đông Thành, Trường An, thú lệnh không thể dẹp nổi. Tới khi nhà Đường thịnh lên, vua Ý Tông sai Cao Biền đem quân sang dẹp, không đánh nổi phải bỏ về. Tới đời Ngũ Đại, vua Tấn là Thạch Kinh Đường sai quan tư mã họ Lý đem 20 vạn quân đánh vào Đồ Sơn, quân Nam Chiếu bèn rút về ở nhờ tại biên giới Ai Lao, hiệu là Đầu Hoành Mô Quốc Bồn Mang, thường lấy sự cướp bóc làm nghề, lúc đánh lúc nghỉ, chưa hề bao giờ yên chiến sự. Đất đó nay là phủ Trấn Ninh, muôn đời sát nhập trong bản đồ nước Đại Việt.

TRUYỆN SÔNG TÔ LỊCH

Năm Hàm Thông thứ 6, vua Đường Ý Tông sai Cao Biền làm đô hộ tướng quân, đem binh đánh giặc Nam Chiếu. Lúc Biền trở về, nhà vua đặt Tĩnh Hải quân ở thành Lĩnh Nam, cho Biền làm tiết độ sứ. Biền thông hiểu thiên văn địa lý, xem hình thế đất mà xây thành Đại La ở phía tây Lô Giang, chu vi 30 dặm để ở. Có dòng sông con từ Lô Giang chảy vào phía Tây Bắc, cuốn quanh phía nam, ôm lấy thành Đại La rồi lại nhập vào sông cái. Hồi đó đang giữa tháng sáu nước mưa lên cao: Biền cưỡi thuyền nhẹ thuận dòng vào tiểu giang đi khoảng một dặm, bỗng thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, dung mạo dị kỳ, tắm ở giữa dòng sông, cười nói tự nhiên. Biền hỏi họ tên. Đáp: ta họ Tô tên Lịch. Biền lại hỏi: Nhà ở đâu? Đáp: Nhà ở trong sông này. Dứt lời, lấy tay đập nước bắn tung mù mịt, bỗng nhiên không thấy đâu nữa. Biền biết là thần, bèn đặt tên sông là Tô Lịch. Một buổi sớm khác, Biền ra đứng ở bờ sông Lô Giang, phía đông thành Đại La, thấy trận gió



lớn nổi lên, sóng nước cuộn cuộn, mây trời mù mịt, có một dị nhân đứng trên mặt nước, cao hơn hai trượng, mình mặc áo vàng, đầu đội mũ tím, tay cầm hốt vàng rực rỡ một khoảng trời, chập chờn lên xuống trên khoảng không. Mặt trời cao ba con sào, khí mây hây còn mù mịt. Biển rất kinh dị, muốn yểm thần. Đêm nằm mộng thấy thần nhân tới nói rằng: “Chớ yểm ta, ta là tinh ở Long Đỗ, đứng đầu các địa linh, ông xây thành ở đây, ta chưa được gặp, cho nên tới xem đó thôi, ta có sợ gì bùa phép?”. Biển kinh hãi. Sáng hôm sau, Biển lập đàn niệm chú, lấy kim đồng thiết phù để yểm. Đêm hôm ấy, sấm động ầm ầm, gió mưa dậm dật, đất trời u ám, thần tướng hò reo, kinh thiên động địa. Trong khoảnh khắc, kim đồng thiết phù bật ra khỏi đất, biến thành tro, bay tan trên không. Biển càng kinh hãi, than rằng: “Xứ này có thần linh dị, ở lâu tất chuốc lấy tai vạ”. Sau Ý Tông triệu Biển về, quả nhiên Biển bị giết và Cao Tàm được cử sang thay.

TRUYỆN NÚI TẢN VIÊN

Núi Tản Viên ở phía tây kinh thành Thăng Long nước Nam Việt. Núi cao một vạn hai nghìn ba trăm trượng, chu vi chín vạn tám nghìn sáu trăm vạn (?) Ba núi đứng xếp hàng, đỉnh tròn như cái tán cho nên có tên ấy. Theo sách Ai giao châu tự của Đường Tăng thì Đại Vương núi này là Sơn Tinh họ Nguyễn, vô cùng linh ứng. Khi hạn hán, lúc lụt lội cầu đảo để phòng tai trừ hoạn lập tức có ứng nghiệm. Kẻ thờ cúng hết lòng thành kính. Thường thường, vào những ngày quang đãng như có bóng cò xí thấp thoáng trong hang núi. Dân trong vùng nói rằng đó là Sơn Thần hiển hiện. Khi Cao Biền nhà Đường ở An Nam muốn yểm những nơi linh tích bèn mổ bụng con gái chưa chồng mười bảy tuổi, vớt ruột đi, nhồi cỏ bấc vào bụng, mặc áo quần vào rồi đặt ngồi trên ngai tế bằng trâu bò, hễ thấy cử động thì vung kiếm mà chém đầu. Phàm muốn đánh lừa các thần đều dùng thuật đó. Biền đem thuật đó để tiến đại vương núi Tản Viên, thấy Vương cưỡi ngựa



trắng ở trên mây nhô nước bọt vào mà bỏ đi. Biên than rằng: “Linh khí ở phương Nam không thể lường được. Ôi! Cái vượng khí đời nào hết được!” Sự linh ứng đã hiển hiện ra như vậy đó.

Xưa kia đại vương trông thấy phong cảnh núi Tản Viên đẹp để bèn làm một con đường từ bến Bạch Phiên đi lên phía nam núi Tản Viên, qua động An Vệ, tới các ngọn nguồn lạch suối đều dựng điện để nghỉ ngơi. Rồi lại đi qua rìa núi đến chỏm núi có mây che thì định cư ở đó. Đôi lúc rong chơi trên sông Tiểu Hoàng Giang xem đánh cá, phàm đi qua các làng xóm đều dựng điện để nghỉ ngơi. Về sau, nhân dân theo dấu vết các điện đó mà lập đền miếu để thờ cúng. Lại theo truyền cũ ở sách Giao Châu ký của Lỗ Công, tương truyền rằng Đại Vương Sơn Tinh họ Nguyễn, cùng vui ở với loài thủy tộc ở đất Gia Ninh, huyện Phong Châu. Thời vua Chu Noãn Vương, vua Hùng Vương thứ 18 đến ở đất Việt Trì, Châu Phong, lấy quốc hiệu là Văn Lang. Vua có người con gái tên là Mị Nương (cháu gái 27 đời của Thần Nông) có sắc đẹp; Thục Vương Phán cầu hôn, nhà vua không bằng lòng, muốn chọn rể hiền.

Mấy hôm sau, bỗng thấy hai người, một người xưng là Sơn Tinh, một người xưng là Thủy Tinh đến để cầu hôn. Hùng Vương truyền tử thí pháp thuật. Sơn Tinh chỉ núi, núi lở, ra vào trong đá không có gì trở ngại. Thủy

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

ting lấy nước phun lên không biến thành mây mưa. Vua nói: “Hai vị đều có phép thần thông, nhưng ta chỉ có một người con gái, vậy ai mang sính lễ tới trước, ta khắc gả cho”. Sáng hôm sau, Sơn Tinh mang ngọc quý, vàng bạc sơn cầm, dã thú... các lễ vật đến tiến, vua y cho. Thủy Tinh đến sau, không thấy Mị Nương, cả giận đem loài thủy tộc định đánh để cướp lại. Vương lấy lưới sắt ngăn ngang sông huyện Từ Liêm, Thủy Tinh bèn mở một dải sông Tiểu Hoàng Giang từ Lý Nhân ra Hát Giang, vào sông Đà Giang để đánh ập sau lưng núi Tản Viên. Lại mở ngách sông Tiểu Tích Giang hướng về trước núi Tản Viên, đi qua Cam Giá, Xa Lâu, Cổ Hào, Ma Sá ở khoảng ven sông đánh sục thành cái vũng lớn để mở lối đi cho quân thủy tộc. Thường làm mưa gió mịt mù, dâng nước lên đánh Vương. Dân ở chân núi thấy thế bèn cắm một hàng rào thưa để đón đỡ, đánh trống gõ cối, hò reo để cứu viện. Thấy rơm rác trôi bên ngoài hàng rào bèn bắn, thủy tộc chết biến thành thây ba ba thường luồng trôi tắc cả khúc sông.

Hàng năm vào khoảng tháng bảy tháng tám vẫn thường như vậy. Dân vùng chân núi hay bị gió to nước lớn, lúa má thiệt hại cả. Người đời tương truyền rằng đó là Sơn Tinh và Thủy Tinh tranh nhau lấy Mị Nương.

Dại Vương được bí quyết trường sinh của thần tiên nên rất hiển linh. Đó là vị đệ nhất phúc thần của nước đại việt vậy.



TRUYỆN HAI VỊ THẦN Ở LONG NHÂN, NHƯ NGUYỆT

Năm thiên Phúc nguyên niên đời Lê Đại Hành, Tống Thái Tổ sai bọn tướng quân hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng cất quân sang xâm lược nam phương. Lê Đại Hành và tướng quân Phạm Cự Lượng kéo quân tới sông Đồ Lỗ cự địch, hai bên đối lũy. Đại Hành mộng thấy hai thần nhân ở trên sông vái mà nói rằng: “Anh em thần, một tên là Trương Hồng, một tên là Trương Hát, xưa kia theo Triệu Việt Vương cầm quân chinh phạt nghịch tặc mà lấy được thiên hạ. Về sau Triệu Việt Vương mất nước, Lý Nam Đế triệu hai anh em thần. Bọn thần vì nghĩa không thể theo được, uống thuốc độc mà tự tử. Thượng đế thương anh em thần có công lại trung nghĩa một lòng, mới phong làm quan tướng trong hàng các thần linh, thống lĩnh quỷ binh. Nay quân Tống phạm cõi, làm khổ sinh linh nước ta, cho nên anh em thần đến yết kiến, xin nguyện cùng nhà vua đánh giặc này để cứu sinh linh”. Vua giật mình tỉnh dậy, mừng rỡ mà bảo cận thần rằng: “Có thần nhân giúp ta rồi

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

vậy". Bèn lập tức đốt hương ở trước thuyền ngự mà khẩn rằng: "Nếu thần nhân có thể giúp ta làm nên cơ nghiệp này, thì xin bao phong huyết thực muôn đời". Đoạn giết gia súc tế lễ, hóa mũ áo, voi ngựa, tiền giấy. Đêm ấy Đại Hành mộng thấy hai thần nhân mặc mũ áo vua ban đến bái tạ. Đêm sau lại thấy một người dẫn đoàn quỷ áo trắng, từ phía nam sông Bình Giang mà tới, một người dẫn bọn quỷ áo đỏ từ phía bắc sông Như Nguyệt mà lại, cùng xông vào trại giặc mà đánh. Canh ba đêm ba mươi tháng mười, trời tối đen, mưa to gió lớn ùng ùng. Quân Tống kinh hoàng. Thần nhân tàng hình ở trên không, lớn tiếng ngâm rằng:

*Non sông nước Nam, vua nước Nam ở,
Điều ấy đã định rõ trong sách trời.
Nếu như giặc Bắc sang xâm lược,
Thì sẽ bị lười gươm sắc chém tan như chẻ tre.*

(Dịch ý)

Quân Tống nghe thấy, xéo đạp vào nhau mà chạy tan, lẫm giết lẫn nhau, ai lo chạy thoát thân người ấy, bị bắt không biết bao nhiêu mà kể. Quân Tống đại bại mà về. Đại Hành trở về ăn mừng, phong thưởng công thần, truy phong cho hai vị thần nhân, một là Tinh mẫn đại vương lập miếu thờ ở tại ngã ba sông Long Nhãn, sai dân ở Long Nhãn, sông Bình Giang phụng thờ, một là Khước mẫn đại vương lập miếu ở ngã ba sông Như Nguyệt, sai dân ở bờ sông Như Nguyệt phụng thờ, hưởng huyết thực đời đời, nay vẫn còn là phúc thần.



TRUYỆN TỪ ĐẠO HẠNH VÀ NGUYỄN MINH KHÔNG

Ông họ Từ tên Lộ, tự là Đạo Hạnh, ở chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích, cha tên là Vinh, làm chức tăng quan đô sát ở triều lý, thường qua chơi làng An Lãng, lấy con gái người họ Lỗ tên là Loan, nhân thế ở lại đó. Lộ tức là con bà họ Lỗ vậy. Thuở niên thiếu, thích giao du hào hiệp, phóng khoáng, có chí lớn, hành động ngôn ngữ không ai có thể lường được, thường dùng kẻ nho giả Mãi Sinh, đạo sĩ Lê Toàn Nghĩa và người con hát là Phan Ất kết bạn. Đêm thì mài miết đọc sách, ngày thì thổi sáo đánh cầu, vui sự chơi bời. Cha mẹ thường trách là trẻ nải, một đêm ghé dòm qua khe cửa vào trong phòng thấy ngọn đèn gần tàn, sách vở chồng chất. Lộ gục xuống án mà ngủ, tay vẫn chưa rời khỏi sách; do đó cha mẹ không còn lo nghĩ nữa. Sau Lộ dự kỳ thi tăng hương thí, đỗ khoa Bạch Liên. Không bao lâu, cha dùng tà thuật làm phật ý Diên Thành hầu, Diên Thành sai Đại Diên thiền sư dùng phép đánh

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

chết, ném xác xuống sông Tô Lịch. Xác trôi tới cầu An Quyết, đến trước cửa nhà Diên Thành hầu, hốt nhiên đứng dựng lên ở đấy suốt một ngày không trôi đi.

Diên Thành hầu sợ hãi nói với Đại Diên, Đại Diên đến và hét lên rằng: “Người đi tu không được phép giận quá một ngày”. Dứt lời thầy đồ xuống mà trôi đi. Lộ nghĩ việc báo thù cho cha nhưng chưa nghĩ ra mưu kế. Một hôm, rình Đại Diên ra ngoài, gây sự định đánh, bỗng nghe thấy trên không trung có tiếng thét ngăn lại. Lộ sợ hãi quăng gậy mà đi. Muốn sang chùa Ấn Quốc cầu phép lạ để đánh Diên, đường đi qua đất rợ Kim Sỉ (răng vàng) thấy hiểm trở bèn quay về, ẩn cư ở núi Phật Tích, thường ngày đọc kinh Đại-bi-dà-la, đọc trọn mười vạn tám nghìn lần. Một hôm, thấy có thần nhân đến trước mặt mà nói rằng: “Kẻ đệ tử tức là Trấn Thiên Vương, cảm phục thầy có công trì kinh nên lại đây để thầy sai khiến”. Lộ biết là đạo pháp đã thành, thù cha có thể rửa, bèn thân đến cầu An Quyết, cầm cây gậy chống ở tay ném xuống dòng nước chảy xiết. Gậy đi ngược dòng nước tới cầu Tây Dương thì dừng lại. Lộ mừng mà nói rằng: “Phép của ta đã thắng được Đại Diên rồi”. Bèn đến thẳng chỗ Diên ở, thấy Diên nói rằng: “Mày không nhớ chuyện ngày trước sao?”. Nói rồi nhìn lên không trung, tịnh không thấy gì, bèn đánh liền. Diên phát bệnh mà chết. Từ đó, thù xưa



đã rửa, tục lự nguội dần mới du ngoạn các
miên rừng rú để tìm dấu Phật. Nghe tiếng
Kiều Trí Huyền ở đạo Bình Hóa, bèn cung kính
tới bái yết và hỏi về chân tâm, đọc câu kệ rằng:

*Lâu ngày bị gió bụi làm đục không thấy rõ
được vàng,*

Không biết nơi nào mới thực là chân tâm.

*Mong được nghe lời chỉ giáo để mở đường
phương tiện,*

*Thấy được Bồ đề thôi không phải khổ công
tìm tòi.*

(Dịch ý)

Huyền đọc kệ đáp lại:

*Ngũ âm bí quyết biểu hiện rõ chân kim
(vàng thực),*

Trong đó, đầy thảng sẽ lộ rõ lòng thiền.

*Bát ngát như cát ven sông đó mới thực là
đạo Bồ đề,*

Hướng tới Bồ đề ngàn sự tìm tòi đều xa cách.
(Dịch ý)

Lộ hoang mang chưa hiểu hết, bèn đi tới
chùa Pháp Linh Sơn yết kiến Phạm Hội thiền
sư, hỏi rằng “Nhu thế nào là chân tâm?”. Phạm
nói: “A-nan-cá chính là chân tâm”. Lộ bỗng
nhiên tỉnh ngộ, hỏi rằng: “Thế nào là phép
hành trụ?” Phạm nói: “Đói thì ăn, khát thì
uống”. Lộ bèn từ mà đi, từ đó phép lực ngày
càng mạnh, duyên thiền càng kết. Các giống
rắn núi, thú đồng đến quán quýt quanh mình.

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

Lộ đốt ngón tay cầu đảo, chú phép vào nước trị bệnh, không lúc nào không nghiệm. Có vị sư hỏi rằng: “Phải chăng hành, trụ, toạ, ngoạ đều là Phật tâm”. Lộ đọc kệ đáp rằng:

*Có làm thì mọi môi bụi cát đều có,
Không làm thì tất cả đều là không.
Có hay không đều như mặt trăng dưới nước,
Vật thì trông rõ rệt nhưng lại là không*
(Dịch ý)

Hoặc lại nói:

*Mặt trời mặt trăng ra ở đâu núi,
Người người đều cháy ra một khối lửa.
Người về có con ngựa nhỏ,
Đi bộ mà không cưỡi ngựa*
(Dịch ý)

Khi ấy vua Lý Nhân Tông không có con, tháng ba năm Hội tường Đại khánh thứ 3, có người ở phủ Thanh Hoa nói rằng: “ở bãi bể có đứa trẻ kỳ lạ, mới khoảng lên ba, tự xưng là hoàng đế, lấy hiệu Giác Hoàng, phàm vua làm điều gì đứa trẻ ấy cũng biết, đó chính là Đại Diên hóa sinh”. Vua sai quan trung sứ tới xem, thấy đúng như lời nói, bèn đón về kinh sư, cho ở chùa Báo Thiên. Vua thấy đứa trẻ thông minh, rất lấy làm yêu dấu, muốn lập làm kẻ kế tự, quần thần đều cố khuyên can là không thể được, và nói: “Nếu kẻ kia thực là linh dị, tất phải thác sinh ở nơi cung cấm, sau mới có thể lập được”. Vua nghe theo, bèn mở đại hội bảy



ngày đêm cho đầu thai. Pháp Lộ nghe tin, nói với chị gái rằng: “Đứa trẻ kia là yêu tà mê hoặc người ta quá đáng. Ta há chịu ngồi yên mà không cứu, để nó làm mê hoặc lòng người, rồi loạn chính pháp sao?”. Nhân sai chị gái giả đồ làm người đi xem hội, mật đem mấy tấm bùa của Lộ treo ở trên rèm. Hội tới ngày thứ ba thì Giác Hoàng bị bệnh nói với mọi người rằng: “Khắp biên giới trong nước đều có lưới sắt vây che, tuy muốn thác sinh, sợ không có lối vậy”. Vua nghe có kẻ phá mất bùa chú, bèn sai người đi tìm, quả nhiên bắt được Lộ ở Hưng thánh lâu, trói lại, họp quần thần lại để xét xử. Vừa lúc đó Sùng Hiền Hầu đi ngang qua, Lộ năn nỉ nói: “Xin ra sức cứu bản tăng khỏi phải chịu tội, ngày sau xin ngụ thai trong cung để báo đáp công đức này”. Hầu gật đầu. Sau ngày hội, quần thần tâu với vua rằng: “Bệ hạ vô tự, nên cầu kẻ kia thác sinh, thế mà tên Lộ cuồng dại dám tự ý giải chú, thật là đắc tội”. Hầu tâu rằng: “Thiết tưởng nếu Giác Hoàng có thần lực thì tuy có trăm tên Lộ giải chú, há đâu có hại được ru? Nay lại trái hẳn, Lộ hơn hẳn Giác Hoàng, thần trộm nghĩ nếu như giết, chẳng thà cho nó thác sinh”. Vua bằng lòng. Lộ đến thẳng phủ đệ nhà Hầu, nhằm chỗ phu nhân tắm, nhìn khắp cả. Phu nhân giận quá, mách với Hầu, Hầu vốn hiểu ý, để mặc không hỏi đến, Phu nhân vì thế có thai. Lộ dặn Hầu rằng đến lúc phu nhân lâm bồn phải báo cho biết

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

trước. Đến kỳ lâm bồn, Lộ được người báo tin, bèn tắm rửa thay quần áo, bảo học trò rằng: “Mỗi tấc nhân của ta chưa hết, phải thác sinh lần nữa ở đời, tạm làm đế vương, kíp đến khi già chết làm nhị thập thiên tử. Nếu thấy thân thể tan ra đất, đó là ta đã thâm nhập vào bùn đất không còn ở trong cõi sống chết nữa”. Học trò nghe nói, ai cũng cảm động sùi sụt. Lộ đọc kệ rằng:

*Thu tới, không cho chim nhận báo trước,
Cười nhạt mà nhìn nhân gian đau xót.
Khẽ bảo bọn môn nhân chớ nên luyến tiếc,
Thầy xưa mấy độ hóa thầy nay.*

(Dịch ý)

Đọc dứt, nghiêm nhiên mà hóa. Hầu phu nhân bèn sinh con trai, đặt tên là Dương Hoán. Khi lên ba, vua nhân tông nuôi ở trong cung, lập làm hoàng thái tử. Nhân Tông băng hà, thái tử tức vị, ấy là vua Thần Tông do Lộ thác sinh ra vậy. Hình xá Lộ nay còn ở hõm đá trong chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích, huyện Ninh Sơn.

Xưa ở làng Đàm Xá, huyện Đại Hoàng (còn có tên là Gia Viễn) đất Trường An có người tên là Nguyễn Chí Thành ở chùa Quốc Thanh, hiệu là Minh Không quốc sư, lúc ít tuổi đi du học, gặp Đạo Hạnh, học được đạo giáo, trải hơn mười năm. Đạo Hạnh thấy người tiết tháo bèn truyền tâm ấn, lại đặt tên cho. Kíp tới khi Đạo Hạnh sắp tạ thế bảo Minh Không rằng: “Xưa



tôn sư của ta tu đã tròn quả phúc mà còn bị cái nạn đao thương quả báo, huống chi ở cái thuở mặt thế huyền vi này, há có thể tự giữ mình được sao? Ta nay sắp xuất thế, ở cái địa vị làm thầy người ta, bệnh trái kiếp sau quyết là khó tránh nổi. Ta với người có duyên, nên cứu giúp nhau”. Đạo Hạnh đã hóa, Minh Không trở về chùa cũ cày ruộng. Hơn hai mươi năm, không có tin tức gì. Khi đó Lý Thần Tông bỗng mắc bệnh lạ, tâm thần rối loạn, tiếng kêu đau đớn gầm rú đáng sợ. Các lương y trong thiên hạ vâng chiếu mà đến, kể hàng ngàn hàng vạn, đều chịu khoanh tay. Khi ấy có đứa trẻ hát rằng: “Dục trị thiên tử bệnh, tu đắc Nguyễn Minh Không” (Nghĩa là: Muốn chữa bệnh nhà vua tất phải tìm Nguyễn Minh Không). Triều đình bèn sai sứ đi tìm được Minh Không. Minh không thấy sứ giả đến, trong thuyền có rất nhiều lính chèo thuyền, muốn dọn cơm chay cho ăn, bèn lấy một cái nồi nhỏ đem cho họ cùng ăn, bảo họ rằng: “Anh em đông quá sợ không đủ no bụng, ăn tạm vậy”. Thế mà bọn lính chèo thuyền hơn một trăm người cùng ăn cũng không sao hết. Lính ăn xong, sứ lại bảo:

“Anh em hãy tạm ngủ say một lát nữa đợi nước triều dâng lên ta hãy bắt đầu ra đi”. Chúng nghe lời, đều nằm ngủ say ở trên thuyền. Mới trong khoảnh khắc, thuyền đã trở về tới kinh đô. Bọn lính bơi chèo tỉnh dậy đều lấy làm lạ. Khi Minh Không đến, các bậc có

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

tiếng là học rộng ở các nơi đều đang làm phép ở trên điện, thấy Minh Không quē mùa, không thềm chào. Minh Không bèn lấy một chiếc đinh lớn dài hơn năm tấc đóng vào cột điện, lớn tiếng nói rằng: “Có nhổ được đinh này hãy nói chuyện chữa bệnh”. Nói như vậy hai ba lần, không có ai dám nhổ. Minh Không bèn lấy hai ngón tay trái mà nhổ, đinh bật phăng ra. Chúng đều kinh phục. Khi gặp Thần Tông, Minh Không lớn tiếng nói: “Kẻ đại trượng phu được tôn lên ngôi thiên tử, giàu có khắp bốn bể, có sao còn phát bệnh cuồng loạn như vậy?”. Vua nghe nói rất run sợ. Minh Không bèn lấy một cái vạc dầu, đun lên sôi sùng sục, rồi lấy tay khoảng vào bốn lần, rắc vảy lên khắp mình vua, bệnh tức thì khỏi hết. Bèn phong Minh Không làm quốc sư, ban lộc mấy trăm hộ để thưởng công. Năm Tân Sửu, niên hiệu Thái Bình thứ 22, Minh Không tạ thế, thọ bảy mươi sáu tuổi.



TRUYỆN DƯƠNG KHÔNG LỘ VÀ NGUYỄN GIÁC HẢI

Thiền sư Dương Không Lộ ở chùa Nghiêm Quang huyện Hải Thanh, mấy đời làm nghề câu cá, sau bỏ nghề ấy mà đi tu, thường hay đọc kinh Già-la-ni-môn. Trong các năm Chương Thánh, Gia Khánh đời Lý Thần Tông thường cùng Giác Hải là đạo hữu cùng ở ẩn đất Hà Trạch quên cả thân mình, ngoài không đi đến đâu, trong thì tu thiền định. Bỗng thấy tâm thần tai mắt nhẹ nhàng sáng sủa, có thể bay lên không, đi trên băng giá, bắt được hổ phải phục, bắt được rồng phải giáng, vô cùng quái đản người ta không sao lường biết được. Sau tìm về một ngôi chùa ở quận nhà mà ở. Một hôm người hầu bẩm rằng: “Mỗ tự khi tới đây chưa hề được thấy chỉ giáo về những điều tâm yếu, dám xin trình thơ rằng:

*Rèn luyện thân tâm cho được tinh vi,
Hãm hờ xoay lại đối diện với nghiêm đình.
Có người tới học không không pháp,*

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

*Mình ngồi bên chiếc bình phong, ảnh với
hình hợp làm một".*

(Dịch ý)

Sư bèn bảo rằng: “Nếu con đi đường bộ mà tới, ta tiếp dẫn con, nếu con đi đường thủy mà tới, ta trao cho con. Chẳng có chỗ nào mà ta không truyền cho con cái đạo tâm yếu”. Nói xong, ha hả cười lớn.

Thường hay đọc câu kệ rằng:

*Địa thế long xà chọn được nơi
Đồng quê cảnh thú suốt ngày vui,
Có khi dời bước non cao trót
Một tiếng kêu to lạnh cả người.*

(Dịch ý)

Ngày 3 tháng 6 năm Kỷ Hợi, niên hiệu Hội Tường đại khánh thứ mười thì tịch, môn nhân thu xác táng ở cửa chùa. Vua hạ chiếu cho sửa rộng chùa này, quyên hai mươi hộ phụng hương hỏa.

Thiền sư Giác Hải họ Nguyễn, người Hải Thanh, ở tại chùa Diên Phúc quận nhà. Thuở nhỏ thích câu cá, thường lấy thuyền con làm nhà, lênh dênh trên mặt nước. Năm hai mươi lăm tuổi bỏ nghề ấy, cắt tóc đi tu, lúc đầu cùng Thiền sư Không Lộ thờ một thầy ở chùa Hà Trạch.

Thời Lý Nhân Tông, sư thường cùng Thông Huyền chân nhân được triệu vào ngồi hầu ở chùa Liên Mộng, đất Lương Thạch. Bỗng một hôm có đôi tắc kè gọi nhau, nhúc tai điếc óc.



Vua truyền Thông Huyền ngăn nó lại, Huyền lặng nhấm thần chú, một con rơi xuống trước. Vua cười bảo: “Hãy còn một con xin để nhường nhà sư”. Sư đọc thần chú, trong nháy mắt con còn lại cũng rơi nốt. Vua kinh lạ, làm thơ rằng:

*Giác Hải lòng như bể
Thông Huyền đạo cũng huyền,
Thần thông thêm biến hóa,
Một Phật, một thần tiên.*

(Dịch ý)

Từ đó, danh tiếng sư vang động thiên hạ, các vị tăng cùng kẻ tục đều ngưỡng vọng. Vua thường lấy lễ thầy trò mà đãi sư, mỗi khi hạ giá tới hành cung ở Thanh Hải, tất trước tới thăm chùa. Một hôm vua bảo sư: “Cái đạo ứng chân thân tức có thể cho nghe được không?”. Sư bèn đọc kinh tám lần, bay vút lên không, cách xa đất năm trượng, bỗng lại rơi xuống. Vua cùng quần thần đều vỗ tay xưng tán, ban cho chiếc kiệu để ra vào nơi cung cấm. Tới triều vua Thân Tông, mấy lần vua triệu vào kinh thành, sư đều lấy có già yếu không đi. Có vị sư hỏi rằng: “Phật và chúng sinh, ai là chủ ai là khách?”.

Sư bèn đặt câu kệ rằng:

*“Đầu ta đã bạc, bảo ta là lão khách, nếu hỏi
tới những điều về đạo phật thì ta cũng chỉ như
con cá nhỏ không vượt khỏi cửa rồng, đến nỗi
trán bị chấm dầu”.*

(Dịch ý)

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

Lúc sắp tịch, bèn làm bài kệ cáo chúng như sau:

“Xuân tới, chính là thời tiết rất quen thuộc đối với bướm hoa. Hoa bướm cũng phải lựa theo thời tiết. Hoa bướm xưa nay vốn là mộng ảo. Có sao cứ phải giữ mãi chuyện bướm hoa trong lòng”

(Dịch ý)

Đêm ấy có ngôi sao lớn rơi ở góc tây nam phương trượng. Sáng hôm sau, sư ngồi ngay thẳng mà tịch. Vua xuống chiếu quyên 30 hộ phụng thờ hương hỏa, phong hai con làm quan để thưởng công.



TRUYỆN HÀ Ô LÔI

Năm Thiệu Phong đời Trần Dụ Tông có người làng Ma La là Đặng Sĩ Doanh làm chức An phủ sứ phụng mệnh sang Bắc quốc. Vợ là Vũ thị ở nhà, trong làng có đền thờ thần Ma La, đêm đêm thần biến thành Sĩ Doanh, thân thể hình dạng, dáng điệu đi đứng đều bất chước hệt như Sĩ Doanh, nhập vào phòng Vũ thị để tư thông, lúc gà gáy lại bỏ đi. Đêm hôm sau Vũ thị hỏi: “Phu quân phụng mệnh sang sứ Bắc, sao đêm đêm thì về mà ngày lại không thấy?”. Thần nói dối rằng: “Vua đã sai người khác đi thay, để ta hầu bên tả hữu, thường giữ ta đánh cờ không cho ra ngoài. Song ta nhớ tình vợ chồng nên lén về với nàng để cùng ân ái. Sáng sớm lại phải vội vã nhập triều, không dám ở lâu, nghe gà gáy lại đi”. Vũ thị có ý ngờ vực. Năm sau Sĩ Doanh đi sứ về, Vũ thị có thai đã đầy tháng. Sĩ Doanh tâu lên vua, Vũ thị bị hạ ngục. Đêm vua nằm mộng thấy một vị thần tới trước mặt tâu rằng: “Kẻ hạ thần là thần Ma La lấy vợ đã có mang, bị Sĩ Doanh tranh mất

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

con". Vua tỉnh mộng, hôm sau ra lệnh cho ngục quan đem Vũ thị tới, phán rằng: "Vợ giả cho Sĩ Doanh, con giả cho thần Ma La". Ba hôm sau, Vũ thị sinh ra một bọc đen, nở được một con trai, da đen như mực. Năm mười hai tuổi đặt tên là Hà Ô Lôi. Hà tuy đen như sơn, nhưng da thịt bóng mỡ như cao. Năm mười lăm tuổi, vua triệu vào hầu, được rất mực yêu dấu, đãi như tân khách. Một hôm Ô Lôi đi chơi ở Hồ Tây, gặp Lã Động Tân, Lã hỏi rằng: "Chú bé con kia có muốn gì chăng?". Đáp: Đương lúc thiên hạ thái bình quốc gia vô sự, coi phú quý như phù vân, chỉ ham muốn thanh sắc để làm vui tai đẹp mắt mà thôi". Động Tân cười nói: "Thanh sắc của người mất một, được một, song tên tuổi có thể lưu lại cho đời". Rồi bảo Ô Lôi há miệng, nhổ nước bọt, bảo nuốt, sau đó bay lên trời mà đi. Từ đó, Ô Lôi tuy không biết chữ nhưng thông minh, lém lỉnh, thường hay trêu ghẹo vương nhân, những câu từ chương thi phú, khúc điệu ca ngâm, giao xướng phúng vịnh, trào phong lộng nguyệt đều khiến mọi người kinh ngạc, đàn bà con gái ai cũng muốn biết mặt. Vua thường nói với triều thần rằng: "Sau này thấy Ô Lôi gian phạm tới nhà ai, bắt tới trước diện sẽ được đền nghìn quan, nếu giết chết phải bồi thường nghìn quan". Hồi ấy ở làng Nhân Mục có vị quận chúa thuộc dòng tôn thất, tên là A Kim, tuổi vừa 23, chồng chết sớm ở góa, nhan sắc có một không hai. Vua rất yêu,



gạ gẫm không được thương lấy làm giận, một lần bảo Ô Lôi rằng: “Người có kế gì cho ta được vui lòng chăng?”. Ô Lôi tâu: “Thần xin ra hạn một năm, nếu không thấy về là sự không thành, thần đã chết”. Bèn bái từ mà đi, về nhà cởi bỏ hết quần áo, dầm dưới bùn, dầu dãi nắng mưa cho xấu xí, rồi mặc quần vải giả làm người chăn ngựa gánh một đôi sọt tre đến nhà quận chúa, lấy một gói trầu cau dứt lót cho tên giữ cổng để xin vào vườn cắt cỏ. Tên giữ cổng cho vào. Hồi đó vào khoảng tháng 5, tháng 6 hoa thái lê đang đua nở, Ô Lôi đem cắt hết cho vào trong gánh. Tên thị tì của quận chúa thấy hoa trong vườn hết sạch, hô trời Ô Lôi để đợi gia chủ đến chuộc. Giữ quá ba ngày không thấy có người đến nhận, thị tì bèn hỏi: “Mày là gia nô nhà ai, sao không thấy người đến chuộc và dâng hoa trong vườn?”. Ô Lôi đáp: “Tôi là kẻ phiêu bạt, không có gia chủ, không có cha mẹ, thường gánh đồ theo bọn con hát kiếm ăn, hôm qua thấy một vị quan quất ngựa đi ở phía nam thành, ngựa đói không có cỏ, chủ ngựa cho tôi 5 đồng sai đi cắt gánh cỏ. Tôi mừng được tiền vội đi cắt cỏ, không biết hoa thái lê là vật gì, nay không có gì dâng xin đem thân gia nô để bồi thường vậy”. Bèn lưu Ô Lôi ở cổng ngoài. Qua hơn một tháng, thị tì của quận chúa thấy Ô Lôi đói khát bèn cho ăn uống. Đêm đêm Ô Lôi thường ca hát cho người giữ cổng nghe, bọn thị tì và nội thị cũng đều lắng nghe. Một hôm trời

tối đã lâu mà đèn chưa thấy thấp, quận chúa ngồi mò một chỗ, tả hữu không kẻ hầu hạ. Quận chúa gọi thị tì mà mắng, lại cầm roi toan đánh. Chúng thị tì cúi đầu tạ tội rằng: “Chúng con nghe tên cất cổ hát trong lòng ham say, không ngờ để đến nỗi này, quận chúa đánh đòn cũng cam chịu”. Quận chúa thôi mà không hỏi tội nữa. Lúc đó đang giữa đêm hè, quận chúa cùng thị tì ngồi ở giữa sân, ngóng gió đùa trăng để tiêu khiển. Bỗng cách tường nghe thấy tiếng hát của Ô Lôi thoảng như điệu ca người câu cá, khác hẳn âm thanh chốn dương gian, tâm thần mê mẩn, tình riêng xúc động, bèn vờ Ô Lôi vào nhà trong cho hầu ở tả hữu, thành đứa gia nô thân cận. Quận chúa thường bảo Ô Lôi ca vịnh ngâm xướng để tiêu mỗi sầu u uất. Ô Lôi nhân đó hết lòng hầu hạ, quận chúa càng yêu mến tin cậy, ngày cho ở dưới trướng, đêm cho khêu đèn ngồi hầu. Khi thì sai ca hát, giọng ca bay khắp trong ngoài, quận chúa quá cảm động mà mang bệnh u uất. Qua ba bốn tháng, bệnh càng trầm trọng. Thị tì hầu hạ lâu cũng mệt nhọc mà mang bệnh, trong cơn bệnh lại thường ngủ say, quận chúa gọi cũng không dậy. Duy có một mình Ô Lôi ở lại hầu hạ, quận chúa không nén nổi tình, mật bảo Ô Lôi rằng: “Người ở cạnh ta, ta vì giọng hát của người mà mang bệnh”. Bèn cùng Ô Lôi tư thông, bệnh tình cũng có bớt hơn. Tình yêu ngày càng mặn mà, quận chúa chẳng kể gì đến hình dáng xấu



xí của Ô Lôi, không còn tiếc gì nữa, muốn đem hết ruộng đất cho Ô Lôi làm trang trại. Ô Lôi nói: “Thần vốn không có nhà cửa, nay được gặp quận chúa là bậc thiên tiên, đó thực là điều phúc lớn của thần. Thần không cần điền trạch, châu báu, chỉ muốn được đội chiếc mũ vào triều của quận chúa thì chết cũng được nhắm mắt”. (Chiếc mũ đó là vật tiên đế ban cho, chỉ dùng trong lúc tiến triều. Quận chúa vì quá yêu Ô Lôi không còn tiếc gì hết). Ô Lôi được mũ bèn lên mang vào triều. Vua trông thấy cả mừng, tức tốc sai vời quận chúa vào chầu, bảo Ô Lôi đội chiếc mũ kia đứng hầu bên cạnh. Vua hỏi quận chúa: “Có biết Ô Lôi không?” Quận chúa lúc ấy rất xấu hổ.

Đời bấy giờ có bài thơ quốc ngữ rằng:

Chín đà nấu đến xin làm tôi,

Đành hay thiên tiên phúc để Lôi.

Từ đó danh tiếng Ô Lôi vang lừng thiên hạ, vương hầu mỹ nữ thường bị Lôi trêu ghẹo. Có câu thơ quốc ngữ rằng:

Mang mang mặt mắt cháy ma lem,

Kẻ chợ khát, người qua mới thèm.

Nhân có hoàng kim thanh sắc ấy.

Mang mang mặt mũi thế soi xem.

Tuy người đời làm thơ ghẹo Ô Lôi, nhưng vẫn vì bị thanh sắc cám dỗ mà không thể tránh Ô Lôi được. Ô Lôi thường tư thông với con gái các nhà vương hầu mà không ai dám đánh, sợ

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

vua bắt bồi thường. Sau Ô Lôi tư thông cả với con gái trưởng của Minh Uy Vương. Vương bắt được song chưa đem giết vội. Sáng hôm sau, Vương vào châu vua, tâu rằng: “Đêm qua Ô Lôi lén vào nhà thần, tối như bưng không rõ trắng đen nên thần đã giết chết mất rồi, nay xin bệ hạ cho biết phải đền mấy nghìn quan để thần tiến nạp”. Vua không biết là Ô Lôi còn sống, phán rằng: “Lỡ giết thì ta chẳng chấp nê làm gì”. Hồi ấy vì hoàng hậu Vi Từ là em ruột Minh Uy Vương, cho nên vua không hỏi cặn kẽ. Uy Vương về lấy trượng đánh Lôi, Lôi không chết, Vương bèn lấy chày giã chết.

Khi sắp chết, Ô Lôi có ngâm câu thơ quốc ngữ rằng:

*Sinh tử do trời có quản bao,
Nam nhi miễn đã được anh hào,
Chết vì thanh sắc cam là chết,
Chết việc ốm đau cơm gạo nào.*

Lại nói: “Xưa Đông Tân bảo ta rằng: Thanh sắc của người được mất bù nhau, lời ấy nghiệm thật”. Nói rồi bèn chết.



TRUYỆN TƯỚNG QUÂN HỌ CAO Ở VŨ NINH

Tướng quân họ Cao tên Lỗ, là người huyện Vũ Ninh. Thời An Dương Vương, tướng quân được vuốt thần Kim Quy bèn chế ra nỏ Linh Quang thần cơ, cứ đem nỏ chĩa vào quân giặc là chúng không dám đến gần. Tướng quân từng nhiều lần đánh lui được giặc lập nên công lớn sau bị Lạc hầu dèm pha rồi trừ bỏ.

Khi Cao Biền dẹp quân Nam Chiếu trở về, qua châu Vũ Ninh, tới một chỗ, đêm nằm mộng thấy có một dị nhân mình dài chín thước, diện mạo cương nghị, búi tóc, mặc áo đỏ, tự xưng họ tên mà nói rằng: “Ta ngày trước phò tá An Dương Vương, giết giặc lập đại công, bị Lạc hầu dèm pha mà trừ bỏ. Sau khi ta chết, thượng đế thương tình vô tội, một lòng trung liệt nên phong cho làm Quản lĩnh đô thống tướng quân ở một giải sơn hà này. Phàm việc chinh phạt giặc cướp và cày cấy nông tang ta đều đứng chủ trương. Ngày nay, ta theo ngài

Vũ Quỳnh - Kiều Phú

đẹp yên nghịch tặc, thiên hạ lại được yên ổn. Ngài trở về bản bộ, nếu không cáo tạ là trái lễ đó". Biên lấy làm lạ, hỏi vì có gì mà Lạc hầu ghen ghét. Dị nhân đáp: "Việc uẩn khúc, không tiện tiết lộ". Biên nài hỏi mấy lần nữa. Đáp: "An Dương Vương là tinh phượng vàng, Lạc hầu là tinh vượn trắng, phượng và vượn tương hợp, cùng với rồng tương khắc, vì thế mà ghen ghét". Nói xong cuỗi mây mà đi. Biên tỉnh mộng, bụng còn ghi tên Vũ Ninh, bèn nói cho bộ hạ biết và tự ngâm câu thơ rằng:

*Đem thay cảnh Giao Châu,
Dằng dặc ngàn năm lâu.
Thần xưa rày được gặp,
Quyết chẳng phụ lòng nhau.*
(Dịch ý)

Lại ngâm rằng:

*Trăm Việt vững phong cương,
Ba quân dẹp chiến trường.
Thần tiên phù chính nghĩa.
Muôn năm vững triều Đường.*
(Dịch ý)

Kể theo hầu là Cao Viên chúc mừng Biên rằng:

*Kiên cố non sông Việt,
Thanh tân nhân vật Đường.
Họ Cao cao chí khí
Phù trợ có Long Vương*
(Dịch ý)



*Nam Việt non sông đẹp,
Long thần khí phách kinh,
Người Giao đừng cau trán,
Nay lại thấy thắng bình.*

(Dịch ý)

Cao Biền bèn gia phong mỹ tự cho thần - nay là Đại Than Đô Lỗ thạch thần, quanh năm hương lửa không dứt.

Đền Vũ Ninh tức là đền Gia Định, có một hang đá ăn sâu vào Đại Than, hang đó do Long Vương đào ra. Nước trong hang xoáy mạnh có thể xoay lật thuyền bè qua lại. Hễ người nào vào lễ đền trước rồi đi qua hang thì được vô sự. Đòi Trần, thần được phong làm Quả Nghị cương chính uy huệ chính thần đại vương. Đền thường gọi là đền Đô Lỗ, ở xã Đại Than, huyện Gia Định. Còn một đền nữa ở thôn Tráng Liệt, xã Phúc Cầu, huyện Đường An.

TRUYỆN THẦN SÔNG BẠCH HẠC

Thần sông Bạch Hạc rất linh hiển. Khoảng các năm Vĩnh Huy đời Đường Cao Tông, Lý Thường Minh làm chức đô hộ đất Phong Châu thấy khoảng đất này kéo dài tới ngàn dặm, có sông núi vây quanh, bèn xây đạo Thánh linh quán ở ven sông Bạch Hạc, đặt tượng Tam Thanh ở trong quán để phụng thờ. Lại xây hai ngôi am ở phía trước và phía sau quán, muốn tạc tượng thờ nhưng không biết tạc tượng ai, bèn thắp hương mà khẩn rằng: “Vị thổ thần ở đây, nếu như linh ứng thì mau hiện rõ tình trạng để ta theo đó mà tạc tượng đặt ở am trước”. Canh ba đêm ấy, mộng thấy có hai dị nhân, diện mạo hùng vĩ, phong tư nhàn nhã đều mang theo quân hầu, trước hò sau hét đi lại phía Thường Minh, tranh nhau chiếm am trước. Thường Minh hỏi rằng: “Các ông họ tên là gì? Xin cho ta được rõ để tiện phụng thờ”. Hai người riêng xưng tên họ, một tên là Thạch Khanh, một tên là Thổ Lệnh. Thường Minh xin độ tài nghệ, nếu ai thắng sẽ ở am trước. Thạch



Khanh ứng tiếng mà chạy, mới tới bờ sông đã thấy Thổ Lệnh ở cạnh sông từ trước rồi. Thường Minh theo giấc mộng căn cứ ở hình dạng mà sai thợ tạc tượng. Thổ Lệnh được ở am trước. Thần uy linh hiển hách người trong châu đều kính sợ, hương lửa cúng thờ. Thần là vị phúc thần của ba con sông. Phàm cầu đảo, đều rất ứng nghiệm. Đòi Trần phong làm Trung Dục vô liệt phụ quốc hiển uy vương.

Chùa này ở ngã ba sông Bạch Hạc, ở sông Bạch Hạc có một đoạn mấy chục trượng có giống cá anh vũ. Về mùa đông, dân chài thả lưới vớt cá. Trên dưới khúc sông ấy đều không có giống cá này, cá anh vũ không giống như loài cá chép, mùi vị thơm ngon, rất tiện để làm gỏi, chả, thuộc loại thực phẩm thượng hạng. Người bắt được đều mang tiến vua, cấm đem ra mua bán.

TRUYỆN THẦN CHÍNH KHÍ LONG ĐỒ

Đời Đường, Cao Biền sang đóng ở nước ta, chiếm phủ, xưng vua, đắp thêm La Thành. Vừa đắp xong, một buổi sáng sớm, Biền dạo xem phía ngoài cửa đông thành, bỗng nhiên trời nổi mưa to gió lớn, thấy mây ngũ sắc từ dưới đất dâng lên, ánh sáng loé mắt. Một dị nhân mặc áo màu sặc sỡ, trang sức trông kỳ vĩ, cuỡi con rồng đỏ, tay cầm giản vàng, lơ lửng trong mây khói, khí thế ngùn ngụt, bay lên lượn xuống hồi lâu mới tan. Biền kinh ngạc, cho là ma quỷ, muốn thiết đàn để cúng. Đêm ấy, mộng thấy có thần nhân đến nói rằng: “Xin ông đừng có bụng nghi ngờ, ta không phải là yêu khí đâu. Ta chính là Long Đỗ Vương chính khí thần, vì muốn xem kỹ thành mới mà hiện ra đó thôi!”. Biền tỉnh dậy. Sáng hôm sau họp quần thần, than rằng: “Ta không khuất phục được người phương xa chăng? Đến nỗi để cho loài ngoại quỷ dòm ngó đều không hay của mình ru!”. Có người khuyên lập đàn, và dùng nghìn cân sắt đúc tượng theo hình dạng thần



nhân để làm bùa yểm. Biền y theo kế đó. Vừa đọc thần chú bỗng trời đất mù mịt ngày đêm, mưa gió giạt ùng ùng, tượng sắt nát vụn ra mà bay lên không. Biền sợ hãi, có ý muốn về phương Bắc. Người đời lấy làm lạ, bèn lập chùa ở mạn phía đông kinh thành. Về sau, Lý Thái Tổ dời đô ra đây, xây dựng phủ thành, lại mộng thấy thần nhân tới chúc mừng. Vua nói: “Người chắc được hương lửa trăm năm chăng?”. Đáp: “Mong thánh thượng được trường thọ ức vạn năm, thần đâu há chỉ được hưởng trăm năm hương lửa!”. Vua tỉnh dậy, sai giết súc vật để tế, lại phong làm Thăng Long thành hoàng đại vương. Thời ấy, ở cửa đông có mở chợ buôn bán, đền thần kéo liền một dãy phố dài. Phố thường bị hỏa hoạn, gió dữ thổi cháy rất nhiều, duy có đền là vẫn y nguyên không bị lửa bén tới. Vua lại gia phong cho hưởng lộc, các buổi lễ nghênh xuân đều cử hành tại đây. Ba lần hỏa tai mà vẫn không bị cháy.

Đời Trần phong làm Thuận Dụ tự ứng đại vương. Chùa ở phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương nay gọi là đền Bạch Mã.

TRUYỆN QUỐC SƯ XÂY ĐỀN SỐC THIÊN VƯƠNG

Thời Lê Đại Hành, Khuông Việt thái sư Ngô Chân Lưu thường lưu lạc tới làng Bình Lỗ, mến thích phong cảnh thanh u đẹp đẽ ở đây, bèn dựng một ngôi am mà ở. Đêm, vào lúc canh ba, sư mộng thấy có vị thần đeo qua vàng, cười ngựa sắt, tay trái cầm cây thương vàng, tay phải cầm bảo kiếm, theo sau tới hơn mười người, diện mạo đáng sợ, tới mà nói rằng: “Ta là Tỳ Sa Môn đại vương, kẻ theo sau đều là thần Dạ Xoa. Thiên đế có sách sai ta tới Bắc quốc để bảo hộ hạ dân ở đó. Ta vốn có duyên với người, cho nên tới báo để người biết”. Thái sư kinh hoàng tỉnh dậy, nghe thấy trong núi có tiếng thét, trong lòng vô cùng sợ hãi, bèn thân vào núi, thấy một cây lớn có mây lành vây ở trên bèn sai thợ tới đốn để tạc tượng thần như hình dạng trông thấy trong mộng, rồi lập đền thờ, hương lửa cúng vái. Năm Thiên Phúc thứ nhất, quân Tống vào ăn cướp, bên ta sai quân tới đền cầu khẩn. Khi ấy, quân Tống đóng ở



thôn Tây Kết, hai bên chưa giao chiến, quân Tống trông thấy đã kinh hãi lui về giữ Đại Giang, lại gặp lúc sóng nổi cuộn cuộn, giao long nổi lên mặt nước, quân giặc tan vỡ. Vua cảm sự anh linh của thần, bèn xây thêm miếu võ, phong làm Sóc Thiên Vương để trấn phương bắc. Đền ở xã Vệ Linh, huyện Kim Hoa, thường xuyên phụng thờ không bao giờ ngắt. Có người cho rằng Đồng Thiên Vương sau khi dẹp được giặc, cưỡi ngựa sắt tới cây đa núi Vệ Linh thì lên trời, chỉ để lại một cái áo. Tới nay người đời gọi cây này là “cây thay áo”. Phàm khi thờ cúng, chỉ dùng những đồ chay tịnh. Tới triều Lý, để tiện thờ cúng, mới xây đền vũ ở phía đông Tây Hồ để trấn phương bắc, lại tôn làm phúc thần, nay là phường Nhật Quả Tây Hồ vậy.

TRUYỆN ĐỀN THỜ HOÀNG THÁNH ĐẠI VƯƠNG

*H*oàng Thánh đại vương chính là Phạm Cự Lượng ở triều vua Lê Đại Hành. Cự Lượng người Nam Sách, ông nội Lượng là Chiêm làm chức Đồng Giáp tướng quân nhà Ngô, bố Lượng là Mạn, làm chức tham chính đời Ngô Nam Tấn Vương, anh Lượng là Đình làm chức vệ úy tướng quân đời Đinh. Khi vua Đinh còn thơ ấu, quân Tống sang xâm lược, Đại Hành nắm mọi quyền binh. Đình thái hậu truyền lựa chọn dũng sĩ để chống giặc Tống, Đại Hành cử Lượng làm đại tướng quân. Đương khi đặt kế xuất quân, Cự Lượng cầm đầu tướng sĩ, tôn Đại Hành làm hoàng đế. Lượng làm quan đến chức thái úy. Năm Thông Thụy đời Lý Thái Tông, vua thấy trong đô hộ phủ có nhiều nghi án, án quan không giải quyết nổi, có ý muốn lập thần tự chuyên xét xử các án kiện, tỏ rõ sự linh hiển để thấy hết mọi kẻ gian trá, bèn tắm rửa, thắp hương cầu khẩn thượng đế. Đêm đó, mộng thấy có vị sử giả mặc áo đỏ, vâng mệnh



thượng đế tới phong Cự Lượng làm minh chủ của các án quan ở đô hộ phủ. Vua hỏi sứ giả rằng: “Người ấy là ai, giữ chức gì của ta?”. Đáp: “Chính là chức thái úy của vua Lê Đại Hành”. Vua tỉnh mộng bèn hỏi lại quần thần. Khi biết rõ chuyện, bèn phong Lượng làm Hoàng Thánh đại vương, sai quân lập đền ở phía Tây của nam thành để phụng thờ lại đổi làm Hồng Thánh, dời dời tôn là ngục thần.

TRUYỆN BÀ PHU NHÂN TRINH LIỆT MY Ê

Bà My Ê là vợ Xạ Đẩu, chúa nước Chiêm Thành. Lý Thái Tôn đánh được Chiêm Thành, chém Xạ Đẩu, bắt My Ê mang về. Đến sông Lý Nhân, vua sai quan trung sứ triệu bà sang hầu. Bà căm giận khôn xiết, lấy chày trắng quất quanh mình rồi nhảy xuống sông Hoàng Giang mà chết. Những buổi sáng sớm sương mù và đêm trăng thường nghe thấy có tiếng than ai oán ở khúc sông đó. Người nước ta bèn lập đền thờ cúng.

Về sau, vua ta đi qua hạt Lý Nhân, ngồi ngự ở thuyền rồng nhìn sang bên kia sông thấy có đền thờ, bèn quay lại hỏi tả hữu. Tả hữu bèn đem chuyện bà tâu rõ lại. Vua thương tình nói rằng: “Nếu quả thực là linh thiêng tất nàng sẽ báo cho trẫm biết”. Đêm đó vào hồi canh ba, bà bèn ứng mộng cho vua. Bà mình mặc y phục Chiêm Thành, vừa vái vừa khóc mà tâu rằng: “Thiếp giữ đạo nữ nhi, một lòng một dạ với chồng. Xạ Đẩu tuy không thể cùng bề hạ tranh



sáng, nhưng cũng là người hiền hách ở một phương, thiếp thường vẫn chịu ơn nghĩa của chàng. Ngày nay Xạ Đẩu lỗi đạo, thượng đế giáng chích, mượn tay bệ hạ để trị tội cho nên nước mất thân tan. Thiếp hàng ngày vẫn muốn báo ơn chàng nhưng chưa có dịp. Thiếp may mắn một ngày được gặp bệ hạ. Bệ hạ sai quan trung sứ tiến thiếp xuống dòng nước này, nhờ đó mà giữ được tiết trong giá sạch, ơn đó kể sao cho xiết. Thiếp nào có pháp thuật gì để dám tự xưng là linh thiêng, nào có lời nói gì có thể xứng tai bệ hạ”. Nói xong bỗng biến mất không thấy đâu nữa. Vua kinh hãi tỉnh mộng, phong bà là hiệp chính nương phu nhân. Đời Trần Trùng Hưng lại gia phong cho bà là tá lý phu nhân, thêm hai chữ trình liệt để biểu dương cái tiết đoan trinh của bà vậy.

TRUYỆN ỨNG THIÊN HÓA DỤC HẬU THẦN

Thần vốn là vị thổ thần ở nước Nam ta. Năm Thần võ thứ nhất đời Thánh Tông, vua đi chinh phạt nước Chiêm Thành, tới cửa bể Hoàn Hải, bỗng nhiên trời nổi mưa to gió lớn. Sóng dâng cuộn cuộn, xa nhìn như núi, ngựa thuyền và chiến thuyền đều không thể qua bến được bèn phải cắm thuyền ở bờ biển. Đêm ấy, mộng thấy có người con gái mặc đồ trắng, quần đỏ, trang điểm sơ sài, phong tư yếu điệu bước lên thuyền ngựa mà nói rằng: “Thiếp là tinh đất ở nước này, hôn đậu ở trên cây đã lâu. Nay gặp lúc minh quân xuất chinh, nguyện xin cùng đi theo để lập chiến công”. Dứt lời không thấy đâu nữa. Vua bèn tỉnh dậy triệu tập tả hữu và các bậc kỳ túc kể lại chuyện. Có vị tể tướng là Huệ Sinh tâu rằng: “Thần đã nói là đậu nhờ ở trên cây, vậy nên cầu khẩn tất được yên”. Bèn sai thân nhân tìm khắp các núi trên bờ, ngẫu nhiên thấy một cái cây ngọn như hình người, giống hệt vị thần trong mộng, bèn đặt



trên thuyền ngự, thấp hương cầu đảo, đặt hiệu là Hậu thổ phụ nhân. Trong khoảng khắc, gió yên sóng lặng, hành quân vượt biển thuận lợi, không lo ngại vì sóng gió nữa. Vua bèn lập thần từ, phút chốc sóng gió lại nổi cuộn cuộn như trước. Huệ Sinh tâu rằng: “Ý thần không muốn ở lại bên bờ”. Bèn về kinh xin âm dương để cầu cho sóng bể được yên. Kịp khi về tới kinh, xây đền thờ ở làng An Lăng...

Tới đời Trần Anh Tông, gặp hạn hán, vua sai lập đàn để cầu đảo. Thần bèn thác mộng cho vua, nói: “Đền này có vua Câu Mang, có phép làm mưa”. Vua tỉnh dậy, sai quân dâng lễ, quả nhiên được buổi mưa to gió lớn. Vua bèn sách phong cho thần làm Hậu thổ đại phụ nhân, đời đời gia phong vì nghĩ thần có công với dân. Triều Trần lại phong làm Ứng thiên hậu thổ thần kỳ nguyên quân. Phàm tiết lập xuân đều mang thổ ngư nộp ở dưới đền, tới nay đã thành tục lệ.

TRUYỆN VỊ THẦN NÚI HỒNG LĨNH

Núi Hồng Lĩnh ở đạo Nghệ An. Xưa ở huyện La Sơn có bốn người đốn củi trong núi thấy một cái hồ, trong hồ có một mỹ nhân rất đẹp đang tắm trên một tảng đá bằng phẳng. Mỹ nhân trông thấy bốn người thì nhảy xuống hồ. Bỗng có một con ba ba lớn nổi ở trên mặt nước, bốn người kinh hãi bèn hái những quả quý trên hồ mà đi. Đi suốt ngày không tiến được bước nào, bỗng thấy một dị nhân đến nói rằng: “Vứt những quả quý đi thì mới có thể ra khỏi chốn này, nếu về được tới nhà thì chớ có tiết lộ chuyện trong núi cho ai biết”. Về sau có người tiết lộ chuyện, hộc máu mà chết. Đến đời Thánh Tông hoàng đế, vua tới núi này, cấm biển ở trên núi. Núi có chín mươi ngọn. Tịnh không thấy có hồ, chỉ nghe như có tiếng sóng vỗ. Trời lập tức đổ mưa. Thấy thần rất là linh ứng, nhà vua ban phong cho điển lễ, đến nay người đời vẫn còn kể lại chuyện xưa. Nơi đó là núi Hồng Lĩnh thuộc huyện La Sơn, phủ Đức Quang, tỉnh Nghệ An, nay là hai huyện Nghi Xuân và Can Lộc.



TRUYỆN THẦN NÚI VỌNG PHU

Núi Vọng Phu thuộc huyện Vũ Xương ở cửa bể của đạo Thuận Hóa. Người đời tương truyền rằng: Ngày xưa có hai anh em một trai một gái làm nghề đốn củi ở trong rừng. Người anh chặt gỗ, lỡ tay trúng phải mặt em. Người em đau quá ngã lăn xuống đất. Người anh tưởng em chết, sợ hãi mà bỏ trốn đi xa. Người em được một cụ già đem về nuôi, đến khi trưởng thành, nhan sắc tuyệt đẹp, khác hẳn ngày xưa. Khi cụ già chết, người em gái mới đi lấy chồng, lại lấy đúng người anh mình. Người anh không biết vợ là em gái. Anh ta thấy trên đầu vợ có một vết sẹo, nhân hỏi duyên do. Người vợ nói: “Lúc còn nhỏ thiếp theo anh trai vào rừng đốn gỗ, anh thiếp lỡ tay chém trúng vào giữa trán thiếp rồi bỏ trốn mất, không biết sống chết nơi nào”. Người anh nhận ra em gái mình nhưng đã trót kết làm vợ chồng, cho nên ngại mà không dám nói rõ, lấy cớ đi buôn, bỏ ra đi không về nữa. Người em không biết chồng là anh mình, ngày ngày trông đợi, chết mà biến thành hòn đá. Người đời bèn gọi hòn đá ấy là đá Vọng Phu, lại thấy linh thiêng bèn lập đền thờ phụng.

TRUYỆN CON TRÂU VÀNG Ở HUYỆN TIÊN DU

Ngày xưa, đời thượng cổ, có Vương Chắt đi đốn củi ở trong núi gặp hai tiên đồng đang đánh cờ. Hai tiên đồng cho Chắt một hạt táo, Chắt ăn khỏi đói rồi gác rìu mà ngồi xem đánh cờ. Tiên đồng bảo Chắt: “Cán rìu của người nát rồi”. Chắt cúi xuống, lúc ngẩng lên thì không thấy tiên đồng đâu. Kịp đến khi trở về nhà thì không còn gặp lại những người thân cũ ở trần gian nữa. Do tích đó người đời bèn gọi quả núi này là núi Lạn Kha (núi rìu nát) còn gọi là núi Tiên Du (núi chơi tiên) rồi nhân lấy tên ấy để đặt tên huyện. Ở huyện Tiên Du nay vẫn còn vết cũ.

Núi Tiên Du có tinh trâu vàng nửa đêm thường tỏa ra ánh sáng. Có nhà sư lấy tích tượng yểm lên trán trâu, trâu vàng bỏ chạy húc vào đất làm sụp thành cái hồ. Nơi này sau gọi là thôn Húc. Trâu chạy đến địa phận Văn Giang, vì vậy ở đây có cái vũng lớn gọi tên là vũng Trâu Đầm. Trâu chạy qua các xã Như



Phượng, Như Loan, Đại Lạn, Đa Ngư. Các xã này sở dĩ tên như vậy là vì có vết chân trâu đi tới. Trâu lại từ trong bến ra sông Cái, đến Ninh Giang, đi men phủ Lý Nhân, theo ven sông Cái tới sông Tô Lịch, chỗ ấy chính là Tây Hồ. Người đời truyền tụng rằng Cao Biền giỏi thuật số, thông địa lý, thường cuời diều giấy bay trên không trung để yểm các nơi thắng cảnh. Biền thấy trâu đi vào hồ Dâm Đàm (nay là Tây Hồ) rồi thoát không thấy trâu đâu nữa. Trên đường trâu chạy, khắp nơi biến thành khe, ngòi, rãnh, lạch.

TRUYỆN VỊ THẦN LÀNG BỐ BÁI

Thần làng Bố Bái là tinh của Viêm Long. Xưa ở làng Hạng Kiều thuộc lộ Hạ Hồng có hai anh em nhà họ Đặng, một tên là Thiện Minh, một tên là Thiện Xạ xuống biển đánh cá gặp một vật lạ giống như hình cây gỗ, dài hơn 3 thước, sắc như trứng quạ, đập dềnh trôi theo ngọn sóng. Hai anh em lật lấy đem về. Đến đêm bỗng nghe thấy ở trong vật ấy có tiếng động. Hai anh em kinh hãi vội đem vứt ra giữa dòng nước, rồi sang thuyền khác ngủ nhờ.

Đêm ấy, hai anh em mộng thấy có một người đến nói rằng: “Ta là vợ Đông Hải Long Vương, trót lỡ đi lại với Viêm Long Vương do đó sinh ra đứa con ấy, ta sợ Đông Hải Long Vương biết nên đem gửi các người. Các người hãy giữ lấy và bảo hộ cho cẩn thận, không được để ai xúc phạm tới. Sau này nó trưởng thành tất có thể ban phúc cho các người”. Hai anh em kinh hãi tỉnh dậy thấy cây gỗ trước lại trôi theo thuyền, bèn đem theo về. Tối nhà, hai anh em nghỉ đậu ở đất Bố Bái. Cây gỗ bỗng nhảy từ trong



thuyền lên mặt đất. Hai anh em bèn lập đền, lấy cây gỗ tạc tượng để thờ, gọi là Long Quân.

Đời Trần, vua sai thị thần lặn xuống bể mò hạt châu. Thị thần không mò được gì cả, chỉ có con cháu họ Đặng mò được rất nhiều. Thị thần hỏi duyên do, họ Đặng bèn đem hết chuyện xưa nói rõ. Thị Thần tâu lên vua. Vua sai dùng nghi lễ, âm nhạc di rước tượng, từ đó mò được rất nhiều châu ngọc. Vua giáng chiếu thưởng cho danh hiệu Thần Châu Long Quân, tặng phong là Lợi tế linh thông huệ tín Long Quân. Đền thờ đặt ở xã Bố Bái, huyện Quỳnh Côi. Phía đông đền có bãi tha ma, đó chính là nơi khắc tượng ngày xưa. Trải qua các triều vua, thần đều được gia phong mỹ tự. Tới ngày nay đền đó vẫn rất là linh ứng.

TRUYỆN VỊ THẦN Ở CHĂM LÂN ĐÀM

Thần Lân Đàm chính là thần rồng vậy. Xưa thần thường hóa thành người để tìm thầy học đạo. Thầy học lấy làm lạ bèn tìm chỗ ở của thần, thấy thần náu ở trong chăm. Thầy học thường tra hỏi, thần bèn nói thực rằng: “Năm nay trên thiên đình ngừng việc làm mưa”. Thầy học cố nài thần ra làm mưa. Thần bất đắc dĩ phải nghe lời.

Sau trong chăm có biến động, thầy học tới chăm thấy thần hút nước trong nghiên phun thành mưa mực để trừ hạn hán. Thượng đế cho là việc đã tiết lộ bèn bắt tội thần. Thầy thần nổi ở trên chăm, thầy học thu về an táng, nhân đặt tên chăm là Long Đàm, sau đổi thành Lân Đàm.

Thần rất là uy linh, hiển ứng. Đền thờ thần đặt ở xã Lân Đàm, huyện Thanh Đàm. Đời đời thần được phong làm trung đẳng thần.

NGUYỄN DŨ

**TRUYỀN KỶ
MẠN LỤC**

(GHI CHÉP TÀN MẠN NHỮNG CHUYỆN LẠ)

In lần thứ ba



CHUYỆN NGƯỜI NGHĨA PHỤ Ở KHOÁI CHÂU

Từ Đạt người ở Khoái Châu, lên làm quan tại thành Đông Quan (Hà Nội), thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giàu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lễ thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bởi đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy.

Phùng có người con giai là Trọng Quỳ, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mối lái, định kỳ cưới hỏi. Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền.

Trọng Quý lớn lên, dần sinh ra chơi bởi lâu lỏng; Nhị Khanh thường vẫn phải ngăn gián. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ám được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghét Lập Ngôn tính hay nói thẳng, bèn hòa nhau tiến cử. Khi sắp đi phò nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng:

- Đường xá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến.

Trọng Quý thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến luyến không dứt. Nhị Khanh ngăn bảo rằng:

- Nay nghiêm đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ngoài vờ tiến cử đến chốn hùng phiến, bề trong thực dồn đuổi vào chỗ tử địa. Chả lẽ đành để cha ba đào muôn dặm, lam chướng nghìn trùng, hiểm nghèo giữa đám kinh nghệ, cách trở trong vùng lèo mán, sớm hôm săn sóc, không kẻ đỡ thay? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đâu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu đạo. Mặc dầu cho phấn nhật hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng thắc mắc bận lòng đến chốn hương khuê.



Sinh không dừng được, mới bày một bữa tiệc từ biệt, rồi cùng Lập Ngôn đem người nhà đi vào phương Nam.

Không ngờ lòng giới khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nối nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái Châu, chôn cất cúng tế xong rồi, đến cùng ở chung với bà cô Lưu thị.

Bấy giờ có quan tướng quân họ Bạch là cháu họ ngoại của bà Lưu thị muốn lấy Nhị Khanh làm vợ, đem tiền bạc đến khẩn cầu. Lưu thị bằng lòng, rồi nhân lúc vắng vẻ, bảo Nhị Khanh rằng:

- Nhà nước từ ngày họ Nhuận Hồ tiếm vị, ngày tháng hoang chơi, triều chính đổ nát, họa loạn sẽ xảy ra chỉ trong sớm tối; mà Phùng lang từ ngày ra đi, thấm thoát đã 6 năm, tin tức không thông, mất còn chẳng rõ. Chi bằng bạn lành kén lựa, duyên mới vương xe, lấp những lời giăng gió cột trêu, nương dưới bóng tùng quân cao cả. Tội gì mà bơ vơ trợ trợ, sống cái đời sương phụ buồn tênh.

Nhị Khanh nghe nói sợ hãi, mất ngủ quên ăn đến hàng tháng. Lưu thị tuy biết chí nàng không chuyển động, nhưng cố định lấy lễ nghi để cưỡng ép, hôn kỳ đã sắp sẵn sàng.

Nhị Khanh một hôm bảo người bố già rằng:

- Chú là người đầy tớ cũ của nhà ta, há không nghĩ đến sự đền đáp ơn đức của người xưa ư?

Bố già nói:

- Tùy ý mợ muốn sai bảo gì tôi xin hết lòng.

Nhị Khanh nói:

- Ta sở dĩ nhịn nhục mà sống là vì nghĩ Phùng lang hãy còn, nếu chàng không còn thì ta đã liệu mình chứ quyết không mặc áo xiêm của chồng để đi làm đẹp với người khác. Chứ có thể vì ta chịu khó lặn lội vào xứ Nghệ hỏi thăm tin tức cho ta không?

Người bố già vâng lời ra đi. Bấy giờ binh lửa rối ren, đường sá hiểm trở, hấn phải lặn lội đến hàng tuần mới vào được đến Nghệ An. Hấn đi hỏi thăm, biết tin Phùng Lập Ngôn đã mất được mấy năm rồi, vì con giai hư, nên gia tư đã sạch sành sanh, đáng phàn nàn quá.

Người bố già ghé thuyền lên bờ, vừa vào trong chợ liền gặp ngay Phùng Sinh. Sinh đưa về chỗ ở thì một chiếc giường xiêu, bốn bề vách trống, trừ có mấy thứ như bàn cờ, hũ rượu, chim mồi, chó săn, không còn có cái gì đáng giá. Sinh bảo người bố già rằng:

- Quan nhà không may thất lạc đã bốn năm nay rồi. Ta vì binh qua nghẽn trở, muốn về không được. Tuy ở chốn quê người đất khách, nhưng hồn mộng không đêm nào không ở bên mình Nhị Khanh.

Bèn chọn ngày lên đường về quê. Đến nhà vợ chồng cùng trông nhau mà khóc.

Sinh vì quen thân phóng lãng, chơi bời, về nhà ít lâu rồi nét cũ lại đâu đó, hăng



ngày cùng người lái buôn là Đỗ Tam bê tha lêu lổng. Sinh thích Đỗ có nhiều tiền, Đỗ ham Sinh có vợ đẹp. Những khi uống rượu với nhau rồi đánh bạc, Đỗ thường lấy lợi dụ Sinh. Sinh đánh lần nào cũng được, thấy kiếm tiền dễ dàng như thò tay vào túi mình lấy đồ vật vậy. Nhị Khanh vẫn răn bảo rằng:

- Những người lái buôn phần nhiều là giả dối, đừng nên chơi thân với họ: ban đầu tuy họ thả cho mình được, nhưng rồi họ sẽ vét hết của mình cho mà xem.

Sinh không nghe. Một hôm Sinh cùng các bè bạn họp nhau đánh tứ sắc, Đỗ bỏ ra trăm vạn đồng tiền để đánh và đòi Sinh đánh bằng Nhị Khanh. Trọng Quỳnh quen mui vẫn được luôn, chẳng suy nghĩ gì, liền bằng lòng cách ấy. Giấy giao kèo viết xong rồi vừa uống rượu vừa gieo quân. Trọng Quỳnh gieo ba lần đều thua cả ba, sắc mặt tái mét; cử tọa cũng đều ngơ ngác buồn rầu hộ.

Trọng Quỳnh phải cho gọi Nhị Khanh đến; bảo rõ thực tình, đưa tờ giao kèo cho xem và yên ủi rằng:

- Tôi vì nổi nghèo nó bó buộc, để lụy đến nàng. Việc đã đến thế này, hối lại cũng không kịp nữa. Thôi thì bi hoan tán tុ cũng là việc thường của người ta. Nàng nên tạm về với người mới, khéo chiêu chuộng hần, rồi bất nhật tôi sẽ đem tiền đến chuộc.

Nguyễn Dữ

Nàng liệu cơ không thể thoát khỏi, giả vờ nói tử tế rằng:

- Bỏ nghèo theo giàu, thiếp lẽ đâu từ chối. Số giờ xếp đặt, há chẳng là tiền định hay sao! Nếu chàng mới không nỡ rẻ bỏ, còn đoái thu đến cái dong nhan tàn tạ này, thiếp xin sửa túi nâng khăn, hết lòng hầu hạ như đã đổi với chàng xưa vậy. Nhưng xin cho uống một chén rượu, mượn làm một chén tiên biệt và cho về từ già các con một chút.

Đỗ cả mừng, rót đầy một chén xà cừ rượu đưa mời nàng uống. Uống xong, nàng về nhà ôm lấy hai con, vỗ vào lưng mà bảo rằng:

- Cha con bạc tình, mẹ đau buồn lắm. Biệt ly là việc thương thiên hạ, một cái chết với mẹ có khó khăn gì. Nhưng mẹ chỉ nghĩ thương các con mà thôi.

Nói xong, lấy đoạn dây tơ thắt cổ mà chết.

Đỗ thấy mãi nàng không đến, lấy làm lạ, sai người đến giục, té ra nàng đã chết rồi. Trọng Quỳnh hối hận vô cùng, sắm đồ liệm táng tử tế.

Trọng Quỳnh đã rất ăn năn tội lỗi của mình, sinh kế ngày một cùng quẩn, ăn bữa sớm lo bữa tối, phải đi vay quanh của mọi người làng xóm. Nhân nghĩ có một người bạn cũ, hiện làm quan ở Quy Hóa (thuộc xứ Hưng Hóa), bèn tìm đến để mong nhờ vả. Dọc đường buồn ngủ, chàng nằm ghé xuống ngủ ở gốc cây bàng, bỗng nghe trên không có tiếng gọi rằng:



“Có phải Phùng lang đấy không? Nếu còn nghĩ đến tình xưa thì xin đến chờ em ở cửa đền Trưng Vương (ở xã Hát Môn, Sơn Tây). Ân tình thiết tha, đừng coi là âm dương cách trở”.

Sinh lấy làm lạ là tiếng giống như tiếng Nhị Khanh, mở mắt ra nhìn thì chỉ thấy trên trời một đám mây đen bay về tây bắc. Sinh tuy rất lấy làm ngờ nhưng cũng muốn thử xem ra sao, bèn đứng hện đến trước đền ấy. Song đến nơi chỉ thấy bóng tà giọi cửa, rêu biếc đầy sân, năm ba tiếng quạ kêu ở trên cành cây xao xác. Sinh buồn rầu toan về thì mặt trời đã lặn, bèn ngả mình nằm ở một tấm ván nát trên một cái cầu. Khoảng cuối canh ba, bỗng nghe có tiếng khóc nức nở từ xa rồi gần, khi tiếng khóc chỉ còn cách mình độ nửa trượng, nhìn kỹ thì người khóc chính là Nhị Khanh. Nàng bảo với Sinh rằng:

- Đa tạ ơn chàng, từ xa lặn lội tới đây, biết lấy gì để tặng chàng được!

Trọng Quỳnh chỉ tự nhận tội lỗi của mình; nhân hỏi đầu đuôi thì Nhị Khanh nói:

- Thiếp sau khi mất đi, Thượng đế thương là oan uổng bèn ra ân chỉ, hiện thiếp được lệ thuộc vào tòa đền này, coi giữ về những sổ văn tấu đối, không lúc nào nhàn rỗi để thăm nhau được. Bữa nọ nhân đi làm mưa, chợt trông thấy chàng nên mới gọi; nếu không thì nghìn thu dằng dặc, chẳng biết đến bao giờ được gặp gỡ nhau.

Trọng Quý nói:

- Sao em đến chậm thế?

Nhị Khanh nói:

- Vừa rồi thiếp nhân theo xe mây, lên có việc ở nơi Đế sở. Vì có chàng, nên thiếp đã phải bầm xin về trước đấy; thành ra cũng sai hẹn với chàng một chút.

Bèn dắt tay nhau đi nằm, cùng nhau chuyện trò thủ thi. Khi nói đến việc hiện thời, Nhị Khanh chau mày:

- Thiếp thường theo châu tả hữu Đức Bà ở đây, được trộm nghe chư tiên nói chuyện với nhau, bảo Hồ Triều sẽ hết vào năm Bính Tuất, binh cách nổi lớn, số người bị giết tróc đến chừng hơn 20 vạn, ấy là chưa kể số bị bắt cướp đi. Nếu không phải người giống cây đức đã sâu thì chỉ e ngọc đá đều bị cháy cả. Bấy giờ có một vị chân nhân họ Lê, từ miền tây nam xuất hiện; chàng nên khuyên hai con bên chí đi theo vị ấy, thiếp dù chết cũng không nát.

Trời gần sáng, Nhị Khanh vội dậy để cáo biệt, vừa đi vừa ngoảnh đầu nhìn lại, rồi thoát biến đi mất.

Trọng Quý bèn không lấy ai nữa, chăm chỉ chăm nuôi hai con cho đến nên người. Đến khi vua Lê Thái Tổ tuốt gươm đứng dậy ở Lam Sơn, hai người con trai đều đi theo, trải làm đến chức Nhập thị nội. Đến nay ở Khoái Châu hiện còn con cháu.



CHUYỆN CÂY GẠO

Trình Trung Ngộ là một chàng đẹp trai ở đất Bắc Hà. Nhà rất giàu, thuê thuyền xuống vùng Nam buôn bán. Chàng thường đỗ thuyền ở dưới cầu Liễu Khê rồi đi lại vào chợ Nam Xang. Dọc đường, hay gặp một người con gái xinh đẹp, từ Đông thôn đi ra, đằng sau có một ả thị nữ theo hầu. Chàng liếc mắt trông, thấy là một giai nhân tuyệt sắc. Song đất lạ quê người, biết đâu dò hỏi, chỉ mang một mối tình u uất trong lòng. Một hôm khác, chàng cũng lại gặp, muốn kiếm một lời nói kín đáo để thử khêu gợi, nhưng người con gái đã xốc xiêm rào bước, và bảo với con hầu gái rằng:

- Ta lâu nay rượu xuân quá chén, mê mết nằm dài, hầu nửa năm giờ, không lên chơi cầu Liễu Khê lần nào cả, chẳng biết giờ phong cảnh ra sao. Đêm nay nên qua thăm cảnh cũ, để được khuây giải chút tình u uất ở trong lòng, vậy em có đi theo ta không?

Con hầu vâng lời.

Trung Ngộ nghe lỏm được lấy làm mừng lắm. Tối hôm ấy, chàng đến bên cầu chờ sẵn.

Nguyễn Dữ

Đêm khuya người vắng, quả thấy người con gái cùng ả thị nữ mang theo đến một cây hồ cầm, đi tới đầu cầu, thở dài mà nói rằng:

- Nước non vẫn nước non nhà, cảnh còn như cũ người đã khác xưa, làm sao khỏi cảm động buồn ngủi cho được!

Bèn ngồi tựa vào bức lan can trên cầu, ôm đàn gảy mấy bài Nam Cung, mấy điệu Thu Tứ. Một lúc nàng bỏ đàn đứng dậy nói rằng:

- Giải niệm u uất, muốn mượn tiếng đàn; song điệu cao ý xa, đòi làm gì có kẻ tri âm hiểu cho mình được, chẳng bằng về cho sớm là hơn.

Trung Ngộ liền bước rảo tới trước mặt nàng, vái chào mà rằng:

- Chính tôi là người tri âm mà nương tử đã không biết đấy.

Người con gái giật mình nói:

- Vậy ra chàng cũng ở đây ư? Thiếp đã từng nhiều lần được chàng đoái tới, ơn ấy thật vẫn ghi lòng. Chỉ vì ở đường sá vội vàng, không tiện tỏ bày chung khúc. Giờ nhân đêm vắng, dạo bước nhàn du, không ngờ chàng lại đã đến trước ở đây. Nếu không phải duyên trời, sao lại có sự gặp gỡ may mắn như vậy. Song hạt châu hạt ngọc ở bên, thiếp chẳng khỏi tự xét thấy mình nhờ bản, thực lấy làm e thẹn vô cùng.

Chàng hỏi họ tên và nhà cửa. Nàng chau mày nói:

- Thiếp họ Nhị tên Khanh, là cháu gái của ông cụ Hối, một nhà danh giá trong làng. Hai



thân mất sớm, cảnh nhà đơn hàn. Mới đây bị người chồng ruồng bỏ, thiếp phải dời ra ở bên ngoài lũy làng. Nghĩ đời người ta, thật chẳng khác gì giấc chiêm bao. Chi bằng trời để sống ngày nào, nên tìm lấy những thú vui, kéo một sớm chết đi, sẽ thành người của tuổi vàng, dù có muốn tìm cuộc hoan lạc cũng không thể được nữa.

Hai người bèn đưa nhau xuống thuyền.

Trời gần sáng, nàng từ biệt ra về, từ đây đêm nào cũng lại.

Trải hơn một tháng, bọn bạn buôn có người biết chuyện, bảo với Trung Ngộ rằng:

- Bác ở chỗ quê người đất khách, nên biết giữ mình thận trọng, xa lánh những sự hiểm nghi. Chứ sao nên giở nét gió giảng, quyến phường hoa liễu. Nay bác cứ như vậy, lỡ một sớm sự cơ khó giấu, thanh tích lộ ra, trên thì bị hình pháp lôi thôi, dưới không có họ hàng cứu giúp, bấy giờ thì bác tính thế nào? Chi bằng đã chót dan díu thì nên tìm đến gốc tích của nhà, rồi hoặc ruồng bỏ, dè bòng thế mới là kế vạn toàn được.

Trung Ngộ khen phải, rồi một hôm chàng bảo với nàng:

- Tôi vốn là một người viễn khách, tình cờ kết mối lương duyên; nhưng đối với giai nhân, cửa nhà chưa rõ, tung tích không tường, trong bụng rất lấy làm áy náy.

Nàng nói:

- Nhà thiếp vốn không phải xa xôi là mấy. Nhưng nghĩ chúng mình gặp gỡ, chẳng qua là một cuộc riêng tây. Chín e thuyên duyên ghen ghét, tai mắt nghi ngờ, đánh vệt mà kinh uyên, đốt lan mà héo huệ. Cho nên thà mang sao mà đến, đôi nguyệt mà về, khỏi để mối lo cho lang quân đó thôi.

Song Trung Ngộ cố nài; nàng cười mà rằng:

- Chỉ vì nhà thiếp xấu xa, nên hổ thẹn mà muốn giấu giếm. Nhưng nay chàng đã cố muốn biết, vâng thì thiếp xin đưa về.

Rồi canh ba đêm hôm ấy, nhân lúc đêm đen giời tối, hai người cùng đi đến Đông thôn. Khi đến một chỗ, chung quanh có bức hàng rào bằng giống tre, thỉnh thoảng chen lẫn vào vài khóm lau khô, trong có túp nhà gianh thấp nhỏ lụp sụp, dây với dây bìm leo đầy lên vách và lên mái, nàng trở bảo chàng rằng:

- Đây, nhà của thiếp đây, xin cứ đẩy cửa vào ngồi chơi để thiếp đi kiếm cái lửa.

Trình cúi đầu qua dưới mái gianh, vào tạm ngồi ở chỗ bờ cửa. Thỉnh thoảng có cơn gió thổi, chàng thoáng thấy một mùi tanh thối khó chịu. Dương kinh ngạc không biết mùi gì, bỗng trong nhà đã có bóng đèn sáng. Chàng trông vào, thấy ở gian bên phía tả kê một chiếc giường mây nhỏ, trên giường để một cỗ áo quan sơn son, trên quan phủ một tấm the hồng, dùng ngân sa đề vào mấy chữ: "Linh cữu của Nhị Khanh". Chàng cúi có người con gái nặn bằng đất tay ôm cây hồ cầm đứng hầu.



Trung Ngộ thấy vậy, sồn gai dựng tóc, tất tả nhảy choàng ra khỏi cái nhà ấy. Song chàng vừa chạy thì người con gái đã cản đường mà bảo:

- Chàng đã từ xa lại đây, quyết không có lý nào còn trở về nữa. Phương chi trong bài thơ bữa nọ, thiếp chả đã từng lấy cái chết mà hẹn hò nhau! Xin sớm theo nhau đi, cho được thỏa nguyện đồng huyết. Nằm vò võ một mình như vậy, lẽ đâu nay thiếp lại để cho chàng về.

Nói rồi nàng sấn lại nắm vạt áo chàng. Nhưng may vạt áo cũ bỏ, chàng giật rách mà chạy được thoát. Về đến cầu Liễu Khê, hầu như kẻ mất hồn không nói được nữa.

Sáng hôm sau nhân đến Đông thôn hỏi thăm, quả có người cháu gái của ông cụ Hối, lên 20 tuổi, chết đã nửa năm, hiện quan ở ngoài đồng ngay bên cạnh làng. Từ đấy Trung Ngộ sinh ra ốm nặng. Mà Nhị Khanh cũng thường qua lại, có lúc đứng trên bãi sông gọi eo eo, có lúc đến bên cửa sổ nói thì thảo. Trung Ngộ cũng vẫn thường ứng đáp với nàng và muốn vùng dậy để đi theo. Người trong thuyền phải lấy dây thừng trói lại thì chàng mắng:

- Chỗ vợ ta có lâu đài lộng lẫy, có hương hoa ngạt ngào, ta phải đi theo chứ không thể lẫn quẩn trong chốn bụi hồng này được; dự gì đến các người mà dám đem dây trói buộc ta thế này.

Một đêm người trong thuyền ngủ say, đến sáng thức dậy thì thấy mất Trung Ngộ. Họ vội

đến Đông thôn tìm thấy chàng đã nằm ôm quan tài mà chết, bèn phải thu liệm chôn ngay ở đây. Từ đó về sau, phàm những đêm tối giờ, người ta thường thấy hai người dắt tay nhau đi đôi, khi thì hát, khi thì khóc; thường bắt người ta phải khấn cầu lễ bái, hễ hơi không được như ý thì làm tai làm vạ. Người làng đấy không thể chịu được mọi nỗi khổ hại, họ bèn đào mả phá quan tài của chàng, rồi cùng cả hài cốt của nàng, vớt bỏ xuống sông cho trôi theo dòng nước.

Trên bờ sông ấy có một cái chùa, chùa có cây gạo rất cổ, tương truyền là đã sống được hơn trăm năm. Linh hồn của hai người bèn nương tựa vào cây gạo ấy làm yêu làm quái, hễ ai động đến cành lá cây gạo thì dao gậy rìu mễ, không thể nào dẫn phạt được.

Trong năm Canh Ngọ (1330) niên hiệu Khai Hựu nhà Trần, có vị đạo nhân một đêm vào nằm ngủ trong cái chùa ấy. Giữa lúc sông quanh trăng mờ, bốn bề im lặng, đạo nhân thấy một đôi trai gái thân thể lỏa lồ mà cùng nhau cười đùa nô giỡn, một lát, đến gõ thành thành mà gọi hỏi trong chùa. Đạo nhân cho là đôi trai gái lẳng lơ đêm giăng dắt nhau đi chơi, khinh bỉ cái phẩm cách của họ, nên cứ đóng cửa nằm im, không thêm đánh tiếng. Sáng hôm sau, đạo nhân đem sự trông thấy thuật chuyện với một ông già ở trong thôn và phàn nàn là sao dân phong tối tệ như vậy. Ông già nói:



- Ngài không biết, đó là giống yêu quý, chúng đến ở trên cây gạo đã mấy năm nay; ước sao có thanh kiếm trừ tà, để trừ cho dân chúng tôi đây giống yêu quý ấy.

Đạo nhân trầm ngâm một lúc lâu rồi nói:

- Ta vốn lấy việc cứu giúp mọi người làm nhiệm vụ; nay cái việc mắt ta trông thấy, nếu chẳng đem pháp thủ ra tức là thấy người chết đuối mà không cứu vớt.

Rồi đạo nhân vời hợp người làng, lập một đàn tràng cúng tế, viết ba đạo bùa, một đạo đóng vào cây gạo, một đạo thả chìm xuống sông, còn một đạo đốt ở giữa giới; đoạn, quát to lên rằng:

“Những tên âm quỷ, càn rỡ đã lâu, nhờ các thần linh, trừ loài nhơ bẩn, phép không chậm trễ, hỏa tốc phụng hành”.

Một lúc, mây gió nổi lên ùng ùng, người đứng cách mấy thước không trông thấy nhau, dưới sông thì sóng tung cuộn cuộn vang trời động đất. Sau một hồi, gió lặng mây quang, thấy cây gạo đã bị nhổ bật, cành cây gãy nát và bị tước như tước đay vậy. Kế nghe thấy trong không có tiếng roi vọt và tiếng kêu khóc. Mọi người ngẩng lên trông, có sáu, bảy trăm lính đầu trâu gông trói hai người mà dẫn đi.

Người làng đem rất nhiều tiền của để tạ ơn vị đạo nhân, nhưng đạo nhân phát áo đi vào non sâu, không lấy một tí gì cả.

CHUYỆN GÃ TRÀ ĐỒNG GIÁNG SINH

Dương Đức Công tên là Tạc, người phủ Thường Tín xứ Sơn Nam. Về triều vua Huệ Tôn nhà Lý, ông làm quan coi việc hình án Tuyên Quang, xét rõ mọi điều oan khuất, khiến các án vụ đều được rất công bằng. Vì sự nhân từ phúc hậu, người thời bấy giờ gọi là Đức Công. Năm 50 tuổi, Đức Công vẫn không có con trai, chợt bị ốm nặng rồi chết, hồi lâu lại tỉnh bảo với mọi người rằng:

- Ta vừa đến một chỗ thành đen vách sắt, toan bước chân vào thì có một viên chức ngăn lại. Viên ấy dẫn ta đi sang phía hữu, thấy có những cửa đồ biển son. Vén áo đi vào cửa này thì thấy san sát những tòa rộng dầy dài, có đến hơn trăm người thất đại đứng hầu sau trước. Giữa có hai vị mặc áo bào tía ngồi đối diện nhau ở bên một cái án, đưa mắt cho viên chức kia bảo lấy sổ son của họ Dương ra xem, một lát hai vị cùng nhìn nhau bảo rằng:



- Dương gian thật không có người nào được thế, cứu sống cho mọi người nhiều lắm. Chỉ tiếc hưởng tuổi không dài và dòng sau không người nối dõi. Người như thế mà không biểu dương thì làm sao khuyến khích cho kẻ khác được, ta sẽ phải tâu lên Thượng đế.

Bèn truyền cho Đức Công hăng xuống tạm nghỉ ở cái hành lang phía đông. Chừng độ nửa ngày, hai vị ấy lại sai dẫn Đức Công vào, bảo rằng:

- Nhà ngươi ngày thường vốn có tiếng là người lương thiện. Thượng đế khen ngợi, ban cho một người con trai tốt và cho sống lâu thêm hai kỷ nữa. Nên mau về đi mà cố gắng làm điều ân đức, đừng bảo là trên cõi mình mình không biết gì đến.

Đoạn sai viên chức kia dẫn về. Khi ra khỏi cửa, Dương hỏi rằng:

- Chẳng hay đây là dinh tòa nào? Ai là chủ và coi giữ công việc gì?

Viên chức ấy nói:

- Đây là một tòa trong 24 tòa ở Phong Đô; phạm người mới chết đều phải qua cả. Người nào tên ghi ở sổ son, may ra còn có khi sống mà về được, chứ đã tên ghi sổ mực thì chẳng còn có mong gì. Nếu ông không phải người xưa nay hết lòng làm thiện thì cũng khó bề thoát được.

Bèn cùng nhau chia tay từ biệt, rồi ông bưng tỉnh như một giấc chiêm bao. Bà vợ cũng nói là đêm qua lúc cuối canh một, có ngôi sao nhỏ rơi

vào lòng, lòng bỗng thấy rung động. Rồi bà có mang, đầy năm sinh ra được một cậu con trai, đặt tên cho là Thiên Tích. Tính Thiên Tích thích uống trà lăm, thường tự ví mình như Lư Đồng, Lục Vũ đời xưa. Song thiên tri cao mai, học vấn rộng rãi, phàm sách vở văn chương cổ kim, không cái gì là không thiệp liệp. Đức Công mừng mà rằng:

- Thế là ta có dòng giống rồi!

Bèn chuyên đem những nghĩa lý chân chính dạy con. Sau đó 24 năm ông vô bệnh mà mất; Thiên Tích thương xót rất mực, xa gần ai nấy đều cảm động.

Khi đã hết tang, Thiên Tích sớm hôm học hành, không hề trễ biếng. Nhưng gia cảnh nghèo nàn, ăn tiêu không đủ. Thường tìm những nhà có con gái xin vào gửi rể, nhưng chẳng ai nhận cả. Láng giềng hàng xóm, họ thấy nghèo thường đem lòng khinh. Chàng than rằng:

- Cha ta thuở trước cứu sống được cho hàng nghìn người, mà rút lại không cứu sống được một đứa con. Làm thiện như thế phỏng có ích gì!

Nói chưa dứt lời, bỗng thấy một người áo mũ chững chạc, tự xưng là quan đại phu họ Thạch, đến vái chào mà rằng:

- Ngày xưa tôi từng được chịu ơn dày của Dương Công, không biết lấy gì đền báo. Có đứa con gái là Hán Anh, vậy xin hiến cậu để hầu hạ



chăn gối. Cậu nên tự bảo trọng lấy mình, đừng vì cố nghèo mà để tiêu mòn mất chí khí.

Nói xong chợt biến đi đằng nào mất. Thiên Tích rất lấy làm quái lạ, bèn ghi nhớ lấy những lời nói ấy. Nhân nghe ở huyện Tiên Du có Trần tiên sinh dạy học trò đến mấy trăm người, bèn cấp sách đến theo học, ở ngụ tại một nhà trong xóm Thanh Lân. Xóm ấy có một nhà giàu có họ Hoàng, thấy Sinh mặt mũi khôi ngô, văn chương thông thái, có cái ý muốn kén vào ngôi đông sàng. Người chồng bảo vợ rằng:

- Nhà ta mấy đời làm nghề buôn bán mà khởi gia, hiện tiền của chẳng thiếu gì, chỉ thiếu có người rể tốt. Nay có Dương sinh ở trọ bên láng giềng, thật là một tay hào kiệt ở Nam Châu; và xem tướng mạo, sau này chắc có thể làm nên. Con bé nhà ta tuổi cũng lớn lao rồi; mối duyên trao tơ, ngoài đám ấy thì còn đám nào hơn nữa!

Vợ cũng bằng lòng. Họ Hoàng bèn đón Dương sinh đến làm rể, phàm những phí tổn và lễ lan khách khứa, hết thầy đều tự bỏ ra cả. Sinh rất mừng rỡ và sung sướng. Nhưng thường trong những lúc vắng vẻ, Sinh hay ngồi ngẩn ra nghĩ ngẫm, gập sách lại thở dài. Vợ sinh một khi bắt gặp nhân hỏi han duyên cớ.

Sinh nói:

- Ngày xưa tôi thấy có vị thần hiện lên, bảo tôi sẽ lấy người vợ họ Thạch tên là Hán Anh. Nay tôi may mắn được vào làm rể chốn cao

môn. Như thế là lời thần bảo về việc ấy không đúng, vậy chắc việc thành đạt sau này cũng không đúng nốt, vì thế cho nên tôi không khỏi bận lòng.

Vợ sinh nghe nói giàn giụa nước mắt mà rằng

- Đó tất là cha thiếp đấy. Thiếp thuở nhỏ tên là Hán Anh, cha thiếp họ Thạch tên là Mang, làm quan Thú ở Tuyên Quang, bị quan trên vu hãm, cả nhà phải bắt rồi chết ở trong ngục. Bấy giờ thiếp đương còn trẻ dại, nghe nói có ông Dương Đức Công thương là vô tội, hết sức chống cự với những viên quan khác, rồi tha cho thiếp được ra khỏi ngục tù. Tấm thân hèn yếu, may được sống còn, nghiêm đường ở đây thương hại, mới nuôi làm con nuôi. Thiếp nương tổ tò vò đã mười năm nay, thực thì vốn là con của quan đại phu họ Trạch.

Sinh kinh ngạc nói:

- Thế thì tôi chính là con của Đức Công. Mới biết xưa nay vợ chồng, chẳng ai là không bởi túc duyên; ai dám bảo lá thắm chỉ hồng là những câu chuyện hão!

Sinh thấy mối nhân duyên lạ lùng, tình ái vợ chồng càng thêm thắm thiết. Vì trong có chỗ nương thân, ngoài không phải lo hồ khẩu, nên sinh được thanh thoi để chí về đường văn học, rồi đi thi hai khoa đều đỗ. Ban đầu sinh lĩnh một giáo chức ở kinh, sau thăng lên đề hình, trải hai mươi năm, làm lên đến một vị quan



lớn. Ông là người thờ vua thì trung, giữ mình thì liêm, trải thờ hai triều, chốn miếu đường lấy làm ỷ trọng. Song vì lúc bé nghèo nàn, lắm người khinh mạn, rồi ân bằng cái tơ, oán bằng cái tóc, ông đều nhất nhất báo phục cả, đó là chỗ kém mà thôi. Một lần ông lập một đàn tràng làm lễ kỳ yên, đón đến hàng trăm vị đạo sĩ mũ cao áo rộng cúng vái linh đình. Kế rồi có một vị đạo sĩ áo rách giầy nát thất thủ đi đến. Người coi cổng không cho vào, nhưng đạo sĩ cứ cố nài mãi. Người coi cổng vào bắm thì ông quát mắng sai đuổi ra. Đạo sĩ vừa đi vừa phàn nàn:

- Cố nhân tìm cố nhân, không ngờ cố nhân lại bạc tình như vậy. Cái nạn Ô Tôn sau này, xin đừng phiền hận đến nhau thôi, và đừng trách cố nhân là phụ cố nhân.

Ông nghe nói, sai người đuổi theo mời lại, xuống thêm đón tiếp. Ngồi chơi xong, đạo nhân nói:

- Tướng công ngày nay quan ngôi miếu điện, đất dựng lâu đài, đi có lính dẹp đường, ở có chuông giữ gác, phú quý ở nhân gian đã đến cùng cực, không còn nhớ gì đến thú vui ở chốn Tử Vi xưa ư?

Ông nói:

- Thú vui ở Tử Vi thế nào tôi chưa được rõ?

Đạo nhân nói:

- Ông bị sông đục, vùi lấp đến nỗi mê man thế, vậy tôi xin kể ông nghe. Khi xưa ông vốn

là một gã trà đồng của đức Thượng Đế mà tôi thì là kẻ tửu lại ở chốn tinh tào hàng ngày châu chực ở cung Tử Vi, vẫn cùng nhau thân cận. Một hôm Thượng Đế bãi triều, bảo với quần tiên rằng: “Các người ai bằng lòng xuống chơi xem hạ giới, lĩnh chúc tể tướng hơn mười năm?”. Quần tiên đều trông nhau chưa ai nói gì thì ông vui vẻ vâng lời. Thượng Đế phán: “Ừ đi đi. Thú vui ở nhân gian chẳng kém gì ở Thiên Tào, đừng nên cho chốn trần hoàn là chật hẹp”. Bấy giờ tôi đứng châu một bên, cho nên được biết rõ lắm.

Nói rồi đạo nhân đưa cho Dương Thiên Tích một hạt linh đan. Dương uống xong thì thấy tâm hồn tỉnh sáng, dần dần nhớ ra hết những việc kiếp trước. Rồi ông nói:

- Lai lịch của tôi, tôi đã được nghe qua. Còn ông, sao ông lại ở dưới đời này?

Đạo nhân nói:

- Tính tôi tênh toàng, lại hay uống rượu, nên Thượng Đế ngài quở phạt và đày xuống trần đã gần được ba kỷ nay rồi. Nay kỳ đày đã mãn, lại bỏ vào chúc cũ ở chốn tinh tào; vì cùng ông có tình cố cựu, nên đến qua thăm một chút.

Ông Dương lại hỏi về câu chuyện Ô Tôn. Đạo nhân buồn rầu không vui, bảo đuổi tất cả mọi người ra rồi nói:

- Sau năm năm nữa, ông có việc đi bề, tôi e bấy giờ sẽ gặp một tai nạn rất lớn.



Ông Dương hỏi vì tội lỗi gì mà phải gặp nạn.
Đạo nhân nói:

- Ông làm tể tướng, kẻ thì không có lầm lỗi gì. Chỉ có rằng tại chức lâu ngày, hay yêu người này ghét kẻ khác. Nay thì sự thù oán đã sâu cay lắm, hồn oan đã đầy rẫy ở ngoài đường rồi.

Ông nói:

- Vậy thì muốn tránh vạ nên như thế nào?

Đạo nhân nói:

- Không ngại. Tôi vốn tên là Quảng Phòng. Nếu khi cần kíp, ông cứ đốt một nén hương rồi gọi tên tôi, tôi sẽ đến cứu giúp.

Đêm hôm ấy hai người cùng ngủ. Ông Dương nói:

- Ông đã là chỗ tương tri, có điều gì hay để dạy bảo tôi chăng?

Đạo nhân nói:

- Nay đức là nền từ thiện, của là kho tranh giành. Tích đức như mầm non rỏ một giọt nước, sẽ nảy nở lên, tích của như lửa đỏ gieo một khối băng, sẽ tàn lụi xuống. Huống chi không vun mà lớn là mầm thiện ác, không giữ mà đầy là cơ phúc họa, cái tình hình ỷ phục trong đó thật là đáng sợ. Ông nên thận trọng, cố gắng mà làm những điều nhân.

Ông Dương nói:

- Tôi nghe đạo trời công minh như cái cân cái gương, có thần minh để gây dấu vết, có tạo

hóa để giữ công bằng; gương tất soi suốt mà không riêng, lưới tuy thưa thớt mà không lọt. Phép thuật chí nghiêm mà chí mật, người nên không oán cũng không hờn. Có sao những sự khuyên răn lại thấy lấm điều lộn xộn. Làm sự lợi vật, chưa nghe thấy được phúc; làm sự hại nhân, chưa nghe thấy mắc nạn. Kẻ nghèo có chí cũng thành không; người có muốn gì cũng được nấy. Có người chăm học mà suốt đời không đỗ; có nhà xa hoa mà lũy thế vẫn giàu. Ai bảo rằng trao mệnh giả quỳnh, thế mà vẫn trông đưa được đậu. Đó là những sự mà tôi rất nghi ngờ không hiểu.

Đạo nhân nói:

- Không phải như thế. Thiện ác tuy nhỏ cũng rõ rệt, báo ứng dù chậm nhưng lớn lao. Âm công khi rõ ràng ra, phải đợi quả thiện được tròn trặn, dương phúc khi tiêu tán mất, phải chờ mầm ác đã cao dài. Có khi sắp đuổi mà tạm co, có khi muốn đề mà thử nống, có hạnh mà nghèo, hoặc bởi tội khiên kiếp trước, bất nhân mà khá, hẳn là phúc thiện đời xưa. Tuy rằng khó biết sâu xa, nhưng thực không sai tơ tóc. Cho nên không nên lập luận một bề mà xem trời một mặt.

Đạo nhân nói như vậy đến mấy nghìn lời, đều ngụ cái ý khuyên răn cả. Ông Dương rất vui vẻ nghe theo.



Sáng hôm sau trong lúc lâm biệt, ông đem 10 đỉnh vàng tốt để tiễn chân. Đạo nhân cười mà rằng:

- Hà tất như thế để làm gì! Tôi chỉ khuyên ông cố làm điều lành, để tôi khỏi trở lại gặp ông lần nữa, đó tức là ông đã cho cố nhân nhiều lắm.

Sau ông Dương Thiên Tích quả vì tâu việc làm trái ý vua, bị vua đầy đuổi vào phương nam. Khi đi qua cửa Khẩu Hải (ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh), đương giữa ban ngày sáng sủa bỗng một đám mây đen kéo lên, gió nam nổi dậy âm âm, từng đợt sóng nổi lên như núi. Chợt có hàng trăm giống ma quái ở đâu kéo đến cùng hò reo lên rằng:

- Kẻ thù của chúng ta đã đến đây rồi! Hôm nay chúng ta được cam lòng với hắn.

Rồi kẻ vít cuối thuyền, kẻ leo đầu thuyền, thuyền tròn thành mấy lần suýt lật sập xuống. Ông Dương vội hỏi người lái thuyền đây là nơi nào thì y nói là Ô Tôn. Ông mới sực nhớ đến lời đạo nhân, bèn theo như cách đã dặn mà gọi tên ông ta. Thoắt chốc quả thấy một cỗ xe mây bay đến, đứng dừng lại ở trên không, hai bên có ngọc nữ tiên đồng châu hầu rất nghiêm túc. Đạo nhân gọi với chúng quý mà bảo rằng:

- Lũ mây đăm đuổi, nghiệp chướng nặng nề, thuở sống đã phạm vào điển chương, lúc chết còn gây thêm tội nghiệt, oan oan nối tiếp, biết thuở nào thôi! Sao không rửa ruột đổi lòng,

quay về đường chính. Ta sẽ tâu lên Thượng Đế, tẩy hết những oan hồn đi cho.

Chúng quý nghe nói đều sung sướng nhảy nhót rồi trong chốt lát tan giãn đi cả.

Ông Dương khẩn khoản khuyên mời xe tiên giáng xuống để được hỏi han mọi việc sau, nhưng trong thoắt chốc đã không thấy gì nữa.

Rồi đó gió êm sóng lặng, thuyền đi được trót lọt đến bờ. Dương bèn từ giã vợ con rồi không biết đi đường nào mất. Sau có người gặp Dương ở núi Đông Thành, người ta ngờ là đã đắc đạo thành tiên.



CHUYỆN ĐỐI TỤNG Ở LONG CUNG

Huyện Vĩnh Lại ở Hồng Châu (Hải Dương) khi xưa có nhiều giống thủy tộc. Men sông người ta lập đền thờ đến hơn mười chỗ. Năm tháng dần lâu, có chỗ linh thiêng thành yêu; song cầu tạnh đảo mưa đều rất linh ứng, nên hương lửa bất tuyệt mà người ta càng phải kính sợ.

Về đời vua Minh Tông nhà Trần, có quan thái thú họ Trịnh làm quan ở Hồng Châu, vợ là Dương thị nhân khi về thăm nhà, đỗ thuyền ở bên cạnh một ngôi đền thờ thủy tộc. Bỗng có hai người con gái, bung một cái hộp nhỏ thếp vàng, đến trước mặt Dương thị nói rằng:

- Đức ông sai tôi đem vật này kính biếu phu nhân gọi là để tỏ một chút tình; sớm muộn trong làng nước mây, duyên cớ rồi sẽ được thỏa nguyện.

Nói xong không thấy đâu nữa. Dương thị mở hộp ra xem thì trong đó có cái dải đồng tâm màu tía, trên dải đề một bài thơ tứ tuyệt rằng:

Người đẹp đầu cài trâm bích ngọc⁽¹⁾

Cho ta thương nhớ ngẩn ngơ lòng.

Vật này đành để đêm hoa chúc,

Trong thủy tinh cung kết dải đồng.

Dương thị cả sợ, cùng con hầu bỏ thuyền lên bộ, lại quay về nhiệm sở, kể chuyện với chồng. Trịnh cũng kinh sợ nói:

- Giống thủy quái ở đầm từ chục bắt mình đấy, phải nên tránh nó đi. Phàm những chỗ bờ sông bến nước đừng bước chân đến. Gặp những đêm mưa gió hay đêm tối trời, phải tắt đèn sáng và cắt người canh giữ.

Phòng ngừa như thế được chừng nửa năm vẫn thấy vô sự. Đến đêm trung thu kia, nhân thấy bầu trời quang mây, bốn bề trong vắt, sông Ngân vàng vạc, trăng sao sáng tỏ như ban ngày, Trịnh mừng mà rằng:

- Trăng thanh gió mát như đêm nay có thể không lo gì cả.

Vợ chồng bèn cùng nhau uống rượu, uống say rồi ngủ lị. Chả ngờ đâu sấm chớp bỗng chốc nổi lên, lúc Trịnh thức dậy thì cửa ngõ vẫn nguyên mà Dương thị không thấy đâu nữa. Đến xem chỗ cái đèn ngày trước thì mặt sông phẳng lặng, trăng chiếu lạnh lùng, thấy có áo xiêm của Dương thị ở đó. Trịnh thái thú tiếc ngọc thương hoa, nỗi buồn thật không sao kể xiết, chỉ đứng giữa trời mà ghen ngào than thở, không biết làm sao được.

(1) Nguyên văn bằng chữ Hán. Các bài thơ trong tập sách này chỉ dùng bản dịch tiếng Việt.



Rồi Trịnh buồn nản bỏ quan về, chôn một cái mả hồ dưới chân núi Đốn, hằng ngày ở một mình trong cái lều nhỏ. Cái lều trông xuống bến sông, mà chỗ bến ấy là một cái vực sâu thăm thẳm. Trịnh mỗi khi lên lều đứng trông, thường thấy có ông cụ già đeo một cái bao đỏ đựng tiền, sớm đi rồi tối về. Trịnh nghĩ thầm: Quái! Đây là một bến sông sâu thẳm, nào có thôn xóm gì đâu mà ông già kia lại đi lại như vậy. Bèn thử tìm đến chỗ ấy thì quả thấy chỉ có bãi cát phẳng lạng không có nhà cửa gì, duy lèo tèo mấy khóm lau sậy đứng rung mình ở trên mặt nước. Trịnh lấy làm lạ, đi rộng ra các ngả để tìm, thấy ông cụ già đã đương ngồi xem bói ở trong chợ Nam. Trịnh trông ông cụ mặt mũi gầy gù nhưng tinh thần trong sáng, đoán chắc là một kẻ ẩn sĩ lánh đời, nếu không thì một vị chân nhân đắc đạo, lại không nữa thì hẳn là một tiên khách trong áng yên hà, bên cùng ông cụ làm thân, hằng ngày bày tiệc rượu, cùng nhau chè chén rất vui vẻ. Ông cụ có vẻ cảm bụng tốt của Trịnh, nhưng hỏi họ tên thì chỉ cười mà không chịu nói, Trịnh lấy làm nghi hoặc lắm. Hôm khác Trịnh trở dậy rất sớm, nép mình ở bên khóm lau sậy để nhòm trộm xem ra thế nào. Bấy giờ sương mai ướt át, khói sớm mịt mù, Trịnh thấy ông già từ dưới nước thủng thỉnh đi lên, vội vàng chạy ra sụp lạy. Ông già cả cười nói:

- Thế ra ông định dò tìm tung tích của tôi ư? Thôi nay ông đã biết rồi, để tôi kể cho mà biết rõ. Tôi là Bạch Long hầu, may bây giờ hãy còn năm đại hạn, mới có thì giờ rồi đi chơi lăng hăng, chứ nếu Ngọc Hoàng có sắc chỉ truyền đi làm mưa thì chẳng còn đâu thì giờ nhàn để đi làm nghề bói ở nhân gian nữa.

Trịnh nói:

- Ngày xưa Liễu Nghị có cuộc xuống chơi dưới hồ Đồng Đình, Thiện Văn có cuộc ăn yến ở Long cung, chẳng hay kẻ phạm tục này có thể được theo dấu của người xưa không?

Hầu nói:

- Khó gì sự đó.

Liên lấy đầu gậy vạch xuống nước, nước rẽ đôi ra, Trịnh theo Long hầu xuống. Đi được chừng nửa dặm thì thấy trời đất trong sáng, lâu đài chót vót, từ nhà ở đến thức ăn, đều là những vật ở nhân gian không có. Hầu tiếp đãi rất sẵn sàng. Trịnh nói:

- Không ngờ một kẻ nghèo khó lại được lạc bước đến chỗ tôn nghiêm này. Ngày xưa có cái tai biến phi thường, ngày nay có sự gặp gỡ phi thường, công việc báo phục, có lẽ chính ở dịp này chăng?

Long hầu hỏi có. Trịnh đem việc Dương thị ra kể, và nói mong nhờ cậy uy linh, trừ loài hung xú, khiến buồm nhân gió mà được thuận, cáo nhờ hổ để giương oai, thì thật là cũng bỏ một phen gặp gỡ.



Long hầu nói:

- Họ dù càn rỡ, đã có sắc mệnh của triều đình Long vương. Huống chi mỗi người riêng ở một nơi, không thống thuộc gì với nhau, ai dám vượt qua sông nước, dấy động giáp binh, để phạm vào một cái tội lỗi không thể tha thứ.

- Vậy thì bây giờ tôi phát đơn kiện ở triều đình Long vương được không?

- Việc còn mờ tối, chuyện chưa rõ ràng, ông muốn đem cái việc vô bằng, bất kể địch rất mạnh, sợ rằng mối thù ấy chưa thể trả được. Chi bằng trước hẵng cậy người dò xét, lấy được chứng cứ thì trừ kẻ gian kia chẳng khó khăn gì. Song tả hữu của tôi, không có người nào đủ chắc cậy để sai đi được, vậy để ta hãy liệu xem đã.

Cạnh đấy có một người con gái áo xanh bước ra nói rằng:

- Thiếp xin nhận công việc ấy.

Trịnh bèn cung kính mà nói lời ủy cậy và trao cho một cành hoa bằng ngọc màu biếc để cầm đi làm tin.

Nàng áo xanh đến miếu thờ Thần Thuồng Luồng ở Hồng Châu, hỏi thăm quả có người đàn bà họ Dương, hiện được phong là Xương áp phu nhân, ở trong một cái điện bằng ngọc lưu ly, chung quanh có ao sen bao bọc, gối chần yêu dấu, hơn hết các phòng, và năm ngoái đã sinh ra được một con trai.

Nàng mừng lắm, song lâu đài chi chút, không có đường thông, đành chỉ thả thơ ở ngoài cổng. Bấy giờ mùa xuân đương đẹp, hoa tường vi nở rất nhiều, trông hình như muôn điểm rắng hồng, kết lại ở trên tường rục rỏ. Nàng vờ như không biết, vừa bẻ vừa rung. Người canh cổng nổi giận. Nàng liền đưa cành thoa dứt lót mà nói:

- Tôi tưởng những dây hoa leo này, không phải là của quý gìn giữ, lỡ tay vin hái, thật là có tội. Tắm thân yếu ớt, sợ không chịu nổi roi vọt. Vậy xin bác cầm cành thoa này đưa vào lầu ngọc, để mong được khoan tha, không phải đánh đập, thì tôi thực đội ơn vô cùng.

Người ấy nghe lời, cầm cành thoa vào dâng Dương thị. Dương thị nhìn lúc lâu, giả cách nổi giận mà rằng:

- Con bé nào mà dám đường đột như vậy, làm hỏng cả một giàn hồng cấm của ta.

Truyền đem trời người con gái ấy trong vườn ngân hạnh. Thờa lúc vắng vẻ, Dương thị lên đến, cầm cành thoa khóc mà nói rằng:

- Đây là vật cũ của Trịnh lang chồng ta xưa đây, làm sao lại ở tay chị?

Nàng áo xanh kể rõ sự thực: bảo vật này chính là do Trịnh lang đã giao cho tôi, lại nói Trịnh lang hiện đương ở nhà Bạch Long hầu, vì phu nhân mà quên ăn bỏ ngủ, rồi nhờ tiện thiếp xa gửi đến một mối tình để trả món tương tư nợ cũ.



Nói chưa hết lời thì có con tiểu hoàn vào báo là Thân Thuồng Luồng có lệnh vời. Dương thị vội lật đật đi ra; sáng hôm sau lại đến, ân cần hỏi han và trao cho một bức thư mà dặn rằng:

- Chị về nói hộ với Trịnh lang cho ta: người vợ xấu số ở bên nước xa xăm, lúc nào cũng vẫn thương nhớ đến chàng; chàng nên cố xoay sở cách nào để cho được phượng lại trong mây, ngựa về trên ải, đừng khiến tôi phải già đời ở chốn cung nước làng mây này.

Bức thư gửi cho Trịnh lang như sau:

“Non thê bể hện, chao ôi việc trước lỗ làng, gió dập mưa dồn, ngán nỗi kiếp này lận đận. Nước non muôn dặm, tâm sự mấy lời. Nghĩ như thiếp chút phận mỏng manh, tấm thân mềm yếu. Duyên đôi lứa tự trời xe lại, ước trăm năm cùng huyết dăm sai. Nào ngờ biến dậy một đêm, đến nỗi hình rơi đáy vực. Bởi không thể dim châu đấm ngọc, nên đành cam dãi nguyệt dẫu hoa. Áo xiêm đã lấm tanh nhơ, thân thể tạm còn thoi thóp. Sầu đầy tựa bể, ngày dài như năm. Nào hay giữa lúc bơ vơ, bỗng nhận được thư thăm hỏi. Ngắm cảnh thoa mà ứa lệ, nhìn khách đến những đau lòng. Một bước lỗi lầm, riêng cỏ nội hoa hèn thối mốc, ba sinh thể ước, có trời cao đất cả chứng tri. Ngọc bích chưa lành, cân vàng xin chuộc”.

Nàng áo xanh trở về báo tin cho biết, Long hầu bảo Trịnh rằng:

- Việc có thể nên được đấy.

Bèn cùng nhau đi ra bể nam, đến một tòa thành lớn. Hào vào trước, bảo Trịnh đứng đợi chỉ ở ngoài cửa thành. Một lát, Trịnh thấy một người ra dẫn vào trong một cái đền, trên đền có một vị vua mặc áo tinh hồng, mang đai ly châu, quần thần đứng châu chực hai bên không biết bao nhiêu mà kể. Trịnh quỳ dài xuống mà tâu bày mọi nỗi, lời rất thể thắm. Đức vua ngoảnh nhìn vào một viên đứng bên phía tả, giục thảo trát đòi. Rồi có hai người lính vượt không ra đi. Chừng độ nửa ngày, hai người lính áp giải đến một người đàn ông, thân thể vạm vỡ, mũi đỏ mặt đen, râu ria đâm tua tủa như rễ tre vậy, ra giữa sân mà quỳ rạp xuống. Đức vua mắng rằng:

- Tước không cho nhảm, phải đợi người công lao, hình không dùng xằng, để trị kẻ gian hung. Như nhà ngươi trước có công lao, nên ta cho coi giữ một phương, vì dân che chở. Vậy mà ngươi giở thói dân ngược, như thế là trừ tai ngũ hoạn cho dân đấy ư?

Người ấy nói:

- Kể kia ở trên trần, tiểu thần ở dưới nước, mỗi người một ngã, có can thiệp gì đến nhau. Vậy mà hấn buông lời phao vu, để hãm hại người vô tội. Nếu bệ hạ tin nghe lời hấn thì triều đình mắc sự lừa dối mà tiểu thần chịu tội mập mờ, tưởng không phải là sự yên trên mà toàn dưới vậy.



Bên nói đi, bên cãi lại, người ấy vẫn không chịu nhận tội, đức vua cũng hồ nghi không biết quyết định thế nào. Long hầu đứng bên khê rí tai bảo Trịnh rằng:

- Chi bằng khai tên tuổi Dương thị, xin cũng bắt đến xét hỏi.

Trịnh theo lời tâu lên, đức vua quả truyền đi bắt Dương thị đến. Ngày đã xế chiều, lại thấy hai người lính dẫn đến một mỹ nhân, xúng xính thướt tha, từ mé đông lại. Đức vua hỏi:

- Chồng ngươi đâu?

Dương thị tâu:

- Người áo xanh kia là chồng thiếp, còn người áo đỏ là kẻ thù. Độ trước không may bị cái yêu ấy bắt cướp, trải đã ba năm trời nay. Nếu không nhờ được sự soi tới của vâng thái dương, thì hồn tàn vóc nát sẽ phải chịu nhơ nhuốc trọn đời, còn mong gì được lộ mặt ra nữa.

Đức vua cả giận nói:

- Không ngờ thằng giặc kia lại gian hoạt đến như thế. Bên trong thì làm sự dâm dật, mặt ngoài thì giả hòng chối cãi. Việc ấy nữ làm thì dù đem xử tử cũng không đáng tiếc.

Bấy giờ có một người mặc áo bào xanh hiệu là Chính hình lục sự, tâu rằng:

“Thần nghe: vì tình riêng mà ban thưởng, thưởng sẽ không công, đương lúc giận mà xử hình, hình tất quá đáng. Duỗi co vốn khác,

châm chước mới nên. Dem cái tài vuốt nanh, giữ cái trách phen giậu, tự hấn dẫu gây nên tội nghiệt, với dân cũng có chút công ân. Có tội phải gia hình, tuy đã cam bẽ vạ tử, dem công mà trừ lỗi, cũng còn mong được toàn sinh. Xin khoan cho tội tru di, hãy giam vào ngục đen tối”.

Đức vua khen phải, bèn phê phán rằng:

“Mảng nghe: Đời người như khách trên đường, kẻ trước đi qua mà kẻ sau tiếp đến; đạo trời không sai tơ tóc, làm lành được phúc mà làm ác chẳng yên. Lệ luật không mờ, cổ kim vẫn thế. Nay nhà ngươi vốn do huân phiệt, lạm giữ phương ngung. Lẽ nên linh hiển, để tỏ đức rộng, sao được tà dâm, làm theo vết răn. Sự càn rỡ ngày càng quá tộ, luật công minh tất phải thi hành. Than ôi, vợ người cố chiếm, đã rất mực mê cuồng, phép nặng không dong, để răn phường gian ác. Dương thị kia, nét tuy đáng trở, tình cũng khá thương: thân nên về với tiên phu, con để trả cho hậu phu. Mấy lời phê phán, lập tức thi hành”.

Nghe lời phán xong, thần Thuồng Luồng cúi đầu đi ra. Tả hữu cũng đưa mắt cho Trịnh bảo lui. Long hầu về nhà bèn đặt tiệc mừng, và tặng cho các thứ văn tề, đôi mỗi. Vợ chồng Trịnh cùng lạy tạ rồi trở về nhà, kể hết đầu đuôi cho người nhà nghe, ai cũng đều mừng thay và lấy làm một câu chuyện lạ.



Sau Trịnh có việc đến Hồng Châu, lại đi qua chỗ đền ấy, thấy tường xiêu vách đổ, bia gãy rêu trùn, duy có cây gạo đương tung bay bông trắng ở dưới bóng dương tà xế. Hỏi thăm những ông già bà cả, đều nói: “Trước đây một năm, một hôm giữa ban ngày bỗng dưng không mây mà mưa, nước sông đầy dẫy, rồi có một con rắn dài mười trượng, vẩy biếc mào đỏ, nổi trên mặt nước mà đi lên mạn Bắc, đằng sau có hàng hơn trăm con rắn nhỏ đi theo, đền từ đấy không linh thiêng nữa”. Bấm đốt tính xem thì ngày ấy chính đúng vào ngày Trịnh kiện.

CHUYỆN CHÚC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN

Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng đất Lạng Giang. Chàng vốn khảng khái nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng bắc người ta vẫn khen là một người cương phương. Trong làng trước có một tòa đền, vẫn linh ứng lắm. Cuối đời họ Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến trường. Bộ tướng của Mộc Thạnh có viên bách hộ họ Thôi, tử trận ở gần đền, từ ấy làm yêu làm quái trong dân gian. Tử Văn rất là tức giận, một hôm tắm gội sạch, khấn trời rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, họ lo sợ thay cho Tử Văn, nhưng Tử Văn vùng tay không cần gì cả.

Đốt xong về nhà, chàng thấy trong mình khó chịu, đầu lảo đảo và bụng run run, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt, chàng thấy một người khôi ngô dong dạc, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng, quần áo rất giống



người phương Bắc, tự xưng là cư sĩ, đến đòi làm trả lại tòa đèn như cũ, và nói:

- Nhà ngươi đã theo nghiệp nho, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quý thần ra sao, cứ gì lại dám lãng miệt, hủy tượng đốt đèn, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả tòa đèn như cũ. Nếu không sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ.

Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên, người kia tức giận nói:

- Phong đô không xa xôi gì, ta tuy hèn, há lại không đem nổi nhà ngươi đến đây. Không nghe lời ta thì rồi sẽ biết.

Nói rồi phát áo đi.

Chiều tối, lại có một ông già, áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã, thủng thỉnh đi vào đến trước thêm, vái chào mà rằng:

- Tôi là vị Thổ thần ở đây, nghe thấy việc làm rất thú của nhà thầy, vậy xin đến để tỏ lời mừng.

Tử Văn kinh ngạc nói:

- Thế người đội mũ trụ đến đây ban nầy, chẳng phải là Thổ địa đấy ư? Sao mà nhiều thần quá thế vậy.

Ông già nói:

- Ô, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu

đền của tôi, giả mạo tên họ của tôi, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bưng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. Xin kể đầu đuôi để nhà thầy nghe:

“Tôi từ đời vua Lý Nam Đế làm chức ngự sử đại phu, vì chết về việc can vương mà được phong ở đây, giúp dân độ vật đã có hơn một nghìn năm nay, khi nào lại làm việc gieo tai rắc vạ để kiếm ăn như kẻ khuất tặc kia đã làm. Gần đây vì thiếu sự đề phòng, bị nó đánh đuổi, nên phải đến nương tựa ở đền Tản Viên đã vài năm nay”.

Tử Văn nói:

- Việc xảy ra đến như thế, sao ngài không kiện ở Diêm Vương và tâu lên Thượng đế, lại đi khinh bỏ chức vị, làm một người áo vải nhà quê.

Ông già chau mặt nói:

- Rễ ác mọc lan, khó lòng lay động. Tôi đã định thưa kiện, nhưng mà có nhiều nỗi ngăn trở: Những đền miếu gần quanh, vì tham của đút, đều bênh vực cho nó cả. Khư khư một chút lòng thành thực, không làm thế nào để thông đạt được lên cho nên đành tạm ẩn nhẫn mà ngồi xó một nơi.

Tử Văn nói:

- Hắn có thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không?



- Hần quyết chống chọi với nhà thầy, hiện đã kiện thầy ở Minh ty. Tôi thừa lúc hắn đi vắng nên lên đến đây báo cáo cho nhà thầy biết để mà liệu kế, khỏi phải chết một cách oan uổng.

Lại dặn Tử Văn:

- Hễ ở Minh ty có tra hỏi, thầy cứ khai ra những lời nói của tôi. Nếu hắn chối cãi, thầy kêu xin tư giấy đến đền Tản Viên, tôi sẽ khai rõ thì nó phải đỡ miệng. Nếu không như thế thì tôi đến vui lấp trọn đời mà thầy cũng khó lòng thoát nạn.

Tử Văn vâng lời. Đến đêm, bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông. Đi độ nửa ngày đến một dinh tòa rất lớn, xung quanh có thành sắt cao vọi đến mấy chục trượng. Hai quỷ đến nói với người canh cổng, người canh cổng đi vào một lúc rồi ra truyền chỉ rằng:

- Tội sâu ác nặng, không được dự vào hàng khoan giảm.

Nói rồi xua tay bảo đi ra phía bắc. Đàng phía bắc, tức là một con sông lớn, trên sông bắc một cái cầu dài ước hơn nghìn bước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên tả hữu cầu, có đến mấy vạn quỷ Dạ Xoa, đều mất xanh tóc đỏ hình dáng nanh ác. Hai quỷ dùng gông dài thùng lớn gông trói Tử Văn mà giải đi rất nhanh, Tử Văn kêu to lên rằng:

- Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, có tội lỗi gì xin bảo rõ cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng.

Chợt nghe trên điện có lời tuyên ngôn rằng:

- Tên này bướng bỉnh gân guốc, nếu không phán đoán cho rõ, vị tất nó đã chịu phục tội.

Bèn sai dẫn Tử Văn vào trong cửa điện. Tử Văn vào đến nơi, đã thấy người đội mũ trụ đương kêu cầu ở trước sân.

Diêm Vương mắng Tử Văn rằng:

- Kẻ kia là một người cư sĩ, trung thuần khích liệt, có công với tiên triều, nên hoàng thiên cho được huyết thực ở một tòa đền để đền công khó nhọc. Mà lại là một kẻ hàn sĩ, sao dám hỗn láo, tội nghiệt tự mình làm ra, còn trốn đi đằng nào?

Tử Văn bèn tâu trình đầu đuôi như lời ông cụ già đã nói, lời rất cương chính, không chịu chùn nhụt chút nào. Người đội mũ trụ nói:

- Ấy là ở trước vương phủ mà hấn còn quật cường như thế, mỗi năm miệng mười, đem đặt bịa tạc. Huống hồ ở một nơi đền miếu quanh hiu sợ gì mà hấn không dám cho một mớ lửa.

Hai bên cãi cọ nhau mãi vẫn chưa phân phải trái, nhưng Diêm Vương vì thế bụng cũng sinh nghi. Tử Văn nói:

- Nếu nhà vua không tin lời tôi, xin đem giấy đến đền Tản Viên để hỏi hư thực; không



có sự thực như thế, tôi lại xin chịu thêm cái tội nói càn.

Người kia bây giờ mới có vẻ sợ, quỳ xuống tâu rằng:

- Gã kia một kẻ học trò thật là ngu bướng, quả đáng tội lắm. Nhưng đã trách mắng như vậy, cũng dễ trừng giới. Xin đại vương khoan tha cho hắn để tỏ cái đức rộng rãi. Bất tất đòi hỏi dây dưa và thẳng tay trị tội, sợ có hại cho cái đức hiếu sinh.

Diêm Vương quát lớn rằng:

- Cứ như lời hắn thì nhà ngươi đáng tội tru lục. Điều luật lừa dối đã sẵn sàng đó. Nhà ngươi có sao dám làm sự xuất nhập nhận tội như vậy?

Lập tức sai người đến đến Tản Viên để lấy chứng thực. Sai nhân về tâu, nhất nhất đúng với lời Tử Văn. Vương cả giận, bảo các phán quan rằng:

- Lũ người chia tòa sở, giữ chức sự, cầm lệnh chí công, làm phép chí công, thưởng thì xứng đáng mà không thiên tư, phạt thì đích xác mà không hà lạm, vậy mà còn có sự dối trá càn bậy như thế; huống chi về đời Hán đời Đường buôn quan bán ngục, thì những mối tệ còn xiết nói được ư?

Liên sai lấy lồng sắt chụp vào đầu, khẩu gỗ nhét vào miệng, bỏ người ấy vào ngục Cửu U.

Nguyễn Dữ

Vương nghi Tử Văn có công trừ hại, truyền cho vị thần đền kia, từ nay phần xôi lợn của dân cúng tế, nên chia cho Tử Văn một nửa, và sai lính đưa Tử Văn về. Chàng về đến nhà, té ra mình chết đã được hai ngày rồi. Nhân đem những việc đã qua kể cho mọi người nghe, ai cũng kinh hãi và không tin là thực. Sau họ đón một bà đồng về phụ bóng, đồng lên cũng nói đúng như lời Tử Văn. Người làng bèn mua gỗ lại dựng một tòa đền mới. Còn ngôi mộ của người tướng kia thì tự dựng thất bát tung lên, hài cốt tan tành ra như cám vậy.

Sau đó một tháng, Tử Văn thấy ông già đến bảo:

- Lão phu đã trở về miếu, công của nhà thầy, không biết lấy gì đền đáp được. Nay thấy ở đền Tản Viên khuyết một chân Phán sự, lão đã vì nhà thầy hết sức tiến cử, được đức thánh Tản ngài đã bằng lòng, vậy xin lấy việc đó để đền ơn nghĩa. Người ta sống ở đời, xưa nay ai không phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau đủ rồi. Nếu trùng trình độ nửa tháng, sợ sẽ về tay người khác mất. Nên cố gắng đi, đừng nên coi là việc tầm thường.

Tử Văn vui vẻ nhận lời, bèn thu xếp việc nhà rồi không bệnh tật gì mà mất.

Năm Giáp Ngọ (1414) có người ở thành Đông Quan (Hà Nội) vốn quen biết với Tử Văn, buổi sớm đi ra ngoài cửa tây vài dặm, trông



thấy ở trong sương mù có xe ngựa đi đến âm âm, lại nghe thấy tiếng quát rằng:

“Người đi đường tránh ra, xe quan phán sự!”

Người ấy ngẩng đầu trông về phía trước, người ngồi trên xe chính là Tử Văn. Song Tử Văn chỉ ngồi trên xe chấp tay thi lễ chứ không nói một lời nào, rồi thoát đã cưỡi gió mà đi biến mất. Đến nay con cháu hầy còn, người ta còn truyền là “Nhà quan phán sự!”.

CHUYỆN PHẠM TỬ HƯ LÊN CHƠI THIÊN TÀO

Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiếm thức. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm; Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt.

Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tan đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mã để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ, đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong ánh sương mù thấy có một đám những tàn vàng kiêu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nam hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khê dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:



- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Võ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên một hôm.

Tử Hư bèn sấm rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoát đã trở nên hiên hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng.

Dương Trạng nói:

- Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liền lật mà đốt đi. Đúc đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử Đông. Hôm qua ta hầu linh giá ngài lên châu Thiên Cung, tình cờ lại gặp nhà người, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên.

Tử Hư nói:

- Thầy được linh chức trọng quyền cao như vậy, chẳng hay sự sống chết thọ yếu của con, thầy có được rõ không?

- Việc đó không phải thuộc về chức vụ của ta.

- Vậy thế thầy giữ về việc gì?

Nguyễn Dữ

- Ta trông coi về việc văn chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học trò trong thiên hạ.

Tử Hư mừng mà rằng:

- Nếu thế thì tiền trình của con cũng đạt thế nào chắc thầy biết rõ?

- Cứ như văn chương tài nghệ của anh, đương đời này không ai bì kịp, huống anh lại còn có tính trung hậu, anh thường lấy văn tài mà khiêm ngạo với người khác, cho nên trời mới bắt đỡ muộn để phải chùn nhụt cái nét ngông ngạo đi. Ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo dải nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường đổi họ để đi học, thay tên để đi thi: hễ trượt đỗ thì đổ lỗi mờ quáng cho quan chấm trường, hơi thành danh thì hợm mình tài giỏi hơn cả tiền bối, chí khí ngông ngạo tính tình tráo trở, thấy thầy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dất dấn rên cạp phần nhiều là cái công đức của thầy bạn. Vả như ta ngày xưa, dạy có đến mấy nghìn học trò, giao du ở kinh đô rất nhiều bè bạn, thế mà sau ta mất, nghe có người đai vàng, mũ bạc, có người quan cả ngôi cao, nhưng không hề một ai tìm đến thăm viếng mồ ta mà tuổi lên một vài chén rượu. Nhân thế ta vẫn để ý đến anh lắm.

Tử Hư nhân đem những người làm quan bấy giờ, nhất nhất hỏi về từng người một:



- Thừa thầy, ông mõ ở ngôi trọng thần mà tham lam không chán, ông mõ làm chức sứ tu mà mô phạm không đủ, ông mõ coi lễ mà lễ nhiều thiếu thốn, ông mõ chăn dân mà dân bị tai hại, ông mõ chấm văn mà lấy đồ thiên vị, ông mõ tri ngục mà buộc tội oan uổng; lại còn những người lúc thường bàn nói thì môi mấp bẻ lưỡi, đến lúc trù tính, quyết định kế lớn của quốc gia thì mờ mịt như ngồi trên đám mây mù, thậm đến không nói theo danh, không xét theo thực, không trung với đáng quân thượng. Bọn ấy sau khi chết có phải luận tội gì không, hay là cứ được hưởng tôn vinh mãi thế?

Trạm cười mà rằng:

- Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Lưới trời thênh thang, thừa nhưng chẳng lọt. Chỉ cho rằng thời gian chưa đến mà thôi. Nay ta bảo rõ có anh nghe: trong khoảng trời đất bao ứng luân hồi, chỉ có hai loài thiện ác. Người chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế Đình; người hay làm ác, không đợi đến chết, án đã thành ở Địa Phủ.

Dương Trạm lại kể cho Tử Hư nghe những thú vui ở trên Thiên Tào, hơn ở cõi trần nhiều lắm, và bảo nhà ngươi nên cố gắng sửa mình chuốt nét, tự nhiên có ngày được lên ở trên ấy; như ta đây cũng là một cái duyên may mắn khác thường. Tử Hư nói:

- Mình trần vóc tục, còn biết do lối nào mà noi lên được! Chỉ mong theo đòi xe gió, được

tạm lên chơi xem một chuyến, chẳng hay thầy có thể giúp cho được không?

- Sự đó cũng không khó. Để ta bẩm với đức Đế quân đem tên họ anh điền vào.

Bèn lấy bút son viết vào cuộn giấy hơn mười chữ, rồi bảo cất bỏ tiệc rượu. Tử Hư được theo thầy lên ngồi ở một bên xe, rồi cỡi xe thẳng đường bay lên. Lên đến trên trời. Tử Hư thấy một khu có những bức tường bạc bao quanh, cái cửa lớn khảm trai lộng lẫy, hai bên có những tòa lầu châu điện ngọc, vàng vạc sáng như ban ngày, sông Ngân bến Sao, ôm ấp lấy đằng trước, gió thơm phưng phức, đượm ngát quanh hiên, hơi lạnh thấu da, ánh sáng chói mắt, trông xuống cõi trần, thấy mọi cảnh vật đều bé nhỏ tũn mủn.

Dương Trạm nói:

- Anh có biết đây là đâu không? Tức là kinh Bạch Ngọc ở trên trời mà người đời vẫn thường nói đó. Ở chính giữa kia có một đám mây hồng che phủ, tức là cung Tử Vi của đức Thượng Đế ngài ngự. Anh nên đứng chờ ta ở ngoài cửa thành để ta vào tâu xin cho anh.

Nói rồi Dương Trạm cầm cuộn giấy đi vào, sau một lúc lâu mới ra. Chợt nghe ở trên thành có tiếng hò vang, nói người đỗ đầu bảng sang năm, đã kén được viên trạng nguyên họ Phạm rồi.

Dương Trạm bèn dẫn Tử Hư đi chơi thăm khắp cả các tòa. Trước hết đến một tòa có cái



biển đề ngoài là "Cửa Tích Đức" trong có chừng hơn nghìn người mũ hoa dải huệ, kẻ ngồi người đứng, Tử Hư hỏi thì Dương Trạh nói:

- Đó là những vị tiên thuở sống có lòng yêu thương mọi người, tuy không phải dốc hết tiền của để làm việc bố thí, nhưng biết tùy thời mà chu cấp đã không keo bảh, lại không hợm hĩnh. Thượng Đế khen là có nhân, liệt vào thanh phẩm nên họ được ở đây.

Lại đi qua một tòa sở có cái biển đề ở ngoài là "Cửa Thuận Hạnh", trong có độ hơn nghìn người, áo mây lọng mưa, kẻ hát người múa. Tử Hư lại hỏi, Dương Trạh nói:

- Đó là những vị tiên thuở sống hiếu thuận, hoặc trong lưu ly biết bao bọc lấy nhau, hoặc đem đất cát mà san sẻ cho nhau, mấy đời ở chung không nỡ chia rẽ. Thượng Đế khen là có lòng, cho vào cung mây nên họ được ở đây.

Lại đến một tòa sở có cái biển đề là "Cửa Nho Thần", người ở đấy đều áo dài đai rộng, cũng có tới số một nghìn, trong có hai người mặc áo lụa, đội mũ sa. Dương Trạh trở bảh Tử Hư rằng:

- Ấy là ông Tô Hiến Thành triều Lý và ông Chu Văn An triều Trần đó. Ngoài ra thì là những danh thần đời Hán, đời Đường không sung vào quan vị hay chức chưởng gì cả, chỉ ngày sóc ngày vọng thì vào tham yết Đế quân, như những viên tãh quan đời nay thỉnh thoảng vào chầu vua mà thôi. Cứ cách năm

Nguyễn Dữ

trăm năm lại cho giáng sinh, cao thì làm đến khanh tướng, thấp cũng làm được sĩ phu, hiệu doãn. Ngoài ra còn đến hơn trăm tòa sở hữu, nhưng trời gần sáng không đi xem khắp được, vội cuối gió mà bay xuống trần. Xuống đến cửa Bắc, thấy trăm quan đã lục tục vào triều chào vua.

Tử Hư từ biệt thầy trở về, sang năm đi thi quả đỗ tiến sĩ. Phàm những việc cát hung họa phúc nhà Tử Hư, thường được thầy về báo cho biết.



CHUYỆN ĐỐI ĐÁP CỦA NGƯỜI TIÊU PHU NÚI NA

Đất Thanh Hóa phần nhiều là núi, bát ngát bao la đến mấy nghìn dặm. Trong đó có một ngọn núi cao chót vót, tên gọi là núi Na. Núi có cái động, dài mà hẹp, hiểm trở mà quanh hiu bụi trần không bén tới, chân người không bước tới. Hằng ngày trong động có người tiêu phu gánh củi đi ra, đem đánh đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy một đồng tiền nào. Hễ gặp ông già, trẻ con dưới đồng bằng, lại nói chuyện những việc trồng dâu, trồng gai một cách vui vẻ. Ai hỏi họ tên nhà cửa, tiêu phu chỉ cười không trả lời. Mặt trời ngậm núi, lại thủng thỉnh về động.

Sau đến năm Khai Đại nhà Hồ, Hán Thương đi săn, chợt gặp ở đường vừa đi vừa hát rằng:

*Núi Na đá mọc chênh vênh,
Cây tùm um, nước long lanh khói mờ.
Đi về hôm sớm thần thơ,
Mình dư áo lá, cổ thừa chuôi hoa.*

Nguyễn Dữ

Non xanh bao bọc quanh nhà,
Ruộng đem sắc biếc xa xa diệu ngoài.
Ngựa xe vông lọng thấy ai,
Nước non riêng chiếm, bụi đời khôn vương.
Áo đai đời Tấn gò hoang,
Kiếm cung triều Tống dưới làn cỏ xanh.
Sự đời bao xiết mong manh
Phong lưu Vương, Tạ, công danh Triệu, Tào
Từ xưa khanh tướng ngôi cao,
Đá mờ rêu phủ đã bao nhiêu rồi.
Sao bằng ta được thanh thoi,
Giấc mai bừng tỉnh mặt trời lừng không.

Hát xong rồi phất áo đi thẳng, Hán Thương đoán chắc đó là một vị ẩn giả, bèn sai quan hầu là Trương Công đi theo mời lại. Nhưng Trương theo gần đến nơi thì người ấy đã rảo bước vào động, gọi cũng không trả lời, chỉ thấy cuội mây lách khói, đi thoăn thoắt trong khoảng cành tùng khóm trúc. Biết đó không phải là người thường, bèn rón bước theo sau, rẽ cỏ lấy đường, đi ước chừng hai, ba dặm. Song đường núi gập ghềnh càng vào sâu càng khó đi lắm, rồi trong thoắt chốc đã chẳng thấy người ấy đâu cả. Ngẩng lên trông, tà dương đã gác đầu núi, cây cỏ đã bắt đầu lờ mờ, bàng hoàng muốn về, nhưng đã không kịp. Bỗng nghe thấy có tiếng gà gáy ở trên một chòm cây trúc, Trương mừng mà rằng:



- Đây đến chỗ có nhà người ở cũng không xa gì.

Chống gậy treo lên thì thấy có một cái am cỏ, hai bên tả hữu trồng mấy cây kim tiền chen lẫn vào những cây bách đào, hồng hạnh, đều xanh tốt đáng yêu cả. Trong am đặt một cái giường mây; trên giường để đàn sáo và chiếc gối dựa.

Bấy giờ tiều phu đương ngồi ở cái hiên đá, dạy con chim yểng học nói; bên cạnh có vài cậu trẻ nhỏ ngồi đánh cờ. Thấy Trương đến, tiều phu kinh ngạc mà rằng:

- Chỗ này quanh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, sao ông lại lần mò tới đây như vậy, chẳng cũng khó nhọc lắm ư?

Trương nói:

- Tôi là chức quan cung phụng của đương triều; vì ngài là bậc cao sĩ, nên tôi được vâng mệnh đến đây tuyên triệu. Hiện có loan giá ở ngoài kia, xin ngài ngoảnh lại một chút.

Tiều phu cười mà rằng:

- Ta là kẻ dật dân trốn đời, ông lão già lánh bụi, gửi tính mệnh ở lầu tranh quán cỏ, tìm sinh nhai trong búa gió rìu trăng, ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết chân khách tục, bạn cùng ta là hươu nai tôm cá, quần bên là tuyết nguyệt phong hoa, chỉ biết đông kếp mà hè đơn, nằm mây mà ngủ khói, mức khe mà uống,

bồi núi mà ăn, chứ có biết gì đâu ở ngoài là triều đại nào, là vua quan nào.

Bèn mời Trương ở lại đó làm mâm thết, cơm thổi bằng hạt điều hồ, canh nấu bằng rau cấm hái, lại còn có mấy món rau suối khác nữa. Canh khuya chuyện trò, đều là những lời nghĩa lý đáng nghe cả, nhưng không có một câu nào đả động đến thời sự. Hôm sau, Trương lại mời:

- Những bậc quân tử đời xưa, không phải là không muốn giúp đời hành đạo; khi mà giấu kín một chỗ, chỉ là còn đợi giá mà thôi. Nay phu tử lấy tấm thân vàng ngọc ôm một bọc kinh luân, ngoài vòng vinh lợi, vui lấp tiếng tăm trong đám ngư tiều, giấu tài trí trạch, nấu mình chốn rừng suối, vang tiếng đến cửu trùng, đốt nón lá, xé áo tơ, nay chính là đến lúc rồi đó. Dám xin bỏ bờ đập Phò Nham, ném cần câu Vị Thủy, dừng để uống hoài khát vọng của bao kẻ thương sinh.

Tiêu phu nói:

- Kể sī ai có chí nấy, hà tất phải vậy! Cho nên Nghiêm Tử Lăng không đem chức giám nghị ở Đông Đô, đánh đổi khói sóng Đồng Thủy, Khương Bá Hoài không đem bức tranh vẽ của Thiên Tử làm nhơ non nước Bành Thành. Tài ta tuy kém, so với người xưa chưa bằng được. Nhưng may lại giàu hơn Kiềm Lâu, thọ hơn Vệ Giới, no hơn Viên Tinh, đạt hơn Phụng Thiến, kể thì cũng đã được trời đất ban



cho khá nhiều. Nếu lại còn tham cầu những cái ở ngoài phận mình, len lỏi vào đường sĩ tiến, chẳng những xấu hổ với các bậc tiên hiền, lại còn phụ bạc với vượn hạc ở trong núi nữa. Vậy xin ông đi đi, đừng nói lời thôi gì nữa.

Trương nói:

- Ngài cho là hiện thời không đủ để cho ngài làm việc được chăng? Nay có đấng Thánh nhân ngự trị, bốn bề đều ngóng trong, người Chiêm dâng đất mà xưng thần, quân Minh nộp lễ để xin lui. Lão qua, Đại lý các nước cũng đều tranh nhau quy phục. Hiện chỉ còn thiếu các bậc dật nhân ở rừng núi ra mà giúp rập, khiến cho huân đức của Chúa thượng được sánh cùng các vua Nghiêu, Thuấn ngày xưa. Ngài nếu định trọn đời ẩn lánh, bắt chước như Vu Quang, Quyên Tử, thì cứ như vậy không sao. Nhưng nếu còn hơi để ý đến đám dân kia thì bỏ lỡ dịp này không ra, tôi sợ rằng sẽ cùng cỏ cây cùng nát, không bao giờ lại có được dịp gặp gỡ hay này nữa.

Tiêu phu biến sắc nói:

- Như lời ông nói, há chẳng là khoe khoang quá, khiến cho người nghe phải thẹn thùng. Vả vì vua ngự trị bây giờ, có phải là họ Hồ không?

- Chính phải.

- Có phải là đã bỏ khu Long Đỗ để về ở đất An Tôn không?

- Phải.

- Ta tuy chân không bước đến thị thành, mình không vào đến cung đình, nhưng vẫn thường được nghe tiếng ông vua bây giờ là người như thế nào. Ông ấy thường dối trá, tính nhiều tham dục, đem hết sức dân để dựng cung Kim Âu, đốc cạn của kho để mở phố Hoa Nhai, phao phí gấm là, vung vãi châu ngọc, dùng vàng như cỏ rác, trên tiền như đất bùn, hình ngực có của đứt là xong, quan chức có tiền mua là được, kẻ dăng lời ngay thì giết, kẻ nói điều nịnh thì thưởng, lòng dân động lay, nên xảy việc quân sông Đáy cỡi bờ chéch méch, nên đã mất giải đất Cổ Lâu. Vậy mà các kẻ đình thần trên dưới theo hùa, trước sau nối vết. Duy có Nguyễn Bổng cử có lượng nhưng chậm chạp, Hoàng Hối Khanh có học nhưng lơ mờ, Lê Cảnh Kỳ giỏi mưu tính nhưng không quyết đoán. Lưu Thúc Kiện quân tử nhưng chưa được là bậc nhân; còn ngoài ra phi là đồ tham tiền thì là tuồng nát rượu, phi là đồ chỉ lấy yên vui làm thích thì là tuồng lấy thế vị mà khuynh loát nhau, chứ chưa thấy ai biết những kế lạ mưu sâu để lo tính cho dân chúng cả. Xin ông vui lòng trở về, làm ơn từ chối hộ kẻ cư sĩ này.

Trương nói:

- Sự xuất xứ của bậc người hiền, lại cố chấp đến như thế ư?

Tiêu phu nói:



- Không phải là ta cố chấp. Ta chỉ ghét những kẻ miệng lưỡi bẻo lẻo, đã đâm mình vào trong cái trào đình trệ loạn, lại còn toan kéo người khác để cùng đâm với mình.

Trương lặng im không trả lời, trở về đem hết những lời của tiều phu tâu lại với chúa. Hán Thương không bằng lòng, nhưng còn muốn đem cỗ xe êm để cố đón ra kỳ được, sai Trương lại đi vào lần nữa. Nhưng vào đến nơi thì rêu trùn cửa hang, gai góc đầy núi, dây leo, cành rậm, đã lấp mất cả lối đi rồi.

Hán Thương cả giận, sai đốt cháy núi; núi cháy hết vẫn không thấy gì, chỉ thấy con hạc đen lượn trên không bay múa. Sau hai Hồ gặp phải tai họa đều đúng như lời thơ.

Gã tiều phu ấy, có lẽ là kẻ sĩ đắc đạo đấy chăng?

CHUYỆN CÁI CHÙA HOANG Ở HUYỆN ĐÔNG TRÀO

Đời nhà Trần, tục tin thần quỷ, thần từ Phật tự chẳng đâu là không có, như chùa Hoàng Giang, chùa Đồng Cổ, chùa An Sinh, chùa An Tử, chùa Phổ Minh quán Ngọc Thanh dựng lên nhan nhản khắp nơi; những người cắt tóc làm tăng làm ni, nhiều hầu bằng nửa số dân thường. Nhất là vùng huyện Đông Trào, sự sùng thượng lại càng quá lắm, chùa chiền dựng lên, làng lớn có đến hơn mười nơi, làng nhỏ cũng chừng năm, sáu, bao ngoài bằng rào lũy, tô trong bằng vàng son, phàm người đau ốm, chỉ tin theo ở sự hư vô; gặp các tuần tiết thì dàn tràng cúng vái rất là rộn rịp. Thần phật xem chừng cũng ứng giáng, nên câu gì được nấy, linh ứng lạ thường.

Bởi vậy người dân càng kính tin, không dám ngạo mạn. Đời vua Giản Định nhà Trần, binh lửa luôn năm, nhiều nơi bị đốt; số chùa chiền còn lại, mười không được một, mà cái số còn lại ấy, cũng mưa bay gió chuyển, đổ ngã xiêu



nghiêng, tiêu điều đứng rũ ở giữa áng cỏ hoang bụi rậm. Sau khi quan Ngô lui, dân trở về phục nghiệp. Có viên quan là Văn Tư Lập đến trị huyện ấy, thấy những cảnh hoang tàn đổ nát, bèn róng rả dân đình các xã, đánh tranh kên nứa mà sửa chữa lại ít nhiều. Ngồi ở huyện ấy được một năm, thấy dân quanh huyện khổ về cái nạn trộm cắp, từ gà lợn ngỗng ngan đến cá trong ao, quả trong vườn, phàm cái gì có thể ăn được đều bị mất hết. Tư Lập than rằng:

"Ta ở vào địa vị một viên ấp tể, không có cái minh để xét ra kẻ gian, cái cứng để chế phục kẻ ác, vì nhân nhu mà hỏng việc, chính là cái lỗi tự ta".

Song Tư Lập cho là những đám trộm cắp vật ấy, cũng không đến nỗi là đáng lo ngại lắm, nên chỉ sức họ các thôn dân, đêm đêm phải canh phòng cẩn mật. Trong khoảng một tuần, tuy canh phòng chẳng thấy gì cả, nhưng những việc trộm vặt cũng vẫn như trước. Lâu dần càng không thấy chúng kiêng sợ gì, đến nỗi lại vào bếp để khoắng hũ rượu của người ta, vào buồng ghẹo vợ con của người ta, khi mọi người đổ đến vây bắt, thì kẻ gian đã biến đi đằng nào mất, chẳng thấy gì cả. Tư Lập cười mà nói:

- Té ra lâu nay vẫn ngờ oan cho lũ kẻ trộm, kỳ thực đó là loài ma quỷ, hưng yêu tác quái

Nguyễn Dữ

đó mà thôi. Những sự quấy rối bấy nay, đều tự vật này cả.

Đó rồi đi mời khắp các thầy phù thủy cao tay, xin bùa yểm trấn. Song càng bùa bèn trừ yểm, sự quấy quắc vẫn tệ hơn trước. Tư Lập cả sợ, họp người dân thôn lại bàn rằng:

- Các người khi trước vẫn thờ Phật rất là kính cẩn, lâu nay vì việc binh hỏa mà đèn hương lễ bái không chăm, cho nên yêu nghiệt hoành hành mà Phật không cứu giúp. Nay sao chẳng đến chùa kêu cầu với Phật, tưởng cũng là một cách quyền nghi, may có thể giúp ích cho mình.

Mọi người bèn đi đốt hương lễ bái ở chùa chiền, khẩn rằng:

"Lũ chúng sinh này kính thờ Trời Phật, quy y đã lâu, hết lòng trông cậy ở Phật pháp. Nay ma quỷ nổi lên, quấy nhiễu dân chúng, họa hại cả đến loài lục súc, vậy mà Phật ngồi nhìn im lặng, chẳng cũng từ bi quá lắm ư? Cúi xin mở lượng xót thương, ra uy trừng phạt, khiến thần, người chẳng lẫn, dân vật đều yên, hết thấy chúng sinh, đều được đội ơn nhiều lắm. Song loạn lạc vừa yên, sinh kế chưa khôi phục được, tác gỗ mảnh ngói khó lòng xoay xở vào đâu. Đợi khi làm ăn giàu có sẽ lại xin sửa lại chùa chiền đền công đức ấy".

Đêm hôm ấy, trộm cắp hoành hành lại vẫn dữ hơn trước. Tư Lập chẳng biết làm sao được; nghe Vương tiên sinh ở huyện Kim Thành là



người giỏi bói Dịch, bèn đến bói một quẻ xem sao. Vương tiên sinh bói rồi nói rằng:

*Cưỡi trên ngựa tốt,
Mặc áo vải sẵn,
Túi da tên thiếc,
Đích thị người thần.*

Lại dặn rằng:

- Ông muốn trừ được nạn ấy, sáng ngày mai nên ra phía tả cửa huyện đi về phương nam, hề thấy người nào vận mặc như thế, mang xách như vậy, quyết là người ấy có thể trừ hại được, nên cố thỉnh mời, dù từ chối cũng đừng nghe.

Hôm sau, Tư Lập cùng các phụ lão theo đúng lời của Vương tiên sinh để trông ngóng xem, những kẻ đi người lại đầy đường, chẳng thấy ai giống như thế cả. Trời đã xế chiều ai nấy chán nản sắp muốn về, chợt có một người từ trong núi đi ra, mình mặc áo vải, đeo cung cưỡi ngựa. Mọi người cùng chạy ra phục lay ở phía trước mặt. Người ấy ngạc nhiên hỏi, mọi người cũng kể rõ bản ý của mình. Người ấy cười mà rằng:

- Các ông sao mà quá tin bói toán đến thế! Tôi từ nhỏ làm nghề săn bắn, mình không rời yên ngựa, tay không rời cung tên. Hôm qua nghe nói ở núi An Phụ có nhiều giống nai béo, thỏ tốt nên nay định đến để săn, nào có biết lập đàn thầy pháp, bắn ma vô hình là công việc thế nào.

Tư Lập nghĩ bụng người này tất là một vị pháp đàn cao tay, vì không muốn nổi tiếng về thuật bùa bèn, sợ bị mang lụy vào thân, nên mới vào nhón nhơ trong chốn núi khe, giấu mình ở thú chơi cung mã, bèn nhất định cố mỗi kỳ được. Người kia xem chừng không thể từ chối, phải gượng theo lời. Tư Lập mời người ấy về huyện để ở trong nhà quán xá, giường chiếu màn đệm đều rất sang trọng, sẵn sóc kính cẩn như một vị thần minh. Người ấy nghĩ riêng rằng:

"Họ tiếp đãi kính cẩn đối với ta như thế này, chỉ vì cho là ta có tài trừ quỷ. Nhưng thực thì ta chẳng có tài gì về sự đó, thế mà đi hưởng sự cung cấp của người, sao cho đành tâm. Nếu không sớm liệu trốn đi thì sẽ có ngày phải xấu hổ".

Hôm ấy ước chừng nửa đêm, thừa lúc mọi người đã ngủ say, người ấy bèn rón rén bước ra khỏi huyện lỵ. Khi đến phía tây cái cầu ván, bấy giờ trời tối lơ mờ, trăng khuya chưa mọc, thấy có mấy người hình thể to lớn, hớn hỏ từ dưới đồng đi lên, người ấy bèn lẩn vào chỗ khuất, ngồi rình để xem họ làm trò gì. Một lát, thấy họ thò tay khoắng xuống một cái ao, rồi bắt cứ vớ được cá lớn cá nhỏ, đều bỏ vào mồm nhai nuốt hết, lại nhìn nhau mà cười mà nói:

- Những con cá con ăn ngon lắm, nên ăn dè dặt mới thấy thú, há chẳng hơn những thức hương hoa nhạt nhẽo họ thường dâng cúng



chúng mình ư? Đáng tiếc là đến bây giờ, chúng mình mới được biết những vị ngon ấy.

Một người cười mà nói:

- Chúng mình thật to đầu mà đại, bấy nay bị người đời chúng nó lừa dối; ai lại đem cái oản, một vài lẻ gạo để lấp cái bụng nặng nghìn cân mà đi giữ cửa cho chúng nó bao giờ. Nếu không có những buổi như buổi hôm nay mà cứ trường chay mãi như trước thì thật là một đời sống uống.

Một người nói:

- Tôi xưa nay vẫn ăn đồ mặn không phải chay tịnh như các ông. Nhưng hiện giờ dân tình nghèo kiệt, chúng nó chả có gì để cúng vái mình. Bụng đói miệng thèm, không biết mùi thịt là cái gì đã trải một thời gian lâu lắm, chẳng khác chi đức Khổng Tử ở nước Tề ba tháng không được đụng đến miếng thịt. Song đêm nay trời rét nước lạnh, khó lòng ở lâu chỗ này được; chi bằng lên quách vườn mía mà bắt chước Hồ đầu tướng quân ngày xưa.

Đoạn rồi họ dắt nhau đi lên, vào vườn mía, nhỏ trộm mà tước, mà hít. Người kia đương ngồi núp một chỗ, liền giương cung lấp tên, thành linh bắn ra, tin luôn ngay được hai người. Bọn gian kêu ầm ớ mấy tiếng rồi ồ chạy cả, chừng độ mấy chục bước, đều mờ khuất hết. Song lúc đó còn thấy có tiếng mắng nhau:

- Đã bảo ngày giờ không tốt thì đừng nên đi. Không nghe lời ta, bây giờ mới biết.

Người kia kêu réo rầm rĩ lên, dân làng quanh đấy giật mình tỉnh dậy, cùng đốt đèn thấp đuốc chia nhau mỗi người đi đuổi một ngả. Họ soi thấy dấu máu vấy trên mặt đất, bèn theo dấu đi về phía tây. Chừng hơn nửa dặm đến một cái chùa hoang, vào thấy hai pho tượng Hộ pháp xiêu vẹo trong chùa, trên lưng mỗi tượng đều có một phát tên cắm vào sâu lắm. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, cho là một sự lạ xưa nay chưa có bao giờ. Họ liền hấy đổ hai pho tượng. Trong lúc ấy còn nghe thấy có tiếng nói rằng:

- Vẫn tưởng kiếm cho no bụng, ai ngờ phải đến nát thân. Nhưng bày ra mưu này là tự lão Thủy thần kia. Hắn là chủ mưu mà được khỏi nạn còn chúng ta theo hắn mà phải chịu vạ, thật cũng đáng phàn nàn lắm.

Đó rồi họ sai người đến miếu Thủy thần, thấy pho thần tượng đắp bằng đất, bỗng biến nét mặt, mặt tái đi như chàm đỏ, mấy cái vảy cá hấy còn dính lèm nhèm trên mép, bèn lại phá hủy luôn cả pho tượng ấy.

Quan huyện Văn Tư Lập dốc hết hòm rương để trả ơn người kia chở nặng mà về. Từ đấy yêu tà tuyệt tịch không còn thấy tăm bóng đâu nữa.



CHUYỆN NÀNG TÚY TIÊU

Người đất Kiến Hưng, Dư Nhuận Chí tên là Tạo Tân, có tiếng hay thơ; nhất là về những bài hát, lại càng nức danh ở kinh kỳ, mỗi bài làm ra, phường hát bội đem tiền tặng biếu rất hậu để xin lấy. Nhân thế Dư càng nổi thanh giá ở chốn tao đàn. Cuối đời Thiệu Phong nhà Trần, Dư nhân có việc vào yết kiến quan Trần soái Lạng Giang là Nguyễn Trung Ngạn. Ông Nguyễn thấy Dư đến, lật đặt ra tiếp, đặt tiệc ở Phiếm bích đường thết đãi, gọi mười mấy người con hát ra hát múa ở trước tiệc. Trong bọn con hát có ả Túy Tiêu là người rất xinh đẹp. Ông Nguyễn đùa bảo Dư sinh rằng:

- Ấy tùy ngài kén chọn trong bọn ấy, hễ bằng lòng ai thì tôi xin tặng cho.

Rồi âm nhạc nổi lên. Sinh ngâm một bài thơ sau này:

*Hoa sen dóc dóc rõ ràng tươi,
Góp mặt nhà tiên lúc nói cười
Áo lụa say nằm nghe gọi dậy,
Giang Nam một khúc quyến hồn người.*

Ông Nguyễn cười bảo Túy Tiêu rằng:

- Thầy đồ để ý vào nàng đấy.

Sinh hôm ấy uống rượu rất say, mãi đến đêm khuya mới tỉnh, đã thấy nàng Túy Tiêu ở cạnh, cảm ơn ông Nguyễn không biết chừng nào. Sáng hôm sau Sinh vào tạ ơn ông Nguyễn để về. Ông Nguyễn bảo:

- Ấy kẻo cũng là một người phong lưu, thầy nên khéo yêu thương lấy.

Sinh bèn đem nàng về Kiến Hưng. Túy Tiêu vốn có khiếu thông tuệ, mỗi khi Sinh đọc sách, nàng cũng học thắm mà rồi thuộc được. Sinh nhân đem những quyển sách nói về thơ từ mà dạy nàng. Chưa đầy một năm, nàng đã làm được thơ từ ngang với của Sinh. Năm Mậu Tuất (1358), nhân gặp khoa thi, Sinh sắm sửa hành trang lên kinh; không nỡ rời nhau, nên đem theo cả nàng cùng đi, cùng trọ tại phố Phường Thái ở cửa sông. Gặp ngày mùng một đầu năm, Túy Tiêu rủ mấy người bạn gái, đến chùa tháp Báo Thiên dâng hương lễ Phật. Bấy giờ có quan Trại quốc họ Thân thăm đi chơi phố, trông thấy Túy Tiêu đẹp, bắt cướp đem về làm của mình. Sinh làm đơn kiện tận triều đình, nhưng vì họ Thân uy thế rất lớn, các tòa các sở đều tránh kẻ quyền hào, gác bút không dám xét xử. Sinh đau buồn lắm bèn chẳng thiết gì thi cử nữa. Một hôm sinh thùng thỉnh đi chơi ngoài phố, gặp đám người cuối ngựa đi xem hoa về, tiền hô hậu ủng rất oai vệ, trên



đường thì trâm thoa rơi rắc, hồng tía tới bờ, sau cùng thấy Túy Tiêu ngồi trên một chiếc kiệu căng rèm lụa hoa, đi qua dưới rặng liễu. Sinh muốn chạy đến than thở, nhưng thấy những người cùng đi với nàng đều là bậc quyền quý, không dám đường đột chỉ dám đuổi nhìn và ứa hai dòng lệ, không nói được một lời nào.

Nhân Túy Tiêu trước có nuôi đôi chim yểng, một hôm sinh trở đôi chim mà bảo rằng:

- Chúng mày là loài vật nhỏ, còn được suốt ngày quẩn quýt với nhau, không phải như ta lạnh lùng chiếc gối. Ước sao chúng mày nhẹ tung đôi cánh, vì ta đưa đến cho nàng được một phong thư.

Con chim yểng nghe nói, kêu lên và nhảy nhót như dáng muốn đi. Sinh bèn viết một phong thư, buộc vào chân nó.

Con chim yểng bay đi, đến đậu ở màn Túy Tiêu. Nàng được thư, bèn giở giấy Tiết Đào đắp bút Lâm xuyên viết một bức thư để trả lời.

Túy Tiêu từ đó buồn rầu sinh ốm. Quan Trụ quốc bảo:

- Chừng nàng hãy còn nhớ anh chàng bán thơ phải không?

Nàng nói:

- Quả có như vậy, tình sâu gắn bó, hờn nặng chia lìa, lời thề chung sống chưa phai, điều hẹn cùng già đã phụ. Nay thì Sở mưa Yên tạnh, liễu héo đào tươi, bần bật xa nhau, hờn ôm thiên cổ.

Nguyễn Dữ

Nói rồi nàng toan lấy chiếc khăn là thắt cổ tự tử. Trụ quốc nói dối rằng:

- Ta cũng đang nghĩ về việc đó. Vậy nàng hãy cứ nên bình tĩnh giữ gìn thân thể sớm muộn ta sẽ vờ chàng họ Dư đến đây, để nàng được nối mối duyên xưa. Tội gì mà coi rẻ tính mệnh, chết một cách chẳng vào đâu cả.

Nàng nói:

- Quả được như vậy thì thiếp xin vâng lời tướng công. Nếu không thì tính mệnh này chỉ ngày hôm nay là hết.

Trụ quốc bất đắc dĩ phải vờ Dư đến, đồ dành sẽ trả Túy Tiêu và bảo:

- Ta là quan ngời đến Thượng công, quyền cao lộc hậu, việc khoản đãi khách khứa, mỗi ngày tốn phí đến hàng chuồng thóc. Nay vờ thầy đến là do ý tốt chứ không có ý xấu gì cả. Huống đất Trường An này gạo châu củi quế, thầy lấy gì mà tiêu dùng đủ. Vậy nếu thầy không ngại thì nên cứ ở luôn đây cho đỡ tốn.

Bèn sai dọn một cái buồng nhỏ làm nơi đọc sách cho Sinh, hằng ngày sai một ả tiểu hoàn hầu hạ. Mỗi khi có tiệc mời Sinh vào dự, Trụ quốc thường lấy lời dụ dàng khoản tiếp. Nhưng về việc Túy Tiêu, tuyệt nhiên không nhắc nhỡm đến. Sinh mon men hỏi tới. Trụ quốc gạt đi mà rằng:

- Mối tình thương yêu ai mà chẳng thế. Tưởng nàng nhớ thầy, cũng chẳng khác gì thầy nhớ nàng. Nhưng vì ít lâu nay nàng khó ở, nên



chưa thể ra cùng thầy tương kiến được. Thầy hãy cứ thông thả, đi đâu mà vội.

Túy Tiêu nghe Sinh đã đến, cũng muốn được gặp, nhưng trong nhà, nàng hầu vợ lẽ nhiều lắm, vả coi giữ nghiêm ngặt, nên không có dịp nào tìm đến Sinh được. Một hôm nhân buổi chiều sớm chưa tan, thừa lúc những nàng hầu vợ lẽ đi ngủ, nàng lén đến thư phòng của Sinh. Phải lúc Sinh chạy đi đâu vắng, nàng thấy trên vách có đề hai bài thơ.

Nàng toan họa hai bài thơ ấy, nhưng đã nghe thấy tiếng Trụ quốc về đến cổng rồi, thành ra không thể họa và đề được nữa.

Lại một hôm, nàng sai con hầu thân tín của mình là Kiều Oanh đến phòng Sinh xin ngủ. Sinh đuổi ra thì Kiều Oanh nói:

- Túy Tiêu nương tử sai tôi như vậy. Nương tử nghĩ lang quân một mình buồn tẻ, nên sai tôi đến hầu hạ chần gối, cũng như nương tử ở bên mình lang quân.

Sinh bằng lòng. Từ đấy tin tức mới thông mà tình khuê môn mới đạt đến nhau được.

Bấy giờ sắp đến ngày trừ tịch, Sinh nhân lúc tiện, bảo với Trụ quốc rằng:

- Tôi vì một mối ân tình mà vào đây làm người khách trọ, song non Vu gang tắc, tin tức chẳng thông, ngày tháng lửa lần, năm lại gần hết. Cái việc trả châu chẳng dám lại nói đến nữa. Chỉ xin được ở trước rèm một lần gặp

mặt, trò chuyện với nhau một lát để rồi chia tay.

Trụ quốc bằng lòng mà nói:

- Chỉ vài hôm sau nữa là đêm tốt lành, ta sẽ làm cái việc Xương Lê thả nàng Liễu Chi, Nghi Thành buông nàng Cầm Khách, quyết không ngăn cấm sự ham muốn của người khác để thỏa cái vui tai mắt của mình. Nhà thầy hãy nán đợi, đừng lo chậm muộn.

Sinh vâng dạ lui ra.

Đến đêm đã hẹn, Sinh đốt đèn không ngủ ngồi chờ. Chừng một trống canh, bỗng nghe thấy tiếng giày lẹp kẹp ở bên khóm trúc; mở cửa ra đón, té ra là một con hầu áo xanh. Sinh hỏi nó đến làm gì thì ra nó bưng nước chè đến. Một lúc lại thấy ở trước hoa có tiếng sột soạt, xóc áo ra xem, lại thấy một người dây tở trai. Chờ mãi đến quá nửa đêm, vẫn bật tin hơi, rất là thất vọng. Ngày hôm sau sinh bảo với Kiều Oanh rằng:

- Nhờ em nói hộ với Túy Tiêu: Ta nặng mối tình riêng, tin lời nói dối. Ai lại đến đòi gặp mặt một lần nữa để nói chuyện cũng không được, vậy mà lại mong người ta mở cửa để thả cho nàng ra thì có đời nào! Nếu ta cứ ở mãi đây, vạn nhất lòng ghen nổi dậy, kể độc buông ra thì ta là thất cơ mà họ là đắc kế. Về đi thôi! Về đi thôi! Sao nên vì cố muốn tìm ngọc châu mà lại đến nằm ở trước hàm con ly long bao giờ.



Túy Tiêu lại sai Kiều Oanh đến bảo chàng:

- Thiếp sợ dĩ nấn ná ở đây, chưa làm được một cái chết của nàng Lục Châu, là chỉ vì còn có chàng. Nay chàng định về phỏng có ước hẹn với nhau điều gì không? Thiếp nghe lệ cũ bản triều, đêm hôm mùng một Tết có đốt cây bông ở ngoài bờ sông, người trong kinh thành đều kéo ra xem đông nghịt. Nếu chàng chưa nỡ bỏ thì đêm ấy xin chờ đợi nhau. Loan chia phượng hợp, chỉ ở trong một chuyến này. Thiếp hãy xin hoãn để chờ.

Ý Sinh bèn quyết. Trụ quốc thấy Sinh xin đi, lấy làm dễ chịu, tặng cho rất nhiều tiền bạc tơ lụa không tiếc tí gì. Sinh chở nặng một chuyến mà về. Dọc đường gặp người đầy tớ già, hẩn bảo sinh rằng:

- Cậu có sự lo buồn gì chăng? Sao người gầy vô đi khác hẳn ngày trước?

Sinh nói duyên có và kể lời hẹn của Túy Tiêu. Người đầy tớ già nói:

- Việc ấy dễ lắm, tôi xin hết sức giúp cậu.

Đến ngày mùng một, thầy trò cùng ra bến Đông, quả thấy Túy Tiêu đứng xem ở trên bến. Người đầy tớ bèn đi lén vào rút dùi sắt trong tay áo ra, nện búa vào đám người theo hầu, khiến bọn phu kiệu, phu dùi đều chạy tan hết, rồi cướp lấy Túy Tiêu đem đi. Hai người trông thấy nhau, nửa phần thương xót, nửa phần mừng vui, nhưng còn sợ Trụ quốc biết đuổi theo bắt lại. Túy Tiêu nói:

- Hấn chỉ là đồ yếu hèn mà làm đến bậc Vệ Hoắc kêu xin chạy chọt, lúc nào ở cửa cũng rộn rập những người ra vào, vàng bạc châu báu trong nhà, chồng chất đầy rẫy. Trừ ra gặp phải hỏa tai, của cải trong nhà ấy không biết có cách nào tiêu mòn đi được. Nhưng tội đầy ác chúa, thế tất cũng chẳng được lâu. Có điều bây giờ họ còn đương thịnh, uy thế ấy cũng rất đáng sợ. Chi bằng ta ẩn hình nấu vết, về trốn lánh ở chỗ nhà quê, khỏi bày ra tai mắt mọi người để tránh cái vạ nguy hiểm.

Sinh cho là phải, bèn bí mật đưa nhau xuống hạt Thiên Trường ở nhà một người bạn họ Hà. Năm Đại Trị thứ 7, Trữ quốc vì cố xa xỉ mà phải tội, Sinh về kinh sư thi đỗ tiến sĩ, vợ chồng ăn ở với nhau đến già.



CHUYỆN BỮA TIỆC ĐÊM Ở ĐÀ GIANG

Năm Bính Dần (1386), vua Trần Phế Đế đi săn, đỗ lại trên bờ bắc sông Đà, đêm mở bữa tiệc ở trong trướng. Có một con cáo từ dưới chân núi đi về phía nam, gặp một con vườn già, nhân bảo:

- Vua tôi Xương Phù⁽¹⁾ vào rừng săn bắn, để ý vào bọn ta lắm đó. Tính mệnh các loài chim muông, thật là treo ở sợi dây cung. Nếu tuyết chưa xuống, gió chậm về, mình sẽ nguy mất. Tôi định đến kiếm một lời nói để ngăn cản, bác có vui lòng đi với tôi không?

Vườn già nói:

- Nếu bác có thể mà đem lời nói mà giải vây được, đó thật là một việc hay. Nhưng chỉ e nói năng vô hiệu, họ lại sinh nghi, trốn sao khỏi cái nạn thành cháy vạ lây, há chẳng nghe câu chuyện hoa biểu hồ tinh ngày trước.

Con cáo nói:

(1) Niên hiệu của vua Trần Phế Đế.

- Những người theo nhà vua đi săn, phần nhiều là võ nhân bụng không bác vật như Trương Hoa, mắt không cao kiến như Ôn Kiệu, vậy chắc không việc gì mà sợ.

Bèn cùng nhau hóa làm hai người đàn ông mà đi, một người xưng là tú tài họ Viên, một người xưng là xử sĩ họ Hồ, đương đêm đến gõ cửa hành cung, nhờ kẻ nội thị chuyển đệ lời tâu vào rằng:

- Tôi nghe thánh nhân trị vì, cần khôn trong sáng, minh vương sửa đức, chim muông hòa vui. Nay Chúa thượng đương kỳ thái hạnh, làm chủ dân vật, tưởng nên mở lưới võ hiền, giăng chài vét sĩ, đương gọi thì quần mái tóc, đem xe bò ngựa tứ sản những người hiền trong chỗ quê lậu, lấy lễ hậu lời khiêm đón những kẻ sĩ trong đám ẩn dật, khiến trong triều nhiều bậc lương tá để ban ân trạch cho sinh dân, đưa tất cả cuộc đời vào cõi nhân thọ. Cớ sao lại đi săn gấu bắt thỏ, tranh cả công việc của chức Sơn ngưu như vậy!

Bấy giờ vua say rượu đương muốn đi nằm, sai thủ tướng Quý Ly mời hai người vào tiếp đãi, ở phía dưới thềm khách, và biểu bảo cho biết săn bắn là phép tắc đời xưa, sao lại nên bỏ.

Hồ nói:

- Đời xưa đuổi loài tế tượng là để trừ hại, mà mở cuộc sưu miêu là để giảng võ. Chuyện đi săn Vĩ Dương, là vì một ông già không phải gấu cũng không hùm. Vì sự phô phang quân



lính mới có cuộc săn ở Vu Nhâm. Vì sự phô phang cảm thú mới có cuộc bắn ở Trường Dương. Nay thì không thể, đương mùa hạ mà giở những công việc khổ dân không phải thời, giày trên lúa để thỏa cái ham thích săn bắn, không phải chỗ; quanh đầm mà vây, bọc núi mà đốt, không phải lẽ, ngại sao không tau với thánh minh, tạm quay xe giá, để khiến người và vật đều được bình yên!

Quý Ly nói:

- Không nên.

Hồ nói:

- Đó là tôi thương những giống chim hèn muông yếu và xin nài cho chúng. Chứ còn những giống tinh khôn lạnh lẹn thì tự nhiên chúng biết xa chạy cao bay đằng nam núi Nam, đằng bắc núi Bắc, há chịu trần trần một phận áp cây dâu!

Quý Ly nói:

- Nhà vua đi chuyến này, không phải vì ham thích chim muông, chỉ vì nghe ở đây có giống hồ tinh nghìn tuổi, nên ngài muốn đại cử đến để tiêu trừ, khiến loài yêu gian không thể giở trò xằng bậy được, có thể thôi.

Viên đưa mắt cho Hồ rồi mỉm cười. Quý Ly hỏi có, Hồ chợt đáp:

- Hiện giờ sài lang đầy đường lấp lối, sao lại lo đi hỏi đến giống hồ ly?

Quý Ly nói:

- Ngài nói vậy là ý thế nào?

Hồ nói:

- Hiện nay thánh hóa chưa khắp, bờ cõi chưa yên: Bồng Nga là con chó dại, cắn càn ở Nam phương, Lý Anh là con hổ đói gầm thét ở Tây Bắc. Ngô Bệ ngông cuồng tuy đã tắt, Đường Lang lăm lét vẫn còn kia, sao không giương cái cung thánh nhân, tuốt lưỡi gươm thiên tử, lấy nhân làm yên khẩu, lấy nghĩa làm chèo lái, lấy hào kiệt làm nanh vuốt, lấy trung tín làm giáp trụ, cẩn thận lòng cũi để giá ngự những tướng khó trị, sửa chuốt cung tên để dọa nạt những nước bất phục, tóm bắt giặc già, đóng cũi giải về, khiến cho gần xa quang sạch. Có sao bỏ những việc ấy không làm, lại đi lẩn quẩn ở công việc săn bắn dù được chim muông như núi, chúng tôi cũng lấy làm không phục.

Quý Ly nghe lời, hai người mừng thầm nói:

- Thế là mưu kế có kết quả rồi.

Nhân nâng chén rượu đầy lên uống rồi nói bàn vanh vách, trôi như nước xuôi, không bị đuối một tí gì cả.

Quý Ly nói:

- Ta từng tranh luận với người Trung Hoa, người Chiêm, chưa hề chịu khuyết lý bao giờ, thế mà nay phải lúng túng với các gã này. Các gã nếu chẳng phải yêu núi ma rừng thì sao nói năng được nhon sắc như vậy!

Hai người giận mà nói:



- Ông là thủ tướng đáng lẽ nên tiếp dẫn nhân vật để làm đồ dùng cho quốc gia, có sao lại ghen người hiền, ghét người tài, há phải là cái nghĩa ở trong *Kinh Thư* đã nói: "Kẻ khác có tài, coi như ta có".

Quý Ly đổi nét mặt để xin lỗi và an ủi rằng:

- Tôi nghĩ đường đời bây giờ, hiếm có được hạng người như là các ông. Sao các ông không đốt bỏ tôi nỏn, từ giã cá tôm, rước mình con rồng ở Nam Dương, đuổi vó ngựa ký của Bàng Thống, lập công với dương thế, để tiếng về đời sau. Có chi lại đi nằm chết khô ở chốn hang núi, còn ai người biết đến nữa.

Hai người cười mà rằng:

- Chúng tôi nương mình bên cạnh khói, nấu vết chốn hàng mây, ngủ thì lấy cỏ làm đệm êm, khát thì lấy nước suối làm rượu ngọt, vương chân có hoa lá, kết bạn có hươu nai, chỉ biết ăn bách nhai tùng, ngâm trắng vịnh gió, ngô hầu mới khỏi vướng lưới trần. Ai hơi đâu mà đi lo giúp việc đời dù chỉ nhỏ một sợi lông.

Nhân lại nói:

- Chúng tôi vốn là những người phóng lãng, không chịu ở trong vòng ràng buộc. Trước văn hay thơ, thường ngâm vang cả hang núi. Đêm nay bồi tiệc, há lại không có bài nào để kỷ thực ư?

Hồ bèn ngâm rằng:

Khe trong suối biếc nước ngon lành,

Nguyễn Dữ

Đường thế chi màng đến lợi danh.
Hang đá dễ nương mình phóng khoáng,
Vòng trần khôn đặt bước chông chênh.
Bóng tà giấc tỉnh tro hình núi,
Băng lạnh đêm tàn cạn trống canh,
Mây khói rồi đây không dấu vết,
Đôi mình buộc chặt nghĩa non xanh.
Viên cũng ngâm rằng:
Nghìn suối muôn khe có lối thông,
Mặc dầu tha thần bước tây đông,
Tung tăng lúc giỡn cơn mưa núi,
Đứng đỉnh khi chờ ngọn gió sông.
Tiếng bật bờ Tương gào bóng xế
Lệ tràn đất Sở khóc dây cung
Tôi lên rừng, bác vào hang núi
Tìm chốn yên thân cũng một lòng.

Ngâm xong, từ biệt ra đi. Quý Ly mật sai người rón bước theo sau, khi gần đến lưng chừng núi, thấy cả hai hóa làm con cáo và con vượn mà đi biến mất.



CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương. Người đã thùy mị, nét na, lại có thêm tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mến vì dung hạnh, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính hay ghen, đối với vợ phòng ngừa thái quá. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa. Cuộc đoàn viên chưa được mấy lâu thì nhà nước có việc đi đánh Chiêm Thành, bắt đến nhiều lính tráng. Trương tuy là con nhà dòng, nhưng không có học, tên đã ghi trong sổ khai tráng phải ra xung binh loạt đầu. Lúc chàng ra đi, bà mẹ có dặn rằng:

- Nay con phải tạm ra tòng quân, xa lìa dưới gối. Tuy là hội công danh từ xưa ít gặp, nhưng trong chỗ binh cách, phải biết giữ mình, đừng nên tham miếng mồi thơm, để lỡ mắc vào lưới cá. Quan cao tước lớn, nhường để người ta. Có

Nguyễn Dữ

như thế thì mẹ ở nhà mới đỡ lo lắng vì con được.

Chàng quý xuống đất vâng lời dạy. Nàng thì rót chén rượu đầy tiễn chồng rằng:

- Lang quân đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn hầu, trở về quê cũ, chỉ xin ngày về, mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi.

Nàng nói đến đấy, mọi người đều ứa hai hàng lệ.

Bấy giờ nàng đã đương có thai, sau khi tương biệt được mười ngày thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là thằng Đản.

Ngày qua tháng lại, thoát đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm bay vườn thúy, mây ám non tàn, nổi buồn hải giốc thiên thai, lại không thể nào ngăn được. Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dần sinh ốm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái, và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. Song bệnh thể mỗi ngày một trầm trọng hơn, bà mẹ trời lại với nàng rằng:

- Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, cùng vui sum họp. Song tuổi thọ có chừng số trời khó tránh. Dầu khan bác hết, số tận mệnh cùng. Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, không khỏi phải phiền đến con. Chồng con xa xôi, mẹ chết lúc nào, không thể kịp về dền báo được. Sau này trời giúp người lành, ban cho phúc trạch, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn,



xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng nỡ phụ mẹ.

Bà cụ nói xong rồi thì mất. Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ sinh ra.

Qua sang năm sau, giặc Chiêm chịu trối, quân nước kéo về. Trương Sinh tới nhà thì mẹ đã từ trần, con vừa học nói. Chàng hỏi mợ mẹ rồi bế đứa con nhỏ đi thăm. Ra đến đồng đứa con trẻ quấy khóc, Sinh dỗ dành:

- Con nín đi, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.

Đứa con thơ ngây nói:

- Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.

Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nói:

- Khi ông chưa về đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cùng đi, mẹ Đản ngồi cùng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.

Tính chàng hay ghen, nghe đứa con nói vậy, tin chắc đinh ninh là vợ hư, không còn có cách gì tháo cỏi ra được.

Về đến nhà, mắng vợ một bữa cho hả giận. Nàng khóc mà rằng:

- Thiếp vốn nhà nghèo, được vào cửa tía. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm, giữ gìn

một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguội lòng, ngô liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nét hư thân như lời chàng nói. Dám xin trần bạch để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.

Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia từ ai nói ra thì giấu không kể lời con nói; chỉ thường thường mắng mỏ nhiếc móc và đánh đuổi đi. Họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng, cũng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bất đắc dĩ nói:

- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Đâu ngờ ân tình tựa lá, gièm báng nên non. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn nước gió; khóc tuyết bông hoa gãy cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng phu kia nữa.

Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang, ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Kể bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhục nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc My Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho



điều quạ, chẳng những là chịu khắp mọi người phỉ nhổ.

Nói xong gieo mình xuống sông mà chết. Chàng tuy giận là thất tiết, nhưng thấy nàng tự tận, cũng động lòng thương, tìm vớt thây nàng nhưng chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Một đêm phòng không vắng vẻ, chàng ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya, chợt đứa con nói rằng:

- Ô! Cha Đản lại đến rồi!

Chàng hỏi đâu. Nó trở bóng chàng ở trên vách:

- Đây này!

Thì ra khi chàng đi vắng, nàng thường đùa trở bóng mình mà bảo là cha Đản. Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ ra nỗi oan của vợ, nhưng chẳng làm gì được nữa.

Cùng làng với nàng, có người tên là Phan Lang khi trước làm đầu mục bến dò Hoàng Giang, một đêm chiêm bao thấy người con gái áo xanh, đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, Phan thấy có người phường chài đem vào biếu một con rùa mai xanh, sức nghĩ đến chuyện mộng, nhân đem phóng sinh con rùa ấy. Cuối đời Khai Đại nhà Hồ, quân Minh mượn tiếng đưa Trần Thiêm Bình về nước, phạm vào cửa ải Chi Lăng, nhân dân trong nước nhiều người sợ hãi phải chạy trốn ra ngoài bể không may đắm thuyền đều chết đuối cả. Thây Phan Lang giạt vào một cái động rùa ở hải đảo, bà Linh Phi trông thấy nói rằng:

- Đây là vị ân nhân cứu sống cho ta xưa đây.

Linh Phi bèn lấy khăn gấm mà lau, lấy thuốc thần mà đổ, một chốc Phan Lang liền tỉnh lại. Phan trông thấy cung gấm dài dao, nguy nga lộng lẫy không biết là mình đã lạc vào trong thủy tinh cung, Linh Phi bấy giờ mặc tấm áo cẩm vân dát ngọc, đi đôi giày tằm đà nạm vàng cười bảo Phan rằng:

- Tôi là Linh Phi trong Quy động, phu nhân của Nam Hải Long vương. Nhớ hồi còn nhỏ đi chơi ở bến sông, bị người phường chài bắt được, ngẫu nhiên báo mộng, quả được nhờ ơn. Gặp gỡ ngày nay, há chẳng phải lòng trời có ý cho tôi một dịp đền ơn báo nghĩa!

Phi bèn đặt yển ở gác Triều Dương để thiết đãi Phan Lang, dự tiệc còn có vô số những mỹ nhân bận quần nhẹ và búi tóc xể. Trong số có một người, mặt chỉ hơi điểm qua một chút son phấn trông rất giống với Vũ nương. Phan thường nhìn trộm luôn, nhưng không dám nhận. Tiệc xong, người ấy bảo với Phan Lang rằng:

- Tôi với ông vốn người cùng làng, cách mặt chưa bao, đã quên nhau rồi ư?

Bấy giờ Phan mới nhận đích người ấy là Vũ nương. Gạn hỏi nguyên do. Nàng nói:

- Tôi ngày trước không may bị người vu báng, phải gieo mình xuống sông tự tử. Chư tiên trong thủy cung thương tôi vô tội, rẽ một đường nước để cho tôi được khỏi chết, nếu



không thì đã chôn trong bụng cá, còn đâu mà gặp ông.

Phan nói:

- Nương tử từ khi lạc về cung nước, thấm thoát đã hơn một năm chày, há lại không tưởng nhớ đến quê hương ư?

Vũ thị nói:

- Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về thấy người chồng?

Phan Lang nói:

- Thưa nương tử, tôi trộm nghĩ về nương tử, nhà cửa của tiên nhân, cây cối thành rừng, phần mộ của tiên nhân, cỏ gai lấp mắt. Nương tử dầu nghĩ thế, nhưng còn tiên nhân mong đợi ở nương tử thì sao?

Nghe đến đấy, Vũ nương ứa nước mắt khóc rồi nói:

- Tôi có lẽ không thể gửi hình ảnh vết ở đây mãi được. Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía đựng mười hạt minh châu, sai Xích Hồn sứ giả đưa Phan ra khỏi nước. Vũ nương cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:

- Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa, nên lập một đàn giải oan ở bến

Nguyễn Dữ

sông, đốt cây thần đăng chiếu xuống nước, tôi sẽ hiện về.

Về đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với nhà Trương. Ban đầu Trương còn không tin. Nhưng sau nhận được chiếc hoa vàng, mới kinh mà nói:

- Đây quả là vật dùng của vợ tôi xưa thật.

Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau lại có đến hơn 50 chiếc xe nữa, cờ tàn tán lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện. Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói với vào:

- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thê sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể lại về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát biến đi mất.



CHUYỆN LÝ TUỐNG QUÂN

Vua giã Định nhà Hậu Trần lên ngôi ở Mô Độ, hào kiệt bốn phương, gần xa hưởng ứng, đều chiêu tập đồ đảng làm quân Cần Vương. Người huyện Đông Thành là Lý Hữu Chi cũng do chân một người làm ruộng nổi lên, tính vốn dữ tợn nhưng có sức khỏe, giỏi đánh trận. Quốc công Đặng Tất tiến cử cho Lý được làm chức tướng quân, sai cầm một cánh hương binh đi đánh giặc. Quyền vị đã cao, Lý bèn làm những việc trái phép, dựa lũ trộm cướp như lòng ruột, coi người nhỏ sī như cừu thù, thích sắc đẹp, ham tiền tài, tham lam không chán, lại tậu ruộng vườn, dựng nhiều nhà cửa, khai đào đồng nội để làm ao, dồn đuổi xóm giềng cho rộng đất, đi kiếm những hoa kỳ đá lạ từ bên huyện khác đem về. Người trong vùng phục dịch nhọc nhằn, anh nghĩ thì em đi, chồng về thì vợ đổi, ai nấy đều vai súng tay rách, rất là khổ sở nhưng hấn vẫn điềm nhiên không chút động tâm.

Bấy giờ có một ông thầy tướng số đến cửa xin ăn và có thể nói được những việc họa phúc. Lý bảo xem tướng mình, ông thầy nói:

- Lợi cho việc làm không gì bằng nói thẳng, khỏi được tật bệnh không gì bằng thuốc đắng. Nếu ngài dung nạp thì tôi sẽ nói hết lời. Đừng vì đắng miệng mà ghét gủa khiến tôi phải e dè kiêng tránh mới được.

Lý nói:

- Được, không hề gì.

Ông thầy nói:

- Điều thiện ác tích lâu sẽ rõ, sự báo ứng không sai chút nào. Cho nên luận số trước phải luận lý, tướng diện không bằng tướng tâm. Nay tướng quân có dữ mà không lành, khinh người mà trọng của, mượn oai quyền để làm bạo ngược, buông tham dục để thỏa lòng cuồng, đã trái lòng trời, tất bị trời phạt, còn cách nào mà trốn khỏi tai họa!

Lý cười:

- Ta đã có binh lính có đồn lũy, tay không lúc nào rời qua mâu, sức có thể đuổi kịp gió chớp, trời dù có giỏi cũng sẽ phải tránh ta không kịp, còn giáng họa cho ta sao được.

Thầy tướng nói:

- Tướng quân cậy mình mạnh giỏi chưa thể lấy lời nói để cho hiểu được, vậy tôi có chùm hạt châu nhỏ, xin đưa tướng quân xem sẽ biết rõ dữ lành, tướng quân có bằng lòng xem không?



Nhân lấy chùm hạt châu ở trong tay áo ra. Lý trông xem, thấy trong đó có lò lửa, vạc sôi, bên cạnh có những người đầu quý ghê gớm, hoặc cầm thùng chảo, hoặc cầm dao cưa, mình thì đương bị gông xiềng, bò khúm núm ở bên vạc dầu, lấm lét sợ hãi. Hỏi có cách gì cứu gỡ không, thì thầy tướng nói:

- Góc ác đã sâu, mầm vạ sắp nảy. Cái kế cần kíp ngày nay chỉ còn có đuổi hết hầu thiếp, phá hết vườn ao, trút bỏ binh quyền, quy đầu phúc địa, tuy tội chưa thể khỏi được, nhưng cũng còn có thể giảm trong muôn một.

Lý ngẫm nghĩ lúc lâu rồi nói:

- Thôi thầy ạ, tôi không thể làm thế được. Có ai lại vì lo cái vạ sau này chưa chắc đã có, mà vứt bỏ những cái công cuộc sắp thành làm hì hục trong mấy năm bao giờ.

Sau đó hấn càng làm những sự dâm cuồng, chém giết, không kiêng dè gì cả. Người mẹ tức giận nói:

- Ua sống ghét chết, ai ai cũng lòng, có sao mà hay làm những sự giết chóc như vậy. Không ngờ ta đến lúc tuổi già, lại phải trông thấy đứa con mắc hình lục có ngày.

Người con trai Lý là Thúc Khoản cũng thường can ngăn cha luôn, nhưng Lý chứng nào vẫn giữ tật ấy. Năm 40 tuổi thì Lý chết ở nhà; ngoài đường sá người ta bàn bạc huyền hoa, bảo với nhau rằng:

- Kẻ làm thiện thường phải chết về đao binh, kẻ làm ác lại được chết trong nhà cửa, đạo trời để đâu không biết!

Trước đây có người bản châu là Nguyễn Quý, khảng khái, chuộng điều khí tiết, vốn cùng chơi thân với Thúc Khoản, nhưng chết đã 3 năm nay rồi. Một hôm Thúc Khoản đi chơi sớm, chợt gặp ở đường; Nguyễn Quý bảo Thúc Khoản rằng:

- Phụ thân anh sắp bị đem ra tra hỏi. Tôi vì quen thân với anh, nên đến bảo cho anh biết trước. Anh có muốn xem, tối mai tôi cho người đến đón, anh sẽ được xem. Nhưng xem rồi cần phải giữ gìn. Nếu nói hớ ra một lời thì tai vạ sẽ lây sang đến tôi ngay.

Nói xong liền biến mất không thấy đâu nữa. Đến hẹn, Thúc Khoản ngồi trong một buồng nhỏ ngóng đợi. Nửa đêm, quả thấy mấy người lính đầu ngựa đến đón tới một cung điện lớn. Trên điện có một vị vua, bên cạnh đều những người áo sắt mũ đồng tay cầm phủ việt đồng mác, dàn ra hàng lối đứng châu chực rất là nghiêm túc. Chợt thấy bốn vị phán quan từ bên tả vu đi ra mà một viên tức là Nguyễn Quý. Bốn viên này tay đều cầm thẻ, quỳ đọc ở trước án son. Một viên đọc:

- Viên quan kia tên là Mỗ ở đời cứng vương, không kiêng sợ kẻ quyền quý; tước vị càng cao, càng biết khiêm nhường, rồi lại biết quên mình để chết vì việc nước, làm rạng rỡ cho nước nhà.



Thần xin tâu lên Đế đình, cho người ấy được làm tiên.

Một viên nói:

- Ở nhà kia có tên Mỗ, vốn người tham bản, hối lộ dập dìu; lại lấy lộc trạt mà hợm hĩnh ngông nghênh khinh miệt những người có đức, chưa từng cất nhắc kẻ hiền sĩ để giúp việc nước. Thần xin chuyển báo cho tòa Nam tào tước bỏ tên ra.

Một viên nói:

- Ở châu kia có người họ Hà gắng sức làm thiện, hằng ngày trong nhà thường phải thiếu ăn, gần đây nhân sau hồi binh lửa, tật dịch nổi lên, người ấy lại cho đơn cấp thuốc, số người nhờ thế mà khỏi chết đến hơn một nghìn. Thần muốn xin cho người ấy thác sinh vào nhà có phúc, hưởng lộc ba đời, để báo cái ơn đã cứu sống cho nhiều người.

Một viên nói:

- Ở thôn kia có gã họ Đinh, bắt mục với anh em, chẳng hòa với tôn tộc, thừa dịp các cháu bé dại chữa lại chúc thư để chiếm cướp lấy cả ruộng nương, khiến họ không còn có miếng đất cấy dùi. Thần muốn bắt người ấy phải chịu thác sinh vào nhà kẻ hèn, đói khát, nằm vạ vật ở ngòi rãnh, để báo với sự đã đi tranh cướp của người.

Đức vua đều y theo lời tâu.

Kế đó có một người áo đỏ từ bên hữu vu đi ra, cũng quỳ trước án mà tâu rằng:

- Công việc của sở thần coi giữ, có người họ Mỗ tên Mỗ, ngoan ngu bất pháp, giam cầm trong ngục một năm nay chưa đem xét xử. Nay xin được đem ra thỉnh mệnh ở trước Vương đình.

Nhân đọc một bản buộc tội.

Tuyên đọc xong, thấy kẻ lại dịch điệu Hữu Chi ra, đặt quỳ phủ phục ở dưới cửa, lấy roi đánh rất dữ dội, máu tươi bắn ra nhầy nhọt. Hữu Chi kêu rên giã giụa, tỏ ra đau đớn không chịu nổi. Chợt nghe trên điện nói:

- Chia buồng xét việc là bốn phạm của lũ người, có sao việc ấy lại để chậm đến một năm nay?

Người áo đỏ nói:

- Vì y tội ác chồng chất, nên chưa dám đoán định một cách xốc nổi. Bữa nay tâu lên thì việc án mới thành.

Nhân tâu trình các tội như sau:

- Kẻ kia ghẹo vợ người, dâm con người, tội nên xử thế nào?

Đức vua nói:

- Đó là vì hấn đắm chìm trong bể ái, nên lấy nước sôi rửa ruột để cho tình dục không sinh.

Tả hữu liền lôi ra bỏ vào cái vạc đương sôi, thân thể Hữu Chi đều nát rữa cả ra. Rồi lấy nước thần sẽ rảy, một lát Hữu Chi lại trở lại lạnh lặn như là người thường.

- Kẻ kia chiếm ruộng của người, phá sản của người, nên xử thế nào?



- Đó là vì suốt tham chìm nó, nên lấy lưới truy thủ moi ruột để cho lòng tham không nổi lên nữa.

Tả hữu liền rạch bụng moi hết gan ruột phủ tạng ra ngoài. Rồi lại lấy càn đương sẽ phát, một chốc thì thân thể lại nguyên lành lặn.

- Đến như phá mồ mả của người đời xưa, hủy đạo thường với người ruột thịt, nên xử thế nào?

Đức vua im lặng lúc lâu rồi nói:

- Đó là sự càn rỡ không có chừng mực nào nữa, dù xử bằng những hình cây kiếm núi đao, nước đồng gậy sắt cũng chưa đủ thỏa. Vậy chỉ nên áp giải vào ngục Cửu U lấy dây da chết lấy đầu, lấy dùi lửa đóng vào chân, chim cắt mổ vào ngực, rắn độc cắn vào bụng, trầm luân kiếp kiếp, không bao giờ được ra khỏi.

Quý sứ liền vào lời Hữu Chi điệu đi. Bấy giờ Thúc Khoản ở khe tường dòm thấy, khóc thất thanh đi. Mấy người quý sứ liền lấy tay bưng miệng rồi đưa về nhà, ném chàng từ trên không xuống đất. Thúc Khoản giật mình tỉnh dậy, thấy người nhà đương ngồi chung quanh mà khóc, nói mình chết đã hai ngày rồi, chỉ vì thấy ngực hầy còn thoi thóp và hơi nóng nóng, cho nên chưa dám đem chôn. Thúc Khoản bèn ruồng bỏ vợ con, đem của cải tán cấp cho mọi người và đốt hết những văn tự nợ, vào rừng hái thuốc tu luyện. Câu chuyện ấy Thúc Khoản giấu kín, chỉ có chàng và vài người bố già được biết mà thôi, cho nên cũng ít truyền.

CHUYỆN LỆ NƯƠNG

Nguyễn Thị Diễm là người một họ lớn ở huyện Đông Sơn (Thanh Hóa) em họ ngoại của Trần Khát Chân; cùng người đàn bà họ Lý quê ở huyện Cẩm Giàng (Hải Dương) cùng mở ngôi hàng bán phấn đối cửa nhau tại bên ngoài thành Tây Đô (Thanh Hóa). Xóm giềng gần gũi, tình nghĩa ngày một thân, nhưng cả hai đều chưa con cái. Một hôm, đến động Hồ Công làm lễ cầu tự, Lý thị bảo với Nguyễn thị rằng:

- Chúng ta ở trong phố vẫn quen thân nhau, việc đi lễ cầu tự hôm nay lại không hẹn mà cùng giống nhau. Nếu mà hương lửa có duyên, sau này ta sẽ cho các con sánh nên đôi lứa. Bình dân ta lại làm bạn với bình dân, chẳng cần phải kén chọn con ông cháu cha gì cả; nói có Sơn thần chứng giám, tôi quyết không sai lời.

Rồi đó Nguyễn thị quả sinh con gái đặt tên là Lệ Nương. Lý thị quả sinh con trai đặt tên là Phật Sinh. Hai trẻ đến khi trưởng thành đều ham nghề nghiên bút. Vì có hai bên cha



mẹ thân mật, nên họ cùng đi lại với nhau suông sã, thường cùng nhau sướng họa thơ từ. Tuy kỳ cưới xin chưa định, nhưng hai tình gắn bó, đã chẳng khác chi vợ chồng vậy.

Niên hiệu Kiến Tân năm Kỷ Mão (1399) đời Trần, xảy ra cái vua Trần Khát Chân⁽¹⁾, Lệ Nương bị bắt vào trong cung, Phật Sinh rất là thất vọng. Gặp đêm trừ tịch gần hết canh năm, Sinh còn đương nằm ngủ, chợt nghe có tiếng ầm ối. Sinh vùng dậy đẩy cửa ra xem, thấy có hơn trăm chiếc kiệu hoa rậm rịch đi qua, và có một bức thư bằng lụa cài vào ngưỡng cửa, trong thư chính là bút tích của Lệ Nương.

Sinh đọc thư, rất là đau buồn, bỏ cả ăn ngủ. Rồi vì cố hôn sự đã hỏng, bèn thiên ra ở ngoài miền đông. Nhưng nặng tình với Lệ Nương, Sinh chưa nỡ lấy ai cả.

Cuối đời nhà Hồ, tướng Minh là Trương Phụ chia binh vào cướp, lấn chiếm kinh kỳ. Sinh nghe Hán Thương phải chạy, đoán chắc là Lệ Nương cũng phải đi theo, bèn từ biệt mẹ đi vào nam, mong được gặp mặt. Lặn lội hàng tuần mới đến cửa bể Thần Phù, nghe tướng giặc Lã Nghị bắt cướp mấy trăm phụ nữ hiện đóng giữ ở phủ Thiên Trường trơ trọi không có quân ứng viện. Sinh đoán chắc Lệ Nương cũng ở trong ấy. Nhưng đất khách tay không, chẳng làm gì được. Chợt gặp khi vua Giản Định nổi quân

(1) Trần Khát Chân mưu giết Hồ Quý Ly không thành, bị Quý Ly giết và bắt bớ đến cả thân tộc.

lên ở châu Trường An, nhưng vì ít binh không địch nổi với số nhiều của quân giặc. Sinh muốn nhờ thế quân của vua, đánh úp mà cướp lại Lệ Nương, bèn đến trước ngựa dâng một bài sách.

Bài sách ấy dâng lên, vua Giản Định xem, mà khen là người giỏi, cấp cho năm trăm quân, sai đi đánh phủ Thiên Trường. Sinh khải thề quân, dụ bảo họ về sự hưng phục nghiệp Trần ai nấy đều hăng hái, hăm hở. Bèn nhân nước thủy triều dâng lên tiến đánh, Lã Nghị quả nhiên phải nhỏ trại chạy trốn, lùi lên phía bắc đóng ở Xương Giang. Phá luôn một trận nữa, giặc phải lùi lên trạm Bắc Nga thuộc về Lạng Sơn. Sinh lại đóng án ngữ ở cửa Quỷ Môn, lần lượt vận tải binh lương đến.

Chợt ở Yên Kinh có chiếu thư rút quân ban xuống, Trương Phụ đốc xuất các quân sắp sửa kéo về. Sinh vốn vì sự tìm vợ mà đến đây, không phải có chí lập công, nay nghe quân Tàu sắp rút về, bèn cùng các tướng sĩ chia tay từ biệt, lần đến trạm Bắc Nga vào một buổi tối. Bấy giờ nhà trạm vắng tanh không có ai mà hỏi han cả. Chợt gặp một bà già, hỏi thăm thì bà cau mày bảo:

- Đây là chỗ quân đóng vừa rồi, đầy những sát khí, trời lại đã tối, chàng ở đâu đến đây mà giờ chưa tìm vào nhà trọ?

Sinh rầu rĩ kể rõ sự tình, bà già nói:



- Tội nghiệp! Quả có người họ tên và trạc tuổi như lời chàng nói, nhưng chẳng may đã chết oan rồi.

Sinh giật mình hỏi, bà già nói:

- Trước đây năm hôm, quân Tàu sắp rút, người đàn bà họ Nguyễn ấy bảo với hai bà phu nhân họ Chu họ Trinh rằng: "Bọn chúng ta vóc mềm tựa liễu, mệnh bạc như vôi, nước vỡ nhà tan lưu ly đến đó. Nay nếu lại theo họ sang qua cửa ải tức là đến nước non quê người. Chẳng thà chết rấp ở ngòi lạch, gần gũi quê hương, còn hơn là sang làm những cái cô hồn ở bên đất bắc". Thế rồi mấy người đều cùng nhau tự tận. Tướng Tàu thương là có tiết tháo, dùng lễ mà táng ở trong rừng.

Nói xong, bà già đưa sinh đến, trở từng ngôi mộ cho biết và bảo:

- Trinh thuần cương liệt, ấy chỗ có mấy người này, còn thì đều bị nhuốc nhơ cả.

Sinh đau thương vô hạn. Đêm hôm ấy chàng ngủ ở mộ, khóc mà nói rằng:

- Ta vì nàng mà từ xa đến đây, nàng có thể cùng ta gặp gỡ trong giấc chiêm bao để cho ta một lời yên ủi hay không?

Đêm đến canh ba, Sinh quả thấy Lệ Nương lững thững đi đến.

Vợ chồng bèn cùng nhau âu yếm chuyện trò, y như lúc sống. Sinh nói:

- Nàng đã không may, vậy anh đem linh thần về, khỏi uổng một chuyến đi không lại trở về rồi.

Nàng nói:

- Thiếp rất cảm tấm thâm tình ấy. Song thiếp cùng hai vị mỹ nhân gần gũi lâu ngày, giao tình thân mật, không nỡ một sớm bỏ đi. Phương chi chốn này nước non trong sáng, mây khói vật vờ, thần yên phách yên, bất tất phiền chàng dời dỗi nữa.

Sau khi gả gáy ba hồi, hai người vợ cùng nhau đứng dậy từ biệt. Ngày hôm sau, Sinh đem mấy lạng bạc, mua quan tài và nước thơm, cải táng cho nàng và cả hai mỹ nhân. Đêm sau mộng thấy ba người đến tạ ơn; chàng đương toan lại cùng trò chuyện thì thoát chốc cả ba đều biến mất.

Chàng buồn rầu quay về, từ đấy không lấy ai nữa.

Đến sau vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn. Sinh vì mối hờn oán cũ, đem quân ứng mộ, phàm gặp tướng sĩ nhà Minh, đều chém giết dữ dội cho hả. Cho nên vua Lê phá diệt quân Minh, Sinh có dự nhiều công.



CHUYỆN TUỞNG DẠ XOA

Kể kỳ sĩ ở hạt Quốc Oai, họ Văn tên là Dĩ Thành tính tình hào hiệp, không chịu dễ ma quỷ mê hoặc. Phàm những hoa yêu nguyệt quái, và dâm thần lệ quỷ không được liệt vào tự điển, chàng đều coi thường không sợ hãi gì. Cuối đời Trùng Quang nhà Trần, người chết chóc nhiều, những oan hồn không chỗ tựa nương, thường họp lại thành từng đàn lũ, hoặc gõ cửa hàng cơm để kiếm miếng ăn, hoặc đón cô gái chơi để kết duyên tạm, ai va chạm thì bệnh nguy khốn, ai cầu cúng thì thấy hết phép hay, hoành hành ở đồng nội không biết kiêng sợ gì cả. Dĩ Thành nhân lúc say rượu, cười ngửa đi ra, bọn ma quỷ sợ hãi, đều tan chạy cả. Chàng kíp gọi bảo rằng:

- Các người đều là những kẻ tráng sĩ, không may mắc nạn. Ta nay đến thăm, muốn đem điều lợi hại nói chuyện, xin đừng lảng tránh như vậy.

Ma quỷ lại dần dần họp lại, mời chàng lên ngồi phía trên, Dĩ Thành hiểu bảo rằng:

- Lũ người cú thích làm cho người ta phải tai nạn, làm cho người ta phải chết chóc, chẳng hay cốt để làm gì?

Chúng nói:

- Chúng tôi muốn để thêm quân.

- Các người muốn cho thêm quân nhưng tôn hại người sống thì sao! Quân thêm thì ăn uống phải thiếu, người bớt thì cung cấp phải thừa, lợi gì cho các người mà cứ thích làm như vậy? Lòng dục thả ra thì khe ngòi không đủ lấp, thói ác giở ra thì hùm sói chưa là đủ. Hễ lợi mình được, dù tấm áo mảnh giấy cũng không từ, hễ no lòng được, dù ống giập chậu vỡ cũng không thẹn. Hỳ hục đi tìm chai lọ, hăm hở đi kiếm cháo cơm. Gieo tai rắc vạ, trộm quyền của Hóa công, kêu nóc dòm buông, rồi lòng của dân chúng. Lũ người lấy thế làm thích nhưng mà ta lấy thế làm thẹn. Huống chi trời dùng đức chứ không dùng uy, người ưa sinh chứ không ưa giết. Vậy mà lũ người tự làm họa phúc, quá thả kiêu dâm. Thượng đế không dong, hình phạt tất đến, lũ người định trốn đi đằng nào để khỏi tru lục.

Chúng quỷ bùi ngùi nói:

- Đó là chúng tôi bất đắc dĩ chứ không phải là muốn như thế. Sống chẳng gặp thời, chết không phải số. Đói không có thứ gì cấp dưỡng, lui không có chốn nào tựa nương. Trong gò xương trắng rầu rĩ cỏ rêu, trên đồng cát vàng, lạnh lùng sương gió. Bởi vậy không khỏi rủ rê bè bạn, xoay sở miếng ăn. Phương chi vận sắp



đến lúc đổi thay, nhà người sẽ đến cơ tan tác. Bởi vậy mình ty không cấm đoán, lũ tôi dễ tung hoành. E rằng sang năm lại còn tệ hơn năm nay nữa.

Rồi đó nhà bếp dọn cỗ lên, mâm bàn la liệt. Hỏi đến nguồn gốc thì thật là con trâu bắt ở thôn nọ, rượu là thúng bồng lấy ở làng kia. Sinh ăn uống rất lạnh, như mưa như gió. Chúng quý mừng rỡ bảo nhau rằng:

- Thật đúng là chủ soái của ta.

Rồi chúng nói với Sinh:

- Chúng tôi là một đám ô hợp mỗi người đều tự hùng trưởng, đã không có người đứng thống xuất, thế tất không thể lâu bền. Nay sứ quân rũ lòng yêu mà đến đây, đó là trời đem sứ quân cho lũ chúng tôi đấy.

Dĩ Thành nói:

- Ta văn võ kiêm toàn, dù hèn cũng làm tướng được. Nhưng u minh cách trở, còn bà mẹ già thì sao?

Chúng quý nói:

- Không, chỉ xin sứ quân giữ sự uy nghiêm, ban cho hiệu lệnh. Chúng tôi ban ngày thì chia khu ở tản, đến đêm thì sai viên bắt trình. Không dám phiền ngài phải trở về chín suối.

Dĩ Thành nói:

- Nếu bất đắc dĩ dùng đến ta, ta có sáu điều làm việc, các người phải thề mà tuân theo mới được.

Chúng đều vâng dạ, nhân xin đến đêm thứ ba tới chỗ đó lập đàn. Đến kỳ, chúng quỷ đều lại họp. Có một tên quỷ già đến sau. Sinh sai đem chém, ai nấy đều run sợ. Sinh bèn ra lệnh rằng:

- Các người không được coi khinh mệnh lệnh, không được quen thói dâm ô, không quấy quắc dễ làm hại mạng của dân, không cướp bóc và phải cứu nạn cho dân, ban ngày không được giả hình, ban đêm không được kết đảng. Nghe mệnh ta thì ta làm tướng các người, trái mệnh ta thì ta trị tội các người. Nghe rõ lời ta, đừng để hậu hối.

Đó rồi bèn chia bọn chúng ra từng bộ, từng tốt bảo phạm có điều gì hay dở, phải bảm trình.

Như vậy được hơn một tháng, một hôm đương lúc ngồi nhàn, Dĩ Thành thấy một người tự xưng là sứ giả của Minh ty, đến xin mời chàng đi. Dĩ Thành toan lảng tránh, thì người ấy nói:

- Đó là mệnh lệnh của đức Diêm Vương. Vì ngài thấy ông là người cương nghị, định đem phẩm trật tặng cho, chứ không làm gì phiền ông đâu, đừng nên từ chối. Có điều là xin để cho ông được rộng kỳ hạn, ông sẽ tự đến, tôi đợi ông ở dọc đường.

Nói xong không thấy đâu nữa, Sinh đòi chúng quỷ lại để hỏi, chúng đều nói:

- Bẩm, quả có việc ấy thật, chúng tôi chưa kịp thưa với sứ quân. Nhân hôm nọ Diêm



Vương thấy buổi đời gặp lúc không yên, có đặt ra bốn bộ Dạ xoa, mỗi bộ cử một viên tướng, giao cho cái quyền hành sát phạt, ủy cho những tính mệnh sinh linh, trách nhiệm lớn lao, không như mọi quan chức khác. Sứ quân oai vọng lẫy lừng, ngài đã biết tiếng, lại nhân chúng tôi hết sức tiến cử, nên ngài định cử Sứ quân vào chức lớn ấy.

Dĩ Thành nói:

- Như lời các người nói thì đó là cái phúc hay là cái họa cho ta?

- Dưới Diêm la tuyển người không khác gì tuyển phạt, không thể dứt lót mà được hay cầu may mà nên. Giữ mình cương chính, tuy hèn mọn cũng được cất lên, ở nét gian tà tuy hiển vinh cũng không kể đến. Cái nhậm vụ huấn luyện quân thốc, chẳng thuộc về Sứ quân thì còn về ai. Nếu Sứ quân còn ham luyện vợ con, dùng dằng ngày tháng, thì chức ấy sẽ lọt về tay người khác, chúng tôi cũng sẽ phải buồn rầu.

Dĩ Thành tác lưỡi nói:

- Chết tuy đáng ghét, danh cũng khôn mua. Phương chi ngọn bút vì nhọn mà chóng cùn, cây thông vì cành mà bị đẵn, chim trĩ không vì lông đẹp, can chi rước vạ, con voi không vì ngà trắng, đâu phải đốt mình, chim hồng, chim nhạn bị giết há bởi không kêu, cây hu cây lịch sống lâu chỉ vì vô dụng. Tu văn dưới đất Nhan Hồi tuổi mới ba mươi hai, viết ký lâu trời, Trường Cát trạc chừng hai mươi bảy, trượng

phu sinh ở đời, không làm nên được lưng đeo vàng, chân bước ngọc, thì cũng phải sao cho lưu danh muôn thuở, tội gì cứ cúi đầu ở trong cõi đời vắn đục, so kè cái tuổi sống lâu với chết non làm gì!

Bèn trang xếp việc nhà rồi chết.

Bấy giờ có người làng là Lê Ngộ, cùng Dĩ Thành vốn chỗ chơi thân, phiêu bạt ở vùng Quế Dương, ngụ trong một nhà trọ. Một hôm chừng quá canh một, Lê Ngộ thấy một người cười ngựa thanh song, kẻ hầu đầy tớ rộn rịp, đến xin vào yết kiến. Chủ trọ vén màn ra đón: Lê Ngộ rất lấy làm lạ là tiếng nói của khách giống tiếng Dĩ Thành, nhưng trông mặt thì hơi không giống. Lê Ngộ toan ra cửa để tránh thì khách nói:

- Có nhân biết ông, ông lại không biết có nhân là làm sao?

Nhân kể quê quán họ tên và nói mình đã lĩnh chức quan to ở dưới âm phủ, vì có tình cũ với Lê Ngộ nên tìm đến thăm.

Bèn cởi chiếc áo cừu, cố cho nhà hàng lấy rượu để uống làm vui. Rượu uống mấy tuần, Lê nhân nói:

- Tôi xưa nay ở đời, vẫn để ý tu lấy âm công, không mưu sự ích lợi riêng mình, không gieo sự nguy bách cho mọi người, dạy học thì tùy tài dụ dịch, tự học thì cực lực dùi mài, không ước sự vắn vợ, không làm điều quá đáng. Vậy mà sao lại phải bốn phương kiếm miếng, chiếc bóng nhờ người, con khóc lóc đói lòng, vợ than



rét cát, về thì thiếu túp lều chắn gió, đi thì không chiếc nón che mưa, hết đông rồi tây, long đong chạy mãi. Thế mà bạn bè thì nhiều người đi làm quan cả, so bề tài nghệ cũng chỉ như nhau mà thân danh khác xa nhau lắm; kể sướng người khổ như thế là có làm sao?

Dĩ Thành nói:

- Phú quý không thể cầu, nghèo cùng do tự số. Cái gì không làm mà nên là bởi trời, không vờ mà đến là bởi mệnh. Cái đáng quý ở kẻ sĩ chỉ là nghèo mà không xiêm nịnh, cùng mà vẫn vững bền, làm việc theo địa vị của mình và thuận với cảnh ngộ mà thôi còn sự cùng thông sắc nhứt thì ta có thể làm gì cưỡng với chúng nó được.

Rượu đã uống cạn, lại khêu đèn cùng nhau trò chuyện, kéo dài mãi vẫn không biết chán. Ngày hôm sau trong lúc tương biệt, Dĩ Thành đuổi hết mọi người ra rồi nói:

- Tôi mới vâng lệnh của Thượng đế, kiêm coi cả bốn quân ôn dịch, chia đi làm việc ở các quận huyện lại thêm những nạn đói khát, binh cách, số dân sinh sẽ phải tiêu hao, mười phần chỉ còn được bốn năm. Người nào nếu không phải nguồn phúc sâu xa, e sẽ đến ngọc đá đều nát chung cả. Nhà bác phúc mỏng, tựa như không thể tránh khỏi được, nên sớm về quê quán, đừng lần lữa mãi ở đất khách quê người.

Lê nói:

- Tôi tưởng rất có thể trông nhờ ở bác che chở cho chứ?

Dĩ Thành nói:

- Không phải trong địa hạt của tôi, tôi không có thể vượt qua được. Trường Giang trở về phía bắc do tôi chủ trương, còn Trường Giang trở sang phía tây, do viên tướng họ Đinh trông coi. Nhưng tôi quản lĩnh quân áo đen, chúng nó còn có từ tâm, chứ họ Đinh quản lĩnh quân áo trắng, phần nhiều là những tên ác quỷ, bác không nên không lo liệu trước.

Lê hỏi:

- Vậy thì làm thế nào?

Dĩ Thành nói:

- Mỗi một soái bộ đêm sai hàng hơn một nghìn tên quân, chia đi làm ôn dịch các nơi. Bác nên sắm nhiều cỗ bàn bày sẵn ở sân. Bọn chúng từ xa đến tất là đói khát, thấy cỗ liền ăn mà không suy nghĩ gì. Bác núp ở một chỗ tối, đợi khi thấy ăn uống gần xong, bấy giờ mới ra sụp lạy, nhưng cũng đừng kêu nài gì cả. Như thế họa may có cứu vãn được phần nào chăng.

Đoạn rồi ứa nước mắt cùng nhau từ biệt.

Lê Ngô về quê nhà, thì bệnh dịch dương nổi rất dữ, vợ con đều mắc rất nặng, hầu không thể nhận được nhau nữa. Bèn theo lời Dĩ Thành, đêm hôm ấy làm cỗ rất hậu bày ra ở sân. Quả thấy có đám đông quỷ sứ, từ trên không bay đến nhìn nhau mà nói:

- Chúng ta đều đói cả, sẵn cỗ đây không ăn thì còn đi đâu. Chả lẽ vì uống mấy chén rượu mà đã đến phải tội được.



Chúng bèn cùng quây lại đánh chén. Một người mặc áo tía chễm chệ ngồi chính giữa, còn những người đều đứng châu chung quanh, kẻ cầm dao búa, người cầm sổ sách. Thấy họ ăn uống gần xong, Lê Ngộ ra lạy mãi, lạy mãi. Người áo tía nói:

- Ta đương đánh chén, gã kia đến đây làm gì?

Chúng quý nói:

- Chắc là người chủ bày những mâm cỗ này, nhà hấn có người ốm nặng kêu xin châm thuốc.

Người áo tía tức giận, cầm quyển sổ ném xuống đất mà nói:

- Lẽ đâu vì cho mâm cỗ sơ sài mà đánh đổi được năm mạng người hay sao!

Chúng quý nói:

- Nhưng đã ăn của nhà nó, chẳng lẽ nỡ làm ngơ không cứu. Thôi thì dù có vì cứu nó mà phải tội, dầu chết ta cũng bằng lòng.

Người áo tía ngẫm nghĩ một lúc lâu, bèn lấy bút son xóa bỏ hơn mười chữ rồi đi. Sau vài ngày, nhà họ Lê ai nấy đều khỏi cả. Lê cảm ơn ân đức của Dĩ Thành, bèn lập miếu ở nhà để thờ. Người làng đến khấn vái kêu cầu cũng thường ứng nghiệm.

MỤC LỤC

Trang

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

• TRUYỆN HỌ HỒNG BÀNG	7
• TRUYỆN NGƯ TINH	12
• TRUYỆN HỒ TINH	14
• TRUYỆN ĐỒNG THIÊN VƯƠNG	16
• TRUYỆN NHẤT DẠ TRẠCH	20
• TRUYỆN MỘC TINH	25
• TRUYỆN CÂY CAU	28
• TRUYỆN BÁNH CHƯNG	30
• TRUYỆN DƯA HẤU	32
• TRUYỆN CHIM BẠCH TRÍ	34
• TRUYỆN LÝ ÔNG TRỌNG	36
• TRUYỆN GIẾNG VIỆT	38
• TRUYỆN RỪA VÀNG	43
• TRUYỆN HAI BÀ TRINH LINH PHU NHÂN HỌ TRÚNG	48
• TRUYỆN MAN NƯỚNG	50
• TRUYỆN NAM CHIẾU	53
• TRUYỆN SÔNG TỔ LỊCH	56
• TRUYỆN NÚI TẢN VIÊN	58
• TRUYỆN HAI VỊ THẦN Ở LONG NHÂN, NHƯ NGUYỆT	61
• TRUYỆN TỬ ĐẠO HẠNH VÀ NGUYỄN MINH KHÔNG	63
• TRUYỆN DƯƠNG KHÔNG LỘ VÀ NGUYỄN GIÁC HẢI	71
• TRUYỆN HÀ Ô LỘI	75
• TRUYỆN TƯỚNG QUÂN HỌ CAO Ở VŨ NINH	80

• TRUYỆN THẦN SÔNG BẠCH HẠC	84
• TRUYỆN THẦN CHÍNH KHÍ LONG ĐỒ	86
• TRUYỆN QUỐC SƯ XÂY ĐỀN SÓC THIÊN VƯƠNG	88
• TRUYỆN ĐỀN THỜ HOÀNG THÁNH ĐẠI VƯƠNG	90
• TRUYỆN BÀ PHU NHÂN TRINH LIỆT MỸ Ế	92
• TRUYỆN ỨNG THIÊN HÓA DỤC HẬU THẦN	94
• TRUYỆN VỊ THẦN NÚI HỒNG LĨNH	96
• TRUYỆN THẦN NÚI VỌNG PHU	97
• TRUYỆN CON TRÂU VÀNG Ở HUYỆN TIỀN DU	98
• TRUYỆN VỊ THẦN Ở LÀNG BỐ BÀI	100
• TRUYỆN VỊ THẦN Ở CHĂM LINH ĐÀM	102

TRUYỆN KỶ MẠN LỤC

• CHUYỆN NGƯỜI NGHĨA PHỤ Ở KHOÁI CHÂU	105
• CHUYỆN CÂY GAO	112
• CHUYỆN GẤ TRÀ ĐỒNG GIÁNG SINH	120
• CHUYỆN ĐỐI TỤNG Ở LONG CUNG	131
• CHUYỆN CHÚC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN	142
• CHUYỆN PHẠM TỬ HƯ LÊN CHƠI THIÊN TÀO	150
• CHUYỆN ĐỐI ĐÁP CỦA NGƯỜI TIÊU PHU NÚI NA	157
• CHUYỆN CÁI CHÙA HOANG Ở ĐÔNG TRÀO	164
• CHUYỆN NÀNG TÚY TIÊU	171
• CHUYỆN BỮA TIỆC ĐÊM Ở ĐÀ GIANG	179
• CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG	185
• CHUYỆN LÝ TƯỚNG QUÂN	192
• CHUYỆN LỆ NƯƠNG	200
• CHUYỆN TƯỚNG DẠ XOA	205

LÍNH NAM CHÍCH QUÁI TRUYỀN KỲ MẠN LỤC

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung - Hà Nội. ĐT: 04 9434 730 - 04 9435 831 - FAX: 04 8229 085
Internet web site: <http://www.nxbkimdong.com.vn> - Email: kimdong@hn.vnn.vn

TRUNG TÂM SÁCH KIM ĐỒNG MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm - TP. Đà Nẵng. ĐT: 0511 812 333 - 0511 812 335 - FAX: 0511 812 334
Email: mtkimdong@dng.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG

268 Nguyễn Đình Chiểu - TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 08 9303 832 - FAX: 08 9305 867
Email: cnxnbkimdong@hcm.fpt.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo: LÊ THỊ DẤT

Biên tập: TRẦN ĐÌNH NAM

Trình bày: LƯU QUANG THUY

Trình bày bìa: VĂN SÁNG

Sửa bài: PHẠM THANH HẢI

In 2.000 bản - Khổ 12,5 cm x 20,5 cm - Tại Công ty In Công Đoàn Việt Nam

Số xuất bản: 342-2006/CXB/02-34/KD cấp ngày 3/5/2006

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2006

Lĩnh Nam chích quái Truyền kỳ mạn lục



*Lĩnh Nam chích quái (Những chuyện lạ siêu
tâm ở Lĩnh Nam) là tập sách ghi chép những
truyền thuyết, truyện cổ của nước ta, được
viết bằng chữ Hán, vào đời Trần.*



Giá : 20.000đ